



USAID

TỬ NHÂN DÂN MỸ

XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI VÙNG VÀ MÔ HÌNH THÍ ĐIỂM DU LỊCH SINH THÁI Ở TỈNH QUẢNG NAM VÀ THỪA THIÊN HUẾ

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI VÙNG QUẢNG NAM VÀ THỪA THIÊN HUẾ GIAI ĐOẠN 2018 – 2022

Tháng 7 năm 2018

(DELETE THIS BLANK PAGE AFTER CREATING PDF. IT'S HERE TO MAKE FACING PAGES AND LEFT/RIGHT PAGE NUMBERS SEQUENCE CORRECTLY IN WORD. BE CAREFUL TO NOT DELETE THIS SECTION BREAK EITHER, UNTIL AFTER YOU HAVE GENERATED A FINAL PDF. IT WILL THROW OFF THE LEFT/RIGHT PAGE LAYOUT.)

DRAFT

TÓM TẮT

Quảng Nam và Thừa Thiên Huế được rừng che phủ hơn ½ diện tích tự nhiên với thảm động thực vật phong phú, nhiều vùng sinh thái đa dạng từ núi cao, trung du, đồng bằng. Bên cạnh đó, tài nguyên nhân văn độc đáo của các dân tộc Tà Ôi, Cơ Tu, Pa Kô là điểm nổi bật hấp dẫn khách du lịch. Qua các chuyến khảo sát thực địa, phỏng vấn sâu đại diện lãnh đạo chính quyền, doanh nghiệp, cộng đồng địa phương và dựa vào kết quả các hội thảo tham vấn với các bên liên quan, Dự án đã xác định quan điểm chung là tăng cường bảo vệ môi trường song song với phát triển du lịch sinh thái cộng đồng. Đơn vị tư vấn kỹ thuật đã thực hiện đánh giá tiềm năng, thực trạng, phát triển du lịch, các thách thức của tác động môi trường, chính sách, nguồn nhân lực, vốn đầu tư và xúc tiến du lịch của các điểm đến ưu tiên khu vực Trung Trường Sơn. Chuyên gia tư vấn của Viện Quản lý và Phát triển Châu Á (AMDI) đã tập trung vào các khu bảo tồn thiên nhiên, vùng đệm và hành lang đa dạng sinh học do dự án ưu tiên hỗ trợ, bao gồm Khu bảo tồn thiên nhiên (KBTTN) Phú Ninh, Sông Thanh, Sao La ở Quảng Nam, Sao La ở Thừa Thiên Huế, KBTTN Phong Điền, VQG Bạch Mã, KBTTN Bắc Hải Vân và một số điểm du lịch khác do địa phương giới thiệu như làng du lịch cộng đồng Hồng Hạ, Hồng Kim.v.v. Chiến lược phát triển du lịch sinh thái vùng và Kế hoạch Phát triển sinh thái vùng bao gồm 8 chương trình, cụ thể như sau:

1. Chương trình hoàn thiện thể chế chính sách: Hoàn thiện văn bản pháp lý về quản lý nhà nước; Hoàn thiện các văn bản hướng dẫn quản lý, kiện toàn bộ máy tổ chức, quy chế, nội quy; Xây dựng thể chế kiêm nhiệm của các tổ công tác. Chiến lược hỗ trợ bảo tồn tài nguyên và văn hóa phục vụ du lịch: Bảo tồn và bảo vệ tài nguyên du lịch (tự nhiên và văn hóa); Kêu gọi hỗ trợ từ các nguồn tài trợ và đóng góp cho công tác bảo tồn các giá trị đặc trưng trong khu vực;
2. Chương trình phát triển nguồn nhân lực: Nâng cao nhận thức của cộng đồng và các bên liên quan về môi trường, đa dạng sinh học (ĐDSH) và phát triển Du lịch sinh thái cộng đồng (DLSTCĐ); Khuyến khích cộng đồng tham gia vào việc cung cấp dịch vụ Du lịch bền vững (DLBV); Khẳng định vai trò của cộng đồng trong phát triển du lịch;
3. Chương trình đầu tư cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật: Đầu tư, xây dựng, nâng cấp đường giao thông vào các KBTTN và Vườn quốc gia (VQG); Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho các KBTTN và VQG; Nâng cấp kết cấu hạ tầng về quản lý các nguồn năng lượng và chất thải;
4. Chương trình phát triển sản phẩm: Sản phẩm sinh thái thiên nhiên và nhân văn địa phương và các sản phẩm bổ trợ khác. Khảo sát tài nguyên, phân tích thị trường; Xây dựng tuyến/chương trình du lịch sinh thái (DLST), lập kế hoạch phát triển; Xây dựng hệ thống thông tin; Huy động nguồn lực; Xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật; Đánh giá kết quả, kiểm tra, giám sát;
5. Chương trình liên kết và hợp tác: Chiến lược liên kết và hợp tác: Liên kết giữa Ban quản lý (BQL) KBTTN, VQG với các bên liên quan tới phát triển DLSTCĐ, các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch để thống nhất về định hướng phát triển, xúc tiến đầu tư; Hợp tác với các cơ quan nghiên cứu, doanh nghiệp, tổ chức đào tạo liên quan tới DLSTCĐ;
6. Chương trình xúc tiến, quảng bá: Thực hiện nghiên cứu thị trường; Xây dựng Thương hiệu điểm đến; Tổ chức chương trình FAM, Presstrip, hội thảo khoa học; Xây dựng kế hoạch thông tin quảng bá;

7. Chương trình thí điểm và nhân rộng mô hình DLSTCĐ: Trên cơ sở điều tra và phỏng vấn một số doanh nghiệp lữ hành và khảo sát, đánh giá tài nguyên du lịch và khả năng phát triển DLSTCĐ của một số điểm trong khu vực, xây dựng bộ tiêu chí lựa chọn để đánh giá tổng thể các điểm du lịch đã khảo sát và xây dựng mô hình khung; Tổ chức kết nối và hợp tác về thỏa thuận hợp tác giữa các doanh nghiệp lữ hành và cộng đồng địa phương với sự tham gia, chứng kiến và hỗ trợ của chính quyền địa phương; Triển khai đầu tư xây dựng, vận hành và quản lý mô hình DLSTCĐ với sự tham gia trực tiếp của ít nhất 01 doanh nghiệp lữ hành; Xây dựng kế hoạch nhân rộng các mô hình DLSTCĐ theo Chiến lược phát triển DLSTCĐ;

Chiến lược phát triển DLSTCĐ hai tỉnh Quảng Nam và Thừa Thiên Huế cũng đặt ra các vấn đề bao trùm như xây dựng chính sách, thể chế, chiến lược liên quan đến DLST và quản lý, bảo tồn ĐDSH, phát triển bền vững môi trường, cơ chế đối thoại và hợp tác công – tư, phân bổ nguồn lực và tài chính, hợp tác, liên kết vùng, đảm bảo phát triển toàn diện vùng Trung Trường Sơn nói riêng và của cả nước nói chung.

NỘI DUNG

1. GIỚI THIỆU	8
1.1. BỐI CẢNH VÀ SỰ CẦN THIẾT	8
1.2. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC	10
1.3. PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC	11
1.3.1. PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN	11
1.3.2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	11
1.3.3. PHƯƠNG PHÁP CHẤM ĐIỂM LỰA CHỌN ĐIỂM DLSTCĐ	12
2. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG	13
2.1 PHÂN TÍCH CHÍNH SÁCH	13
2.1.1. CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN DU LỊCH	13
2.1.2. CHÍNH SÁCH DU LỊCH SINH THÁI CỘNG ĐỒNG	14
2.1.3. CHÍNH SÁCH DU LỊCH SINH THÁI CỘNG ĐỒNG TẠI CÁC KHU BẢO TỒN	16
2.2. TÀI NGUYÊN DU LỊCH TỰ NHIÊN VÀ VĂN HÓA TẠI CÁC VQG/KHU BTTN	16
2.2.1. TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	16
2.2.2. TỈNH QUẢNG NAM	19
2.3 PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG	21
2.3.1 HIỆN TRẠNG KHÁCH DU LỊCH	21
2.3.2. HOẠT ĐỘNG DU LỊCH SINH THÁI CỘNG ĐỒNG	23
2.3.3. XÚC TIẾN QUẢNG BÁ DU LỊCH	24
2.3.4. XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH	25
2.3.5. KHẢ NĂNG TIẾP CẬN VÀ VẬN CHUYỂN	26
2.3.6. CƠ SỞ LƯU TRÚ	28
2.3.7. DỊCH VỤ BỔ TRỢ	30
2.3.8. NGUỒN NHÂN LỰC	30
2.4. ĐÁNH GIÁ THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN PHÁT TRIỂN DLSTCĐ (PHÂN TÍCH SWOT)	32
3. KHUNG CHIẾN LƯỢC	35
3.1. TẦM NHÌN VÀ MỤC TIÊU	35
3.2. NGUYÊN TẮC, PHƯƠNG THỨC TIẾP CẬN	35
3.2.1. NGUYÊN TẮC PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI CỘNG ĐỒNG	35
3.2.2. TIẾP CẬN THEO QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	35
3.2.3. TIẾP CẬN THEO HƯỚNG THỨC ĐẨY LIÊN KẾT, HÌNH THÀNH MẠNG LƯỚI DU LỊCH SINH THÁI VÙNG	36
3.3. MÔ HÌNH QUẢN LÝ, HỢP TÁC PHÁT TRIỂN CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN	36
3.4. CÁC CHIẾN LƯỢC THÀNH PHẦN	38
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	55

Chữ và ký hiệu viết tắt

AMDI	:	Asian Management and Development Institute - Viện Quản lý và Phát triển châu Á
ASEAN	:	Association of South East Asian Nations - Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
BĐKH	:	Biến đổi khí hậu
Bộ KHĐT	:	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
Bộ VH TTDL	:	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
BVMT	:	Bảo vệ môi trường
CNTT	:	Công nghệ thông tin
CSLTDL	:	Cơ sở lưu trú du lịch
CSVC	:	Cơ sở vật chất
CSVCKT	:	Cơ sở vật chất kỹ thuật
ĐDSH	:	Đa dạng sinh học
DLCĐ	:	Du lịch cộng đồng
DLST	:	Du lịch sinh thái
DLSTCĐ	:	Du lịch sinh thái cộng đồng
HST	:	Hệ sinh thái
KBT	:	Khu bảo tồn
KBTTN	:	Khu bảo tồn thiên nhiên
KT-XH	:	Kinh tế-xã hội
LHQ	:	Liên hợp quốc
NTV	:	Nhóm tư vấn
PTBV	:	Phát triển bền vững
QN	:	Quảng Nam
RĐĐ	:	Rừng đặc dụng
RPH	:	Rừng phòng hộ
Sở VH TTDL	:	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
TCDL	:	Tổng cục Du lịch
TTH	:	Thừa Thiên Huế
UBND	:	Ủy ban nhân dân
UNESCO	:	United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization - Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của LHQ
UNWTO	:	World Tourism Organization - Tổ chức Du lịch Thế giới của LHQ
USAID	:	United States Agency for International Development - Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ
Viện NCPT Du lịch	:	Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch
VQG	:	Vườn quốc gia
WWF	:	World Wide Fund For Nature - Quỹ Quốc tế bảo vệ thiên nhiên

DANH MỤC BẢNG

Bảng	Trang
Bảng 1: Hiện trạng khách du lịch đến các tỉnh khu vực nghiên cứu	
Bảng 2: Đánh giá thuận lợi, khó khăn phát triển DLSTCĐ	
Bảng 3: Bảng chấm điểm tiêu chí lựa chọn điểm du lịch sinh thái cộng đồng	
Bảng 4: Các chỉ số sử dụng để đánh giá, giám sát	
Bảng 5: Kế hoạch đánh giá, giám sát	
Bảng 6: Các dự án ưu tiên	

DANH MỤC HÌNH

Hình	Trang
Hình 1: Các hoạt động người dân đã triển khai tại điểm du lịch sinh thái	23
Hình 2: Cơ sở lưu trú đảm bảo chất lượng theo đánh giá của khách du lịch	29
Hình 3: Các hoạt động người dân có thể tham gia trong dự án phát triển du lịch sinh thái	29
Hình 4: Mức độ sẵn sàng tham gia của cộng đồng địa phương	31
Hình 5: Mức độ sẵn sàng tham gia góp vốn cùng phát triển du lịch sinh thái trong vùng của cộng đồng địa phương	31
Hình 6: Các kiến thức, kỹ năng cần được tập huấn, bồi dưỡng cho cộng đồng	32
Hình 7: Mô hình khung thể chế quản lý, phát triển DLSTCĐ	37
Hình 8: Mô hình tổ chức cộng đồng quản lý phát triển DLSTCĐ	38

1. GIỚI THIỆU

1.1. BỐI CẢNH VÀ SỰ CẦN THIẾT

Trong những thập kỷ gần đây, suy thoái đa dạng sinh học, suy thoái tài nguyên nước và biến đổi khí hậu ngày càng hiện hữu, đã trở thành thách thức lớn nhất cho sự phát triển bền vững của nhân loại trong thế kỷ 21. BĐKH tác động tới tất cả các lĩnh vực, các vùng miền, các hệ thống tự nhiên và kinh tế-xã hội trên phạm vi toàn cầu, đe dọa sự tồn tại của loài người, của Trái đất (Al Gore, 2002; IPCC, 2007). Những hoạt động của con người đã làm suy thoái đa dạng sinh học đến mức báo động, các chỉ số và phạm vi tuyệt chủng của các loài đã vượt xa chỉ số cơ bản (tự nhiên). BĐKH tác động tới toàn bộ hệ sinh thái, làm cho nó suy thoái, làm giảm khả năng tự điều chỉnh và phục hồi. Đây là điều quan trọng nhất vì ĐDSH là tài nguyên tái tạo. Nếu nước biển dâng cao 1m, dự đoán sẽ có 78 (27%) sinh cảnh tự nhiên quan trọng, 46 khu bảo tồn (33%), 9 khu vực có đa dạng sinh học quan trọng (23%), 23 khu có ĐDSH quan trọng khác (21%) bị tác động nghiêm trọng (Van Urk and Misdorp, 1996; Pilgrim, 2007).¹ Trước thực trạng gia tăng phát thải khí nhà kính do hoạt động của con người trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, trong đó có ngành Du lịch, cộng đồng các quốc gia ASEAN đã xây dựng cam kết về thích ứng, nâng cao nhận thức và chuẩn bị sẵn sàng trước tác động của biến đổi khí hậu. ASEAN đã lồng ghép một số biện pháp ứng phó với BĐKH trong xây dựng tiêu chuẩn của ngành Du lịch áp dụng chung cho toàn khu vực và các quốc gia thành viên đã xác định quan điểm chiến lược phát triển bền vững, bảo vệ môi trường vào Chiến lược và Quy hoạch phát triển du lịch quốc gia.²

Vì vậy, phát triển bền vững (PTBV) là một xu thế tất yếu và là một mô hình đã được nhiều quốc gia trên thế giới lựa chọn để hướng tới. Sau hơn 20 năm PTBV, trước hết là thực hiện 8 Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ của Liên Hợp Quốc (LHQ), thế giới vẫn chưa đạt được các kết quả bền vững như mong muốn. Sự phát triển vẫn theo mô hình kinh tế “nâu”, gây hủy hoại môi trường và suy thoái tài nguyên, biến đổi khí hậu³. Tại Hội nghị Thượng đỉnh tháng 9/2015, LHQ đã thông qua Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững với tầm nhìn 15 năm, đặt ra 17 mục tiêu chung cùng 169 mục tiêu cụ thể cho phát triển bền vững toàn cầu xoay quanh 4 trụ cột: kinh tế - xã hội - môi trường- thể chế, đặt trên nền tảng các quan hệ đối tác toàn cầu. Đối với lĩnh vực du lịch, Tổ chức Du lịch Thế giới của LHQ (UNWTO) hiện đang làm việc với các Chính phủ, các đối tác nhà nước và tư nhân, các ngân hàng phát triển, các tổ chức tài chính quốc tế và khu vực, các cơ quan của LHQ và các tổ chức quốc tế để đạt được các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs), đặt trọng tâm vào các mục tiêu 8, 12, 14, trong đó du lịch là một phần đặc trưng, quan trọng. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, với mục tiêu trở thành một thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, Việt Nam đã xác định phát triển nhanh và bền vững là mục tiêu cốt lõi, quan trọng nhất của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

¹ T.Q. Học (2012) Bảo tồn ĐDSH trong bối cảnh BĐKH toàn cầu và ở Việt Nam. Kỷ yếu hội thảo: Bảo tồn và phát huy các giá trị của Khu Dự trữ sinh quyển Kiên Giang, Việt Nam

² VNAT, Vụ Khách sạn (2014) ASEAN, Biến đổi khí hậu và Du lịch

³ *The future we want: RIO+20 outcome Documents, 2012*

Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030 đã xác định “phát triển du lịch bền vững gắn chặt với việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, giữ gìn cảnh quan, bảo vệ môi trường”, đồng thời lựa chọn “du lịch sinh thái” là một trong những dòng sản phẩm du lịch chính để ưu tiên phát triển tại Việt Nam.

Năm 2017, Việt Nam đón khoảng 12,9 triệu lượt khách quốc tế (tăng 29% so với năm 2016), phục vụ 73 triệu lượt khách nội địa, tổng thu từ khách du lịch đạt 510.000 tỷ đồng. Đóng góp của ngành Du lịch Việt Nam trong tổng số GDP ước khoảng 7%⁴. Các hoạt động du lịch sinh thái ở Việt Nam có tiềm năng phát triển xét về sự đa dạng sinh học, tài nguyên thiên nhiên, chính sách hỗ trợ và thị trường mục tiêu. Các VQG và KBTTN của Việt Nam là nơi lý tưởng để tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái. Tuy nhiên, phát triển và bảo tồn các hệ sinh thái và tài nguyên của Việt Nam là hai mặt của một vấn đề, không có bảo tồn và bảo vệ, không thể duy trì được sự phát triển bền vững và ngược lại. Lợi ích kinh tế-xã hội bắt nguồn từ bảo tồn thường bị bỏ qua và thiếu sự đầu tư cần thiết để duy trì các dịch vụ và sản phẩm hệ sinh thái, nền tảng của sự phát triển. Vì vậy, để đạt được mục tiêu phát triển bền vững, phải lựa chọn hướng phát triển phù hợp với tài nguyên, hiện trạng của điểm đến, áp dụng các nguyên tắc bền vững đảm bảo việc bảo tồn giá trị tài nguyên thiên nhiên, văn hóa bản địa, nhưng đồng thời cũng cân bằng lợi ích kinh tế - xã hội của điểm đến.

Cho tới nay, các hoạt động du lịch sinh thái chưa phát triển tương xứng với tiềm năng và chưa có nhiều mô hình du lịch sinh thái theo đúng nghĩa ở Việt Nam, hiệu quả đóng góp của du lịch sinh thái cho cộng đồng địa phương cũng chưa như mong đợi.

Quảng Nam và Thừa Thiên Huế là hai địa phương nổi bật, tạo động lực lớn cho phát triển du lịch của khu vực miền Trung Việt Nam. Thời gian vừa qua, khách du lịch tới 2 địa phương này chỉ tập trung vào các điểm du lịch truyền thống như Hội An, Cố đô Huế để tìm hiểu về văn hóa di sản, gây nên tình trạng quá tải và phát triển thiếu bền vững tại các điểm đến này. Một số hoạt động du lịch đã ban đầu phát triển tại hai địa phương này như ở VQG Bạch Mã, khu vực A Lưới, Tam Giang (Thừa Thiên Huế), Triêm Tây, Phù Ninh, Đông Giang, Tây Giang (Quảng Nam)... Tuy vậy, các hoạt động còn phần lớn là tự phát, thiếu sự quản lý và đầu tư tổng thể nên sản phẩm dịch vụ du lịch sinh thái còn nghèo nàn, nguồn thu cho bảo tồn và phát triển kinh tế cộng đồng còn ít. Bên cạnh đó, nạn phá rừng, săn bắn trái phép đang diễn ra mạnh mẽ khiến công tác bảo tồn, giữ gìn tài nguyên gặp nhiều khó khăn.

Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) tài trợ cho dự án Trường Sơn Xanh (2016-2020) đã lựa chọn tổ chức Phát triển Quốc tế (ECODIT) thực hiện dự án tại Quảng Nam và Thừa Thiên Huế nhằm hỗ trợ hai tỉnh trong việc quản lý, bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và tăng khả năng thích ứng của cộng đồng. Theo đó, dự án đã triển khai đồng bộ các nhiệm vụ hướng tới nâng cao tính bền vững về kinh tế cho các cộng đồng dân cư sống phụ thuộc vào rừng: (1) Tăng cường áp dụng các phương thức sử dụng đất phát thải thấp; (2) Tăng cường bảo tồn đa dạng sinh học; (3) Tăng cường khả năng phục hồi cho các cộng đồng dễ bị tổn thương.

⁴ VNAT. (2017). *Báo cáo tổng kết công tác năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ trọng tâm năm 2018*. Tổng cục Du lịch (VNAT).

Hoạt động “Xây dựng Kế hoạch Phát triển Du lịch sinh thái Vùng và các Mô hình thí điểm Du lịch sinh thái cho tỉnh Quảng Nam và Thừa Thiên Huế” có thể được xem là giải pháp quan trọng để thực hiện tốt nhiệm vụ 2 và 3, đồng thời góp phần vào mục tiêu chung phát triển bền vững tại khu vực Trung Trường Sơn. Mục tiêu của hoạt động là xây dựng được các định hướng phát triển du lịch sinh thái cộng đồng cho vùng, đồng thời đưa ra các hướng dẫn cụ thể cho các điểm nghiên cứu để có thể bắt đầu phát triển du lịch sinh thái một cách bài bản, đồng bộ. Dự án cũng lựa chọn mô hình thí điểm để phát triển du lịch sinh thái cộng đồng cho hai tỉnh Quảng Nam và Thừa Thiên Huế.

“Chiến lược Phát triển DLST vùng Quảng Nam và Thừa Thiên Huế” được coi là “sợi chỉ đỏ” xuyên suốt các hoạt động của gói thầu, đưa ra tầm nhìn, mục tiêu, nguyên tắc phát triển và các chiến lược phát triển du lịch sinh thái cộng đồng của 2 tỉnh Quảng Nam và Thừa Thiên Huế. Chiến lược này tập trung vào hoạt động du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng (sau đây gọi là du lịch sinh thái cộng đồng) cho hai tỉnh Quảng Nam và Thừa Thiên Huế, theo đó, định hướng phát triển cho các hoạt động du lịch sinh thái tại các VQG và KBTTN trong vùng, đồng thời phát triển DLSTCĐ tại các làng/thôn ở vùng đệm, hoặc vùng lõi để đảm bảo phát triển bền vững về môi trường, văn hóa, kinh tế-xã hội.

1.2. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC

Quá trình nghiên cứu được thực hiện các bước bài bản từ nghiên cứu thứ cấp đến sơ cấp, với các dữ liệu đầu vào được cân nhắc đầy đủ để đảm bảo tính khoa học và thực tiễn.

BƯỚC 1: 20–31/5/18

- Thành lập tổ công tác kỹ thuật của nhóm tư vấn;
- Tổ chức cuộc họp để phân công công việc và thu thập tài liệu cho dự thảo Chiến lược DLSTCĐ và Kế hoạch Phát triển DLSTCĐ Vùng;

BƯỚC 2: 01 - 17/6/18

- Dự thảo khung Chiến lược DLSTCĐ;
- Tổ chức các cuộc thảo luận / họp kỹ thuật với tất cả các chuyên gia tư vấn để thu thập ý kiến về dự thảo sơ bộ Chiến lược DLSTCĐ và Kế hoạch Phát triển DLSTCĐ Vùng;
- Xây dựng công cụ khảo sát thực địa và phân tích dữ liệu;

BƯỚC 3: 18-24/6/2018

- Tổ chức các cuộc Tọa đàm kỹ thuật để thu thập ý kiến về dự thảo Chiến lược DLSTCĐ và Kế hoạch Phát triển DLSTCĐ Vùng;
- Khảo sát thực địa tại các Khu Bảo tồn / Khu Dự trữ của các tỉnh Quảng Nam và Thừa Thiên Huế;

BƯỚC 4: 25/6–9/7/2018

- Thu thập và phân tích các thông tin từ Tọa đàm kỹ thuật và các chuyên công tác định hướng để hoàn thiện dự thảo Chiến lược DLSTCĐ và Kế hoạch Phát triển DLSTCĐ Vùng;
- Chuẩn bị nội dung cho các cuộc hội thảo với các bên liên quan liên quan đến dự thảo Chiến lược DLSTCĐ và Kế hoạch Phát triển DLSTCĐ Vùng;

BƯỚC 5: 1-25/7/2018

- Sửa đổi Chiến lược DLSTCĐ và hoàn thành dự thảo của khung Kế hoạch Phát triển DLSTCĐ Vùng;

BƯỚC 6: 7-8/8/2018

- Hội thảo với các bên liên quan về dự thảo Kế hoạch Phát triển DLSTCĐ Vùng;

BƯỚC 7: 9-15/8/2018

- Hoàn thành Chiến lược DLSTCĐ và Kế hoạch Phát triển DLSTCĐ Vùng;

1.3. PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC

Chiến lược này được nhóm tư vấn áp dụng phương pháp định tính là chủ đạo để chọn mẫu, chọn phương pháp lấy số liệu, chọn phương pháp tiếp cận các bên liên quan để lấy số liệu và phân tích số liệu. Căn cứ kết quả thu được, nhóm tiếp tục áp dụng phương pháp định lượng để khảo sát nhu cầu của cộng đồng bản địa và khách du lịch trong việc hình thành, phát triển DLSTCĐ tại một số địa bàn miền Tây tỉnh Thừa Thiên Huế và Quảng Nam.

1.3.1. PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN

- Tích hợp: Hệ thống, liên ngành, liên vùng, liên cấp;
- Kết hợp: Chiến lược được xây dựng theo cách tiếp cận từ trên xuống (Top-down) là từ Mục tiêu phát triển bền vững của LHQ đến các Chiến lược Quốc gia (kinh tế-xã hội, đa dạng sinh học, phát triển du lịch) để có sự thống nhất về định hướng cũng như kế thừa những nguyên tắc, các quy hoạch, kế hoạch phát triển du lịch của địa phương. Bên cạnh đó, Chiến lược cũng tiếp cận từ dưới lên (Bottom-up) khi xác định nhu cầu của khách du lịch, của cộng đồng địa phương, ban quản lý các điểm DLSTCĐ để việc định hướng không xa rời thực tiễn, đảm bảo tính khả thi.

1.3.2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- Thu thập, phân tích, tổng hợp số liệu thứ cấp (Desk study): Tổng hợp các nghiên cứu đã công bố trong nước và quốc tế, các tài liệu, báo cáo và thống kê của các tổ chức, cá nhân trong nước liên quan đến du lịch, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng và hoạt động bảo tồn sinh thái – đa dạng sinh học. Thu thập báo cáo của các địa phương về tình hình phát triển du lịch, du lịch sinh thái, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch, công tác bảo tồn...
- Khảo sát thực địa, thu thập số liệu sơ cấp (Field study)

+ Thảo luận nhóm, tọa đàm kỹ thuật: 02 cuộc tọa đàm kỹ thuật được tổ chức tại tỉnh Thừa Thiên Huế và tỉnh Quảng Nam do Tư vấn trưởng và cố vấn pháp lý chủ trì. Tham dự các cuộc tọa đàm bao gồm các đại biểu đại diện các cơ quan nhà nước có liên quan đến hoạt động du lịch sinh thái như Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban quản lý các khu rừng đặc dụng/khu bảo tồn, đại diện Ủy ban Nhân dân các cấp, đại diện cộng đồng và một số doanh nghiệp lữ hành.

+ Quan sát: Trong thời gian từ 19/6 - 24/6/2018, nhóm chuyên gia xây dựng chiến lược đi thực địa tại KBTTN Phú Ninh, Sông Thanh, Sao La - Quảng Nam, Sao La - Thừa Thiên Huế, Phong Điền, VQG Bạch Mã và Khu rừng đặc dụng (RĐD) Bắc Hải Vân. Nhóm nghiên cứu đã quan sát, ghi chép và đánh giá tiềm năng phát triển du lịch sinh thái cộng đồng tại các điểm khảo sát trên.

+ Phỏng vấn sâu: Tại các buổi trực tiếp làm việc thực địa với tại các khu bảo tồn, vườn quốc gia và khu rừng đặc dụng nêu trên và tại 02 cuộc tọa đàm kỹ thuật tổ chức tại tỉnh Thừa Thiên Huế và tỉnh Quảng Nam, nhóm nghiên cứu đã phỏng vấn chuyên sâu các chuyên gia.

+ Điều tra xã hội học, tham vấn cộng đồng: Tổ chức phỏng vấn 196 người dân, tại 11 thôn, xã, trong khu vực nghiên cứu của 2 tỉnh TTH và QN để xác định tính sẵn sàng và nhu cầu phát triển du lịch tại địa phương.

1.3.3. PHƯƠNG PHÁP CHẤM ĐIỂM LỰA CHỌN ĐIỂM DLSTCĐ

Để có thể lựa chọn các điểm du lịch sinh thái cộng đồng ưu tiên phát triển theo Chiến lược này, trong quá trình khảo sát và nghiên cứu thực trạng, NTV đã sử dụng phương pháp chấm điểm theo các tiêu chí lựa chọn điểm DLSTCĐ.

Các tiêu chí chấm điểm theo 6 nhóm, trong tổng 100 điểm (Mẫu Bảng chấm điểm xem Phụ lục 5)

Nhóm	Tiêu chí chấm điểm
Nhóm 1: Giá trị tài nguyên tự nhiên	<ul style="list-style-type: none">- Thuộc KBTTN và VQG có đa dạng sinh học;- Tài nguyên tự nhiên đặc trưng;- Phong cảnh tự nhiên (đồi núi, sông, suối);- Nhu cầu bảo tồn tự nhiên trong khu vực.
Nhóm 2: Giá trị tài nguyên văn hóa	<ul style="list-style-type: none">- Mức độ hấp dẫn văn hóa các dân tộc đặc trưng trong khu vực (Phong tục, tập quán, trang phục, tín ngưỡng, lễ hội, phong cảnh làng bản, cảnh đồng, sinh hoạt làng xã...);- Mức độ bảo tồn văn hóa.
Nhóm 3: Cơ sở hạ tầng phát triển du lịch sinh thái và các hoạt động du lịch	<ul style="list-style-type: none">- Khả năng tiếp cận (tuyến tham quan);- Trang thiết bị phục vụ du lịch (công cộng) và Hệ thống cung cấp nước sạch;- Cơ sở dịch vụ du lịch (lưu trú, ăn uống, vui chơi giải trí...);- Hệ thống xử lý rác thải và nước thải.
Nhóm 4: Khả năng phát triển sản phẩm du lịch	<ul style="list-style-type: none">- Có thể tổ chức nhiều hoạt động gắn với tự nhiên và hoạt động giáo dục về môi trường và đa dạng sinh học;- Có thể kết nối với nhiều điểm du lịch khác trong vùng và khu vực xung quanh; Khả năng khắc phục, giảm nhẹ tính mùa vụ;- Khả năng nuôi trồng và khai thác sản phẩm địa phương để xây dựng và phát triển sản phẩm du lịch.
Nhóm 5: Sự tham gia của cộng đồng địa phương	<ul style="list-style-type: none">- Cộng đồng sẽ tham gia tích cực vào dự án;- Cộng đồng có thể tham gia vào việc quản lý và phát triển dự án;- Mức độ tham gia của doanh nghiệp dịch vụ và du lịch địa phương;- Mức độ tham gia của các tổ chức xã hội, cơ quan quản lý địa phương.
Nhóm 6: Ảnh hưởng của dự án	<ul style="list-style-type: none">- Sự công nhận của du lịch trong và ngoài nước. Khả năng xây dựng thương hiệu du lịch sinh thái- Kết quả tích cực của dự án đóng góp vào kinh tế-xã hội của địa phương- Khả năng kết nối và mở rộng mạng lưới du lịch sinh thái cộng đồng trong và ngoài khu vực với các dự án khác

2. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG

2.1 PHÂN TÍCH CHÍNH SÁCH

2.1.1. CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN DU LỊCH

Cùng với xu hướng xây dựng và lập Chính sách phát triển du lịch của các quốc gia trên thế giới, Chính sách phát triển du lịch của Việt Nam cũng không phải là chính sách đơn. Du lịch Việt Nam được xác định là ngành kinh tế tổng hợp, có tính liên ngành và liên vùng. Chính sách phát triển của du lịch Việt Nam trong giai đoạn tới được thể hiện tại Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Cụ thể, các chính sách sau sẽ hỗ trợ cho sự phát triển của du lịch:

- 1) Đổi mới nhận thức, tư duy về phát triển du lịch. Nhận thức rõ du lịch là ngành kinh tế dịch vụ tổng hợp, có tính liên ngành, liên vùng, xã hội hóa cao và nội dung văn hóa sâu sắc; phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn;
- 2) Cơ cấu lại ngành Du lịch bảo đảm tính chuyên nghiệp, hiện đại và phát triển bền vững theo quy luật của kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế;
- 3) Hoàn thiện thể chế, chính sách về đầu tư, ban hành các chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư vào du lịch, nhất là các địa bàn trọng điểm, vùng sâu, vùng xa có tiềm năng du lịch, sản phẩm du lịch đặc thù và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực du lịch. Về thủ tục nhập cảnh, tiếp tục hoàn thiện, ban hành chính sách tạo thuận lợi tối đa và đơn giản về thủ tục thị thực nhập cảnh cho khách du lịch quốc tế đến Việt Nam;
- 4) Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật ngành Du lịch;
- 5) Tăng cường xúc tiến quảng bá du lịch, tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp và cộng đồng phát triển du lịch;
- 6) Phát triển nguồn nhân lực du lịch và tăng cường năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước về du lịch.

Tại tỉnh Thừa Thiên Huế, du lịch đã và đang được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn trong chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của địa phương dựa trên mức đóng góp vào Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) chung trong các năm qua. Tháng 2/2014, 3 tỉnh Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng và Quảng Nam đã ký Thỏa thuận hợp tác. Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2013-2030 định hướng phát triển dịch vụ du lịch trở thành ngành kinh tế then chốt trong đóng góp ngân sách của tỉnh. Quy hoạch xác định phát triển du lịch bền vững theo hướng tăng trưởng xanh chú trọng những điểm đến như Vườn Quốc Gia Bạch Mã, Hệ đầm phá Tam Giang Cầu Hai, Khu Bảo tồn thiên nhiên Phong Điền, và Cộng đồng bản địa vùng cao (Sở VH-TT-DL Huế, 2013)⁵. Đóng góp của GDP ngành du lịch so với tỷ trọng GDP toàn tỉnh Thừa Thiên Huế trong năm 2015 khoảng 12% và các năm 2020, 2030 dự kiến lần lượt sẽ là 13,1% và 17,2%. Tỉnh Thừa Thiên Huế đã và đang đẩy mạnh phát triển

⁵Báo cáo Nghiên cứu xây dựng cơ chế chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch tại tỉnh Thừa Thiên Huế

sản phẩm du lịch truyền thống, du lịch sinh thái với các sản phẩm chính dựa vào cộng đồng, hệ du lịch sinh thái rừng, hồ, đầm phá và sinh thái biển⁶.

Đối với tỉnh Quảng Nam, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt xác định, ngành thương mại, dịch vụ và du lịch phấn đấu sẽ đạt tốc độ tăng GDP bình quân giai đoạn 2016-2020 khoảng 12,3%/năm, giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 11,4%/năm. Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Quảng Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 đặt mục tiêu vào năm 2020, ngành du lịch mang lại nguồn thu chiếm tỷ trọng 25-27% tổng GDP của tỉnh. Mới đây, Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 27/12/2016 của Tỉnh ủy Quảng Nam về phát triển du lịch Quảng Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 nêu rõ: Phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng là một trong những định hướng xây dựng sản phẩm của Quảng Nam, phù hợp với lợi thế về tài nguyên du lịch của tỉnh.⁷ Theo đó, tỉnh Quảng Nam sẽ xây dựng các sản phẩm du lịch phù hợp với lợi thế của tỉnh như văn hóa, nghỉ dưỡng biển, sinh thái, làng quê, cộng đồng, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để người dân trực tiếp tham gia kinh doanh và hưởng lợi từ du lịch; xây dựng cộng đồng du lịch văn minh, thân thiện trong ứng xử với khách du lịch; hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng, du lịch nông thôn, du lịch sinh thái⁸.

2.1.2. CHÍNH SÁCH DU LỊCH SINH THÁI CỘNG ĐỒNG

Đối với một quốc gia, một vùng hoặc một khu vực, chính sách phát triển du lịch bền vững nói chung và du lịch sinh thái nói riêng xuất phát từ tính ưu tiên và nguồn lực triển khai thực hiện. Tác giả After O’Riordan (trích trong Holden, 2016) cho rằng, chính sách phát triển của một quốc gia hoặc vùng nào đó có 03 thang bậc: (i) Ưu tiên thứ nhất đó là các mục tiêu về an ninh, quốc phòng; y tế; phát triển kinh tế và việc làm. (ii) Ưu tiên thứ hai nhắm đến việc phân phối lại thu nhập; phát triển vùng và tạo cơ hội công bằng xã hội cho công dân. (iii) Ưu tiên thứ ba tập trung giải quyết các vấn đề về môi trường; phát triển hệ thống giám sát và kiểm soát môi trường; và tạo điểm cân bằng, hài hòa cho hệ sinh thái⁹. Cũng theo After O’Riordan, du lịch sinh thái được hiểu là du lịch đến những khu vực tự nhiên còn ít bị tác động và không bị ô nhiễm, với những mục đích đặc biệt là nghiên cứu, tham quan, thưởng thức phong cảnh thiên nhiên, động vật và thực vật hoang dã, cũng như bất kỳ khía cạnh văn hóa hiện có được khám phá trong khu vực này. Du lịch sinh thái phải gây ảnh hưởng ở mức thấp nhất tới hệ sinh thái thông qua việc giáo dục du khách, tạo điều kiện cho phát triển kinh tế địa phương và người dân bản địa nhằm bảo tồn giá trị văn hóa bản địa. Như vậy, việc hoạch định chính sách phát triển du lịch sinh thái phải gắn với bảo tồn đa dạng sinh học tại các khu bảo tồn, giáo dục du khách, phát triển kinh tế địa phương và đảm bảo đời sống của người dân cũng như bảo tồn các giá trị văn hóa. Chính sách du lịch sinh thái tập trung vào những khía cạnh sau:

⁶ UBND tỉnh Thừa Thiên Huế. (2013). *Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2013-2030*. Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

⁷ Nguồn: Sở VH-TTDL tỉnh Quảng Nam

⁸ UBND tỉnh Quảng Nam. (2018). *Quyết định số 1117/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Nam thực hiện Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 06/10/2017 của Chính phủ*. Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Nam.

⁹ Holden, A. (2016). *Environment and Tourism*, Oxon: Routledge

- Du lịch sinh thái phải có tác động thấp nhất tới nguồn tài nguyên thiên nhiên tại khu vực cần được bảo tồn;
- Các bên tham gia vào việc hình thành sản phẩm du lịch sinh thái (các cá nhân, cộng đồng, khách du lịch sinh thái, doanh nghiệp du lịch sinh thái và các cơ quan nhà nước) phải được tham gia vào việc hoạch định, phát triển, triển khai và bám sát sản phẩm du lịch sinh thái đó;
- Du lịch sinh thái phải tôn trọng văn hóa và truyền thống bản địa;
- Sản phẩm du lịch sinh thái phải tạo ra nguồn thu công bằng và ổn định cho cộng đồng địa phương, các bên liên quan khác bao gồm cả các doanh nghiệp lữ hành;
- Sản phẩm du lịch sinh thái phải tạo ra nguồn thu nhằm mục đích tái đầu tư lại cho hoạt động bảo tồn khu vực cần được bảo tồn;
- Chính sách DLSTCĐ phải bao hàm cả việc giáo dục, tập huấn cho các bên liên quan về vai trò của họ trong việc bảo tồn tài nguyên tại KBTTN và VQG.

Tại Quảng Nam, Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 27/12/2016 của Tỉnh uỷ Quảng Nam về phát triển du lịch Quảng Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 nêu rõ: Phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng là một trong những định hướng xây dựng sản phẩm của Quảng Nam, phù hợp với lợi thế về tài nguyên du lịch của tỉnh. Cụ thể, quy hoạch về phía Tây, tỉnh Quảng Nam có định hướng khai thông tuyến du lịch với nước bạn Lào và liên kết với các tỉnh Tây Nguyên để phát triển du lịch; tập trung bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa đặc trưng của đồng bào dân tộc thiểu số, kết hợp với các di tích lịch sử, văn hóa, các giá trị đặc trưng của các khu bảo tồn thiên nhiên và rừng phòng hộ để phát triển du lịch cộng đồng, du lịch mạo hiểm, khám phá, nghỉ dưỡng.

Tại Thừa Thiên Huế, Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2013 – 2030 xác định: Phát triển sản phẩm du lịch sinh thái với ý nghĩa như là một trong số các sản phẩm du lịch ưu tiên. Theo đó, khai thác tiềm năng sinh thái của Thừa Thiên Huế với các sản phẩm chính du lịch các vùng nông thôn dựa vào cộng đồng du lịch sinh thái rừng, hồ, đầm phá và sinh thái biển.

Quy hoạch du lịch và Chiến lược phát triển du lịch của hai tỉnh Thừa Thiên Huế và Quảng Nam đều có chung một đặc điểm đó là khai thác thế mạnh của di sản văn hóa: Cố đô Huế, Hội An và Mỹ Sơn; hai địa phương đang đẩy mạnh phát triển du lịch sinh thái và du lịch cộng đồng về các huyện phía Tây như A Lưới, Phong Điền, Nam Đông (Thừa Thiên Huế); Phước Sơn, Tây Giang, Nam Giang, Đông Giang, Bắc Trà My và Nam Trà My (Quảng Nam). Tuy vậy, chiến lược cụ thể về phát triển DLST đối với Thừa Thiên Huế và Quảng Nam đang còn bỏ ngỏ. Cả Thừa Thiên Huế và Quảng Nam đang sở hữu nguồn tài nguyên du lịch đa dạng, có giá trị cao nhưng cũng rất nhạy cảm với tác động của môi trường. Trong khi đợi cơ chế, kế hoạch cụ thể thì môi trường du lịch tại đây đang báo động vấn nạn ô nhiễm rác thải. Nhận thức của người dân và các cơ sở kinh doanh về phát triển du lịch xanh còn nhiều hạn chế. Các địa phương chưa có chính sách khuyến khích người dân, doanh nghiệp tham gia chương trình xây dựng sản phẩm du lịch xanh, du lịch sinh thái cộng đồng. Một số mô hình du lịch cộng đồng được thành lập từ hỗ trợ của một số tổ chức như SNV (Hà Lan), JICA (Nhật Bản) có nguy cơ khó phát triển mạnh khi dự án đã kết thúc. Đặc biệt, một số khó khăn về cơ sở hạ tầng, năng lực thực hiện hoạt động du lịch của người dân, dịch vụ lưu trú, cơ chế khuyến khích cộng đồng tham gia hay mô hình quản lý hiệu quả đang là những rào cản cho sự phát triển đối với hầu hết mô hình du lịch xanh, du lịch cộng đồng ở hai địa phương.

2.1.3. CHÍNH SÁCH DU LỊCH SINH THÁI CỘNG ĐỒNG TẠI CÁC KHU BẢO TỒN

Một trong những đặc điểm khác biệt của du lịch sinh thái tại các khu bảo tồn đó là du lịch sinh thái diễn ra tại các khu vực có hệ sinh thái còn nguyên sơ, ít bị tác động bởi con người và như vậy những khu vực này thường là những khu bảo tồn thiên nhiên. Du lịch trong và xung quanh khu bảo tồn là phương tiện để bảo tồn, hỗ trợ, nâng cao nhận thức về các giá trị quan trọng của khu bảo tồn bao gồm các giá trị về hệ sinh thái, văn hóa, tinh thần, tham quan và kinh tế. Du lịch đóng vai trò tạo ra nguồn thu để tái đầu tư việc bảo tồn, bảo vệ đa dạng sinh học, hệ sinh thái và di sản văn hóa. Du lịch cũng góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng dân cư địa phương, kích lệ họ bảo vệ giá trị văn hóa truyền thống và giá trị sinh học tại khu bảo tồn. Chính sách này phải đảm bảo những nguyên tắc sau¹⁰:

- Thành lập khu vực bảo tồn và ban hành hệ thống văn bản quy phạm pháp luật để thực thi nhiệm vụ bảo tồn. Áp dụng các công ước hoặc các chuẩn mực quốc tế đối với khu bảo tồn đã được công nhận;
- Quy hoạch đất đai khu bảo tồn thành các khu cần bảo vệ ở mức độ khác nhau. Phân tích sức chứa và xác lập ngưỡng tới hạn cho phép đối với sự thay đổi về hệ sinh thái, tính đa dạng sinh học tại khu vực cần bảo tồn;
- Tùy theo quy mô dự án, nhà nước quy định chủ đầu tư phải thực hiện việc đánh giá tác động môi trường trước khi triển khai dự án phát triển du lịch;
- Khuyến khích sự hợp tác giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực thi chính sách bảo vệ môi trường và du lịch sinh thái tại các khu bảo tồn. Tổ chức đối thoại với thành phần kinh tế tư nhân trong việc áp dụng chính sách bảo vệ môi trường. Ở chừng mực nào đó, nhà nước cho phép tư nhân hóa trong việc khai thác tài nguyên để tái tạo nguồn lực bảo vệ khu vực bảo tồn, đảm bảo quyền lợi của người khai thác bảo vệ rừng và tính bền vững của khu vực cần được bảo tồn;
- Tạo cơ chế rõ ràng quy định việc người dân được hưởng lợi trực tiếp từ các nguồn thu phát triển du lịch sinh thái dựa trên cộng đồng;
- Tạo cơ chế về tài chính và luật pháp tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển DLSTCĐ;
- Tạo cơ chế nâng cao thị phần du lịch sinh thái trong thị trường du lịch trong khi vẫn đảm bảo cải thiện tiêu chuẩn và tiêu chí dịch vụ, đảm bảo đáp ứng nhu cầu của thị trường;
- Hỗ trợ các cơ sở giáo dục, đào tạo hoặc có cơ chế đào tạo kỹ năng cho người dân bản địa tham gia phát triển du lịch sinh thái cộng đồng.

2.2. TÀI NGUYÊN DU LỊCH TỰ NHIÊN VÀ VĂN HÓA TẠI CÁC VQG/KHU BTTN

2.2.1. TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Thừa Thiên Huế là vùng đất phong phú cả về tài nguyên thiên nhiên và văn hoá: có bờ biển dài 120 km, hệ thống đầm phá Tam Giang lớn nhất Đông Nam Á với 22.000 ha, hệ thống núi rừng chiếm hơn phân nửa diện tích đất của tỉnh.

¹⁰ Sproule, K. W. (1995). *Community-based ecotourism development: identifying partners in the process*. Truy cập tại <https://environment.yale.edu/publication-series/documents/downloads/0-9/99sproule.pdf>, ngày 07 tháng 7 năm 2018



KBTTN Sao La - Thừa Thiên Huế: Thuộc địa bàn 3 xã Hương Nguyên (huyện A Lưới), Thượng Quảng và Thượng Long (huyện Nam Đông), có tiềm năng DLST lớn với tài nguyên du lịch tự nhiên như thác nước, suối, rừng nguyên sinh, đường mạo hiểm, tuyến quan sát chim. Theo thống kê, hiện KBTTN chứa đựng nguồn gen phong phú đa dạng của hơn 1.200 loài động thực vật, trong đó có 139 loài chim. Một trong số những lợi thế phát triển du lịch vùng là khả năng kết nối với KBT

Sao La Quảng Nam, VQG Bạch Mã và KBT quốc gia Xê Sáp của Lào. Các điểm thu hút du lịch sinh thái kết hợp với du lịch mạo hiểm, khám phá gắn với quan sát các loài chim, thú quý hiếm gồm những khu rừng nguyên sinh từ A Roàng đến Quảng Nam, suối A Pát, dịch vụ tắm khoáng nóng. Suối khoáng nóng A Roàng thuộc địa phận xã A Roàng cách thị trấn A Lưới 25km về phía Nam, nằm gần quốc lộ 14, có diện tích khoảng 10ha. Đây là mạch nước ngầm lộ thiên có nhiệt độ trung bình 60-70°C, chứa nhiều khoáng chất chữa bệnh¹¹. Hơn 85% người dân ở huyện A Lưới là người dân tộc thiểu số, gồm đồng bào Pa Cô, Cơ Tu, Tà Ôi... với nhiều nét văn hóa truyền thống. Các lễ hội chính gồm có lễ hội đâm trâu của người Pa Cô, lễ hội cầu mùa Azakoonh của người Tà Ôi, lễ hội lúa mới (hay Aza), lễ hội cải táng và phong thần Anriêu ping. A Lưới có một số làng nghề như làng nghề dệt Zèng ở xã A Roàng; làng nghề rèn xã A Đót, Hồng Vân, Hồng Thượng; làng nghề chổi đót xã Hồng Thái, A Ngo; làng nghề mây tre đan xã Hồng Thái, A Ngo; làng nghề rượu đoác xã A Roàng, A Đót; các làng nghề đan lát, đồ dùng cá nhân, ngư cụ, nông cụ...¹²



Đơn vị tư vấn đã khảo sát tại xã Hồng Hạ, huyện A Lưới. Hồng Hạ có cảnh quan đẹp và nét văn hóa độc đáo của người Cơ Tu. Xã đã thành lập Trung tâm bảo tồn Văn hóa do một Phó chủ tịch phụ trách và kế hoạch phát triển cơ sở hạ tầng trong năm tới (6 nhà cộng đồng cho 6 xã trong một khu vực tập trung). Người dân sẵn sàng tham gia và góp vốn xây dựng DLST. Hiện nay, Hồng Hạ đã có nhà cộng đồng, căng tin và các nhà lưu trú cho khách du lịch. Nhìn chung, KBTTN Sao La – Thừa Thiên Huế chưa có kế hoạch khai thác và đầu tư du lịch, cộng đồng địa phương kinh doanh du lịch tự phát, chưa có tổ chức.

¹¹http://kiemlamthuathienhue.org.vn/bao-ton-thien-nhien/tiem-nang-du-lich-sinh-thai-khu-bao-ton-sao-la-thua-thien-hue_30.html; BQL Khu Bảo tồn Sao La – Thừa Thiên Huế; http://kiemlamthuathienhue.org.vn/bao-ton-thien-nhien/tiem-nang-du-lich-sinh-thai-khu-bao-ton-sao-la-thua-thien-hue_30.html. Truy cập ngày 27/6/2018

¹² Tôn Thất Hữu Đạt, Đánh giá tổng hợp tiềm năng du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế

KBTTN Phong Điền: Có tính đa dạng sinh học cao với hệ động thực vật đặc hữu như Gà lôi lam mào trắng, Gà so Trung bộ, Khướu mỏ dài, Vượn đen má trắng, Voọc chà vá Chân nâu, Mang lớn, Sao la... Trong đó có hai loài lần đầu tiên được tìm thấy trong KBTTN Phong Điền là Sao la và Mang lớn. Kết quả khảo sát đã ghi nhận, KBTTN có 44 loài thú (7 bộ và 20 họ), trong đó có 19 loài được ghi trong Danh lục đỏ IUCN (chiếm 43%) và 16 loài được ghi trong Sách đỏ Việt Nam (chiếm 34%)¹³.



Phong Điền có tiềm năng phát triển DLST vì có cảnh quan thiên nhiên hang động, khe suối, thác nước, di tích lịch sử văn hoá và đặc biệt là tính đa dạng sinh học, điển hình là nguồn nước nóng Thanh Tân, thác A Don, đập Quao, Khe Me, Thác A Nô, làng Việt Tiến, xã Hồng Kim...¹⁴ BQL Khu BTTN Phong Điền đã phối hợp với ngành Du lịch và các địa phương liên quan xây dựng quy hoạch các tuyến du lịch tại thác A Don bản Hạ Long, xã Phong Mỹ và thác A Nô, làng Việt Tiến, xã Hồng Kim, huyện A Lưới. Năm 2018, làng Việt Tiến đã triển khai hoạt động du lịch cộng đồng, tổ chức đón tiếp khách du lịch và tái hiện lại các hoạt động thường ngày của dân tộc Pa Cô như giã gạo, làm bánh A coạt, các trò chơi dân gian, văn nghệ truyền thống của dân tộc Pa Cô phục vụ du khách. Được sự chỉ đạo và ủng hộ của UBND huyện A Lưới, các hộ dân đồng loạt xây dựng hàng rào, cổng chào bằng tre, bố trí, cắt, tỉa lại các loại cây trồng trong vườn. Bên cạnh đó, làng du lịch được huyện hỗ trợ chăn, ga, gối, đệm cho 3 hộ kinh doanh du lịch xanh (homestay). Đến nay, BQL du lịch cộng đồng xã Việt Tiến đã xây dựng các biển báo, nội quy, quy chế hoạt động du lịch, trang bị CSVC và bãi đỗ xe. 10 nhóm cộng đồng trên địa bàn xã tự góp vốn xây dựng 10 lều trại, 2 nhà vệ sinh, thu hút trên 90 lao động trên địa bàn xã tham gia. Trong 6 tháng cuối năm, khu DLST thác A Nô tăng cường công tác tuyên truyền, giới thiệu điểm đến, giữ gìn vệ sinh các hộ gia đình và tại khu DLST, trang bị thêm CSVC để đảm bảo an toàn cho du khách, giữ gìn an ninh trật tự tại khu vực du lịch, làm tốt công tác bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng chống cháy rừng. Đặc biệt, chú trọng việc tạo điều kiện và khuyến khích các thành viên cộng đồng học tập, tập huấn kỹ năng phục vụ khách, tạo ấn tượng tốt cho khách khi đến với làng DLCD và DLST thác A Nô.

Vườn quốc gia Bạch Mã: Thuộc huyện Phú Lộc, ở độ cao trên 1.400m so với mặt biển, bao gồm các điểm thu hút du lịch: (1) đường mòn Hải Vọng Đài, Ngũ Hồ, Đổ Quyên, Trĩ Sao, đường mòn tự khám phá thiên nhiên, đường mòn rừng Chò đen, đường mòn MIA (Mất tích trong chiến tranh), (2) điểm du lịch Hồ Truồi – Thiền viện Trúc Lâm Bạch Mã, điểm du lịch Khe Su, khu vực Đá Dựng, khu vực hồ Truồi và khu vực Nam Đông, thác Thủy điện, làng sinh thái Hương Lộc, Thượng Nhật và một phòng du lịch kết hợp diễn giải môi trường...; (3) các

¹³<http://tapchimoitruong.vn/pages/article.aspx?item=Khu-b%E1%BA%A3o-t%E1%BB%93n-thi%C3%AAn-nhi%C3%AAn-Phong-%C4%90i%E1%BB%81n--N%C6%A1i-%E1%BA%A9n-ch%E1%BB%A9a-nh%E1%BB%AFng-gi%C3%A1-tr%E1%BB%8B--%C4%91a-d%E1%BA%A1ng-sinh-h%E1%BB%8Dc-%C4%91%E1%BB%99c-%C4%91%C3%A1o-46315> (Khu bảo tồn thiên nhiên Phong Điền: Nơi ẩn chứa những giá trị đa dạng sinh học độc đáo) Truy cập ngày 27/6/2018

¹⁴<http://www.phongdiennr.org.vn/?mod=tours&id=1> Truy cập ngày 27/6/2018
USAID.GOV CHIẾN LƯỢC DU LỊCH SINH THÁI VÙNG NHIỆM VỤ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI VÙNG VÀ MÔ HÌNH THÍ ĐIỂM DU LỊCH SINH THÁI Ở TỈNH QUẢNG NAM VÀ THỪA THIÊN HUẾ 18

tuyến đường thuận lợi phát triển du lịch gồm có: Tuyến km8 – Trĩ Sao – Hồ Truồi; Tuyến đường Hồ Chí Minh và Coldebay – đỉnh Bạch Mã; Tuyến đi bộ quan sát chim thú... VQG Bạch Mã đã phát triển hoạt động DLST từ những năm 2000. Hiện nay, BQL VQG đã có Chương trình Phát triển du lịch sinh thái và dịch vụ môi trường. Vườn đã triển khai “Đề án du lịch sinh thái Vườn quốc gia Bạch Mã đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030” theo Quyết định 3746/QĐ-BNN-TCLN ngày 13/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Tại Vườn quốc gia, Trung tâm du khách nằm ở chân núi (gần cổng Vườn) phục vụ khách đến mua vé tham quan và đặt các dịch vụ cần thiết như vận chuyển, lưu trú, ăn uống, hướng dẫn... Khu vực sảnh đón tiếp khoảng 250m² trưng bày và giới thiệu về VQG và bảo tồn thiên nhiên. Bên cạnh đó là khu vực nghe nhìn dành cho khách xem phim và tranh ảnh về VQG Bạch Mã, đồng thời là nơi thảo luận nhóm, sinh hoạt tập thể của các CLB thiên nhiên, học sinh, sinh viên... Năm 2013 VQG Bạch Mã tiếp đón được 13.280 du khách; năm 2014 Vườn đã đón tiếp 12.670 du khách (trong đó có khoảng 80% là du khách nội địa và 20% là du khách quốc tế)^{15, 16}.



2.2.2. TỈNH QUẢNG NAM

Quảng Nam có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái, mạo hiểm, tham quan và trải nghiệm các loại hình văn hóa thuộc đồng bào dân tộc thiểu số với đặc điểm địa hình núi cao ở phía Tây, vùng trung du ở giữa và vùng đồng bằng ven biển ở phía Đông. Ở khu vực miền núi có cảnh quan dọc đường Hồ Chí Minh, gồm các điểm hồ và nguồn nước khoáng nóng Phú Ninh, KBTTN Sông Thanh, Phước Sơn, khu mỏ vàng Bồng Miêu. Quảng Nam hiện có hơn 100 làng nghề truyền thống. Trong giai đoạn 2015 – 2020, tỉnh đầu tư hơn 85 tỷ đồng để hỗ trợ phát triển 16 làng nghề có tiềm năng ở Hội An, Điện Bàn, Duy Xuyên, Tam Kỳ, Phú Ninh và các huyện miền núi Đông Giang, Nam Giang, Nông Sơn. 17 Nhiều làng nghề truyền thống của người dân tộc thiểu số như dệt Zèng, nghề đan lát, mây tre, rượu đoác,... 18 Trong số các địa điểm khảo sát, đoàn chuyên gia đã đặc biệt chú ý tới các tài nguyên DLST tự nhiên ở khu vực miền núi.

¹⁵Báo cáo Nghiên cứu xây dựng cơ chế chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch tại tỉnh Thừa Thiên Huế

¹⁶Báo cáo Nghiên cứu xây dựng cơ chế chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch tại tỉnh Thừa Thiên Huế

¹⁷<http://dantocmiennui.vn/du-lich/quang-nam-tao-san-pham-an-tuong-trong-phat-trien-du-lich-lang-nghe-sinh-thai/176539.html>

¹⁸<http://vanhoaquangnamonline.gov.vn/nguyen-cuu-trao-doi/dia-vuc-cu-tru-cua-cac-toc-nguoi-o-mien-nui-quang-nam.html>

Hồ Phú Ninh, huyện Phú Ninh: Diện tích mặt hồ rộng 3.433ha với 30 đảo và bán đảo nhỏ. Hệ động thực vật phong phú với khoảng 142 loài thảo mộc và 148 loài động vật, trong đó có 14 loài được ghi vào sách đỏ cần được bảo tồn. Đặc biệt, hồ có nguồn nước khoáng nhiệt độ trên 70°C với nhiều nguyên tố vi lượng có tác dụng chữa bệnh¹⁹. Tại đây, có một bộ phận đồng bào dân tộc Cor sinh sống tại huyện Núi Thành và Phú Ninh. Tuy nhiên, người Cor nay đã phát triển thành một dân tộc tiến bộ, điều kiện sinh sống được nâng cao, không còn giữ được nhiều bản sắc văn hóa truyền thống²⁰. Hiện nay, công ty cổ phần Đầu tư Du lịch Hùng Cường đã và đang đầu tư cơ sở cung cấp các dịch vụ: lưu trú, hội nghị, câu cá, hồ bơi, lướt ván, mô tô nước, tắm khoáng, cắm trại... trên diện tích 59,77ha. Trước đó, tỉnh Quảng Nam đã phê duyệt kế hoạch đầu tư xây dựng khu du lịch thiên Trúc Lâm Quảng Nam trong quần thể du lịch sinh thái Hồ Phú Ninh nhưng sau đó chủ đầu tư đã hủy bỏ kế hoạch.



KBTTN Sông Thanh: Có diện tích gồm 93.249ha vùng lõi và 108.398ha vùng đệm. KBTTN sông Thanh có tổng số 831 loài thực vật bậc cao (trong đó 23 loài đặc hữu và 49 loài có tên trong Sách Đỏ Việt Nam). Tại KBTTN Sông Thanh có điểm thu hút du lịch điển hình là làng nghề dệt thổ cẩm Za Ra thuộc xã TàBhing, huyện Nam Giang, cách Quốc lộ 14D 1km về phía Nam, cách thị trấn Thạnh Mỹ 16km về phía Tây Nam đã phát triển nghề dệt thổ cẩm truyền thống Cơ Tu với sự hỗ trợ của tổ chức Cứu trợ phát triển quốc tế (FIDR). Hiện nay, tuy dự án của FIDR không còn tài trợ kinh phí, nhưng người dân địa phương vẫn duy trì hoạt động sản xuất dệt thổ cẩm, trưng bày và bán sản phẩm của làng nghề gồm có quần, áo, khố, túi xách, ví, trang sức... Ngoài ra, người dân địa phương còn cung cấp các món ẩm thực đặc sản địa phương, biểu diễn cồng chiêng và biểu diễn điệu múa truyền thống tâng tung za zá. Cho đến nay, KBTTN Sông Thanh chưa xúc tiến được hoạt động du lịch sinh thái hoặc cho thuê môi trường rừng để khai thác du lịch sinh thái.



¹⁹ Xem thêm: https://danang.gov.vn/gioi-thieu/chi-tiet?id=3000&_c=163;
<https://www.youtube.com/watch?v=GaFKPxJmw2I>;
<https://www.youtube.com/watch?v=rQeNkMFcoGM>; <http://ccntmdvphuninh.gov.vn/index.php/dau-tu/vi-sao-chon-phu-ninh>

²⁰<http://vanhoaquangnamonline.gov.vn/nguyen-cuu-trao-doi/dia-vuc-cu-tru-cua-cac-toc-nguoi-o-mien-nui-quang-nam.html>

KBTTN Sao La– Quảng Nam: có diện tích gần 16.000ha, nối liền với KBTTN Sao la Thừa Thiên - Huế (hơn 13.000ha) và Vườn quốc gia Bạch Mã (hơn 37.000ha), tiếp giáp với Lào Là nơi phân bố tập trung nhất của loài Sao La ở nước ta, được coi là một trong những trung tâm đa dạng sinh học toàn cầu (WWF Global 200, 2000). Thôn Tà Làng, xã Bhaleê ở vị trí gần đường Hồ Chí Minh, giữa hai huyện Đông Giang và Tây Giang, có 86 hộ dân với 352 nhân khẩu, trong đó số người trong độ tuổi lao động là 183 người. Đường trục chính và ngõ xóm của thôn có chiều dài 500m đã được bê tông hóa. Năm 2011, thôn đã xây dựng công trình thủy lợi đảm bảo phục vụ tưới tiêu và sinh hoạt của nhân dân (86/86 hộ). 100% nhân dân trong thôn sử dụng điện lưới quốc gia. Đồng bào dân tộc thực hiện tốt vệ sinh môi trường, đường làng, ngõ xóm sạch sẽ, tự thu gom và xử lý rác thải. Nhà văn hóa thôn (nhà Gươl) được xây dựng theo kiến trúc của người Cơ Tu. Đây là không gian văn hóa chung của thôn, nơi diễn ra các lễ hội truyền thống của người Cơ Tu như lễ mừng lúa mới được tổ chức sau khi thu hoạch xong (vào tháng 10, 11), lễ hội mùa xuân. KBTTN Sao La – Quảng Nam chưa có kế hoạch khai thác và đầu tư du lịch, cộng đồng địa phương kinh doanh du lịch tự phát, chưa có tổ chức.



RPH Bắc Hải Vân: Khu vực Bắc Hải Vân là nơi lưu trữ quần thể các loài động vật quý hiếm như Gà lôi lam mào trắng, Voọc chà vá chân nâu (số lượng khoảng 90 cá thể), Cu li nhỏ và nhiều loài linh trưởng, chim thú khác. Cảnh quan hấp dẫn khách du lịch gồm có đèo Hải Vân, Hải Vân Quan, đảo Sơn Chà, bên cạnh các điểm du lịch khác như bãi biển Lăng Cô, khu du lịch suối Tiên, suối Voi, suối Mơ, suối Baugher. Hiện nay, đã có nhiều khu DLST đang hoạt động (Suối Tiên, Suối Voi...) tuy nhiên mang tính tự phát và nhỏ lẻ. Chưa hình thành bộ máy tổ chức quản lý hoạt động du lịch sinh thái và chưa có đội ngũ cán bộ làm du lịch sinh thái.



2.3 PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG

2.3.1 HIỆN TRẠNG KHÁCH DU LỊCH

Khách du lịch nội địa đến Thừa Thiên Huế và Quảng Nam trong giai đoạn 2013-2017 tăng trưởng khá với tốc độ tăng trưởng trung bình năm lần lượt là 8% và 9%, bởi sức hút về các sản phẩm du lịch văn hóa, nghỉ dưỡng. Đặc biệt, hai địa phương này thu hút lượng lớn khách du lịch quốc tế so với các địa phương trong vùng, năm 2017, Thừa Thiên Huế đón hơn 1,4 triệu lượt khách quốc tế và Quảng Nam đón hơn 2,4 triệu; tốc độ tăng trưởng khách trung bình năm lần lượt là 12% và 11%. Bên cạnh đó, nằm giữa Thừa Thiên Huế và Quảng Nam là Đà Nẵng - trung tâm phân phối khách lớn của khu vực miền Trung với hơn 2,3 triệu lượt khách quốc tế và 4,5 triệu lượt khách nội địa năm 2017.

Có thể nhận định, nguồn khách du lịch nói chung và khách cho các điểm du lịch sinh thái mới nói riêng tới vùng là rất lớn, đặc biệt trong điều kiện các điểm du lịch truyền thống tại 3 địa phương đều trong tình trạng quá tải vào mùa cao điểm.

Bảng 1: Hiện trạng khách du lịch đến các tỉnh khu vực nghiên cứu

TT	Tỉnh	Chỉ tiêu (lượt khách)	2013	2014	2015	2016	2017	Tốc độ tăng trưởng TB/năm
1	Thừa Thiên-Huế	Quốc tế	927.800	1.007.300	1.200.000	1.053.000	1.466.700	12%
		Nội địa	1.672.000	1.899.500	2.100.000	2.205.200	2.313.300	8%
2	Đà Nẵng	Quốc tế	743.200	955.700	1.150.000	1.660.000	2.355.000	33%
		Nội địa	2.374.400	2.863.000	3.280.000	3.840.000	4.510.500	17%
3	Quảng Nam	Quốc tế	1.634.900	1.769.000	1.850.000	2.140.000	2.445.300	11%
		Nội địa	1.802.200	1.911.000	1.990.000	2.150.000	2.560.000	9%

Nguồn: Báo cáo tình hình đánh giá thực hiện Chiến lược và Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030 - Viện NCPTDL (2017)

Theo kết quả điều tra khách du lịch tại Quảng Nam của Tổng cục Du lịch năm 2017, 12% khách quốc tế, 3% khách nội địa tham gia khảo sát lựa chọn hoạt động ưa thích tại địa phương này là Khám phá thiên nhiên tại các KBTTN, VQG. Như vậy, nhu cầu của một nhóm thị trường ngách về du lịch sinh thái tại các khu bảo tồn thiên nhiên và vườn quốc gia tại các địa phương này là không nhỏ.

Tuy nhiên, với hiện trạng sản phẩm du lịch sinh thái còn chưa phát triển, chưa có sự khai thác quản lý, khách du lịch đến các VQG, KBTTN ở Thừa Thiên Huế và Quảng Nam còn khá hạn chế. Phần lớn khách du lịch đến các điểm này tự tổ chức chuyến đi, khoảng 80% là khách đi tham quan trong 1 ngày, 80% tiếp cận điểm đến bằng xe máy từ trung tâm (theo kết quả điều tra xã hội học của dự án). Theo nhận định của doanh nghiệp du lịch tham gia phỏng vấn sâu, thị trường khách của du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng tại khu vực chủ yếu là khách Tây Âu (Pháp, Đức), Mỹ, Úc đi lẻ hoặc theo nhóm nhỏ. Khách nội địa Việt Nam không nhiều và chủ yếu đến một số điểm du lịch sinh thái ở phía Đông và vùng ven biển. Thống kê về khách du lịch sinh thái đến các KBTTN, VQG của vùng rất hạn chế do tính tự phát của hoạt động du lịch này tại đây và các đơn vị cũng chưa khai thác kinh doanh dịch vụ du lịch để có thể thu vé hay thống kê. Một số điểm du lịch có con số thống kê như:

- VQG Bạch Mã (Thừa Thiên Huế), có khoảng 15.000 khách du lịch đã tới tham quan địa điểm này trong năm 2015, trong đó 3.000 lượt là khách quốc tế²¹.
- Làng du lịch cộng đồng Bhoahồng 1, xã Sông Côn (Sao La - Quảng Nam): Lượng khách năm 2017 là 865 khách; tổng thu từ khách du lịch đạt gần 267 triệu đồng²². Brohoong phục vụ khách nghỉ lại qua đêm từ tháng 6/2013 và tính đến 6 tháng đầu năm 2014, bản đón 539 khách nghỉ qua đêm. Lượng khách đi thăm bản trong ngày cũng tương đương với số khách nghỉ qua đêm tại bản và hầu hết họ là khách du lịch

²¹ Đề án phát triển du lịch sinh thái VQG Bạch Mã, 2016

²² Báo cáo tình hình hoạt động du lịch huyện Đông Giang, 2017

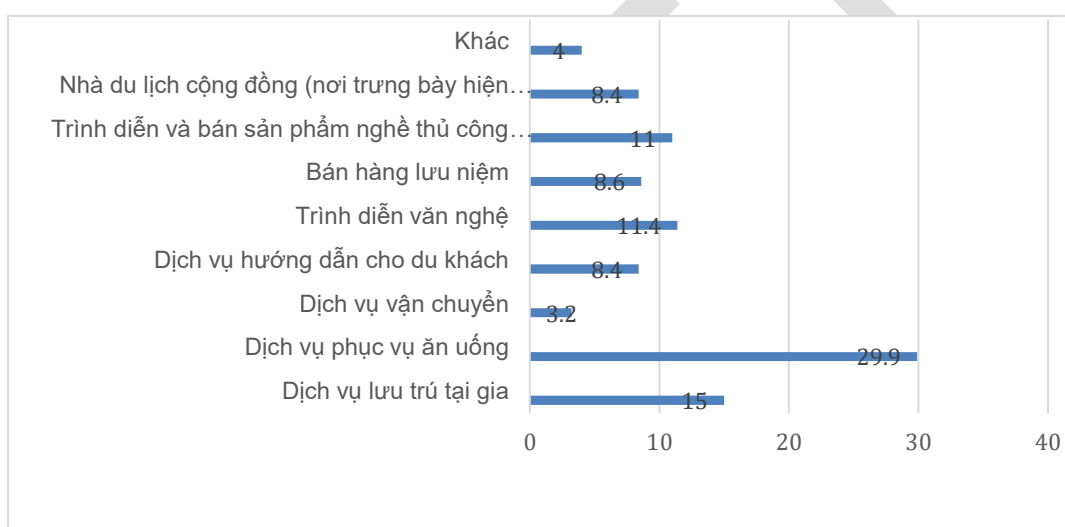
quốc tế, nghỉ lại 1 đêm. Khách du lịch chủ yếu đến từ Úc, Đức, Anh, Pháp, Mỹ, Hàn Quốc, Thụy Sĩ. Khách nội địa thường lưu trú ở nhà dân có phòng cho khách du lịch thuê (homestay) và chủ yếu đến từ miền Bắc và Huế²³.

- Làng du lịch cộng đồng Đhông, xã Tà Lu (Sao La - Quảng Nam): Lượng khách năm 2017 là 562 khách; tổng thu từ khách du lịch đạt gần 202 triệu đồng.²⁴

2.3.2. HOẠT ĐỘNG DU LỊCH SINH THÁI CỘNG ĐỒNG

Hiện các chương trình du lịch sinh thái tại Quảng Nam và Thừa Thiên Huế đều chưa được tổ chức đúng nghĩa của du lịch sinh thái cộng đồng, mà phổ biến là các tour du lịch sinh thái nông nghiệp, du lịch cộng đồng, du lịch tham quan thiên nhiên.

Hình 1: Các hoạt động người dân đã triển khai tại điểm du lịch sinh thái



Nguồn: Số liệu điều tra của tư vấn

Một số chương trình du lịch sinh thái (tham quan thiên nhiên, sinh thái nông nghiệp) hiện đang được khai thác phổ biến như:

- Tham quan tại VQG Bạch Mã (Thừa Thiên Huế) nghe diễn giải môi trường tại Trung tâm du khách; tuyến đường mòn khám phá thiên nhiên;
- Tuyến du lịch tại thác A Don bản Hạ Long xã Phong Mỹ và thác A Nô làng Việt Tiến, xã Hồng Kim huyện A Lưới (Thừa Thiên Huế);
- Khu Du Lịch Sinh Thái Pê Le (Huyện A Lưới, Thừa Thiên Huế);
- Hồ Truồi và suối hồ Truồi (huyện Phú Lộc, Thừa Thiên Huế), tham quan dã ngoại, khám phá thiên nhiên;
- Làng A Chi, A Roàng (Huyện A Lưới, Thừa Thiên Huế), tìm hiểu cuộc sống đời thường của dân tộc Tà Ôi như hoạt động làm nông, đan lát, dệt thổ cẩm, suối nước nóng tự nhiên, dạo chơi trong khu rừng nguyên sinh;

²³ Report on Eco-tourism opportunities feasibility study at the three protected areas in the Central Annamite Landscape, WWF, 2014

²⁴ Báo cáo tình hình hoạt động du lịch huyện Đông Giang, 2017

- Tuyến du lịch làng du lịch cộng đồng Bhoahông và Đhrông (KBTTN Sao La – Quảng Nam) có dịch vụ homestay và nhà Moong;
- Du lịch làng rau Trà Quế (Quảng Nam), trải nghiệm trồng rau, làm nông dân;
- Du lịch sinh thái Cù Lao Chàm (Quảng Nam), lặn ngắm san hô...
- Khu du lịch sinh thái Hồ Phú Ninh (Quảng Nam), ở bungalow, có dịch vụ spa, giải trí như xe đạp leo núi, câu cá, lều ngủ, lửa trại, tham quan đảo, đi bộ quanh đảo, xuyên qua rừng, xe ngựa, cưỡi ngựa, một số hoạt động cảm giác mạnh, tắm khoáng;
- Du lịch sinh thái rừng dừa Cẩm Thanh (Quảng Nam), tham quan hệ sinh thái dừa nước bằng thuyền thúng, câu cua, bắt ốc, làm vật phẩm bằng lá dừa, đua thuyền thúng, quảng chài trên sông, câu cá giải trí, cất rở và chèo thuyền giải trí trên hồ.

2.3.3. XÚC TIẾN QUẢNG BÁ DU LỊCH

Hoạt động xúc tiến quảng bá du lịch của hai tỉnh Thừa Thiên Huế và Quảng Nam đã phần tập trung vào tham gia các sự kiện du lịch lớn của quốc gia như Hội chợ du lịch quốc tế (VITM), Hội chợ du lịch quốc tế tổ chức tại TP Hồ Chí Minh (ITE); tổ chức roadshow, famtrip, presstrip. Đặc biệt, 2 tỉnh đều nổi bật với các sự kiện văn hóa du lịch lớn tại địa phương như Festival Huế, Festival di sản Quảng Nam. Đây là hai sự kiện lớn thu hút lượng lớn khách du lịch, quảng bá và xúc tiến hiệu quả cho du lịch của hai tỉnh. Tuy nhiên, cho tới nay, chỉ một số ban quản lý điểm đến hay các công ty du lịch khai thác kinh doanh DLST thực hiện quảng bá cho du lịch sinh thái của Thừa Thiên Huế và Quảng Nam một cách hạn chế và riêng lẻ. Ví dụ một số hoạt động:

- Quảng cáo tại website của Huyện Đông Giang, Quảng Nam: <http://dulich.donggiang.gov.vn/Default.aspx?tabid=422>
- Quảng cáo sản phẩm du lịch tại website của VQG Bạch Mã: <http://bachmapark.com.vn/san-pham-du-lich.html>
- Quảng cáo chương trình du lịch sinh thái, chương trình du lịch cộng đồng tại website của Hội An E-tours, Hue Tourist (Central Coast CBT), Hội An green travel...
- Phổ biến tập giới thiệu thông tin (brochure) của nhóm dệt thổ cẩm truyền thống Cơ Tu – Za Ra thuộc xã Tabhing, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam, với sự hỗ trợ của tổ chức Cứu trợ phát triển quốc tế (FIDR)

Hiện nay, kênh xúc tiến quảng bá hiệu quả là các trang mạng xã hội như Facebook, Instagram, Twitter... cũng góp phần giới thiệu tới khách du lịch tiềm năng về du lịch sinh thái vùng bởi chính những người khách đã đi trước đó thông qua chia sẻ hình ảnh, cảm xúc về các chuyến đi. Có một số video của những người yêu du lịch đăng trên Youtube như một hình thức chia sẻ như “Đi tìm Sao La”²⁵ và “Núi Thành, Quảng Nam”²⁶... có ý nghĩa một phần quảng bá điểm đến một cách ngẫu nhiên.

²⁵ Video “Đi tìm Sao La”: http://www.youtube.com/playlist?list=PLbqTVkLyovqU-ImD0RxxV0YZ12q5_suaq

²⁶ <https://www.youtube.com/watch?v=GaFKPxJmw2I>
 USAID.GOV CHIẾN LƯỢC DU LỊCH SINH THÁI VÙNG NHIỆM VỤ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI VÙNG VÀ MÔ HÌNH THÍ ĐIỂM DU LỊCH SINH THÁI Ở TỈNH QUẢNG NAM VÀ THỪA THIÊN HUẾ 24

Thực trạng việc quảng bá, xúc tiến điểm du lịch tiềm năng và sản phẩm du lịch còn rất hạn chế. Đánh giá của NTV:

- Chưa có nghiên cứu thị trường khách du lịch tiềm năng và trọng điểm cho mỗi điểm thu hút khách du lịch (quốc tịch, nghề nghiệp, chi tiêu và thời gian lưu trú bình quân...), để từ đó tìm ra phương thức quảng bá phù hợp và hiệu quả nhất đối với mỗi thị trường (trang web, brochure, phim, hội chợ, sự kiện...);
- Chưa khai thác tối đa điểm mạnh của marketing điện tử, tận dụng lợi thế của công nghệ thông tin, mạng xã hội trong xúc tiến, quảng bá;
- Hạn chế trong liên kết quảng bá với các trung tâm du lịch của cả nước, và các đô thị du lịch lân cận;
- Tại các điểm du lịch sinh thái tiềm năng, chưa có đủ các biển chỉ dẫn, biển báo, giới thiệu hoặc diễn giải;
- Chưa có kỹ năng khai thác thế mạnh của các kênh quảng bá du lịch hiệu quả là các trang mạng xã hội như Facebook, Instagram, Twitter... để giới thiệu tới các khách du lịch tiềm năng về du lịch sinh thái vùng, bởi chính những người khách đã đi trước đó thông qua chia sẻ hình ảnh, cảm xúc về các chuyến đi.

2.3.4. XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH

Trong thời đại cách mạng thông tin và chuyển đổi số, sự tiến bộ và nâng cao điều kiện kinh tế-xã hội những xu hướng du lịch mới như hướng tới bảo vệ môi trường và bảo tồn giá trị bền vững đang ngày càng thay đổi phương thức đi du lịch và tác động trực tiếp tới nhu cầu của thị trường. Cụ thể:

- Khách du lịch có trách nhiệm: ưu tiên lựa chọn sử dụng chai nước tái sử dụng, sử dụng phương tiện thân thiện môi trường, sử dụng các chất tẩy rửa hữu cơ, sử dụng các cơ sở lưu trú có năng lượng sạch...²⁷
- Nhận thức về biến đổi khí hậu: khách du lịch ngày càng nhận thức tầm ảnh hưởng nghiêm trọng của biến đổi khí hậu toàn cầu, có mong muốn thực hiện những hoạt động giảm thiểu tác động hoặc ngăn ngừa ảnh hưởng;
- Sử dụng mạng xã hội: Khách du lịch coi việc sử dụng mạng xã hội là một phần của trải nghiệm; sử dụng để tìm kiếm thông tin trước chuyến đi, giao tiếp và chia sẻ thông tin, hình ảnh sau chuyến đi²⁸;
- Du lịch để trải nghiệm và học tập: Khách du lịch đang ngày càng mong muốn được trải nghiệm chân thực, riêng biệt;
- Du lịch dựa vào thiên nhiên, văn hóa và mạo hiểm: Những loại hình du lịch đặc thù được khách du lịch tìm kiếm như là những trải nghiệm đặc biệt, có ý nghĩa cho chuyến đi bên cạnh thời gian nghỉ ngơi trên bãi biển, khu nghỉ dưỡng;
- Phá bỏ mọi rào cản trong du lịch: UNWTO đã đưa ra thông điệp năm du lịch thế giới 2016 “Du lịch là dành cho mọi người” –, tạo điều kiện cho tất cả mọi người được đi du lịch, kể cả người khuyết tật và người có nhu cầu đặc biệt;

²⁷<https://medium.com/cleantech-rising/ecotourism-how-to-travel-sustainably-5f10d84d18f9>

²⁸ Trends and issues for ecotourism & sustainable tourism, Kelly S.Bricker, 2013

- Du lịch thiện nguyện: loại hình du lịch giúp khách du lịch tham gia nhiều vào các hoạt động đóng góp cho cộng đồng, bảo vệ môi trường.
- Đảm bảo nguyên tắc nghỉ ngơi, thoải mái cho khách du lịch sinh thái: du lịch sinh thái không có nghĩa là phải ở nơi tồi tàn, không hợp vệ sinh; khách du lịch vẫn phải cảm thấy thoải mái, an toàn, đảm bảo các điều kiện tối thiểu để có thể có những cảm nhận và trải nghiệm tốt nhất của chuyến đi.

Xu hướng vận động của thị trường khách du lịch tại Việt Nam nói chung và tại khu vực nói riêng cũng chịu nhiều tác động của xu thế trên thế giới. Hiện nay, đang có xu thế vận động mới của thị trường khách Việt, những người trẻ tuổi yêu thích thiên nhiên và mạo hiểm mong muốn có những trải nghiệm mới, đối tượng khách du lịch đi tự do đơn lẻ ưa thích mạo hiểm cũng đang gia tăng, họ là những đối tượng khách hàng tiềm năng. Bên cạnh đó, thị trường khách du lịch quốc tế (đặc biệt là khách Châu Âu và Bắc Mỹ) vẫn là những đối tượng khách hàng tiềm năng cần khai thác. Ngoài ra, thị trường khách Úc và khách New Zealand cũng đang gia tăng đáng kể trong khu vực và cũng là thị trường mục tiêu.

2.3.5. KHẢ NĂNG TIẾP CẬN VÀ VẬN CHUYỂN

Tỉnh Quảng Nam

Về cơ bản, việc tiếp cận đến các điểm du lịch sinh thái tự nhiên tại các KBTTN và VQG trên địa bàn tỉnh đã được cải thiện đáng kể. Khách du lịch có thể tiếp cận với điểm đến bằng nhiều hình thức khác nhau, chủ yếu tập trung vào các tuyến đường quốc lộ và tỉnh lộ. Cụ thể:

Đường bộ:

- Quốc lộ 1A (AH 1): Là tuyến đường huyết mạch chạy dọc và nối liền các tỉnh trong Vùng, nối vùng Bắc Trung Bộ với vùng Nam Trung Bộ và vùng Đông Nam Bộ, sẽ phát triển thành đường cao tốc Bắc – Nam. Đến năm 2020, đường sẽ hình thành 4 làn xe cơ giới, thuận lợi cho việc vận chuyển hành khách du lịch theo hướng Bắc – Nam;
- Quốc lộ 14 (đoạn trùng với đường Hồ Chí Minh): Đường chạy phía Tây Quảng Nam, qua vùng Tây Nguyên hiện đang được mở rộng, nâng cấp. Đường 14 tuy qua địa phận vùng Duyên hải Nam Trung bộ không nhiều nhưng có vai trò quan trọng phát triển du lịch vùng với Tây Nguyên;
- Các tuyến quốc lộ theo hướng Đông – Tây bao gồm: Quốc lộ 14B từ Tiên Sa (Đà Nẵng) đến Thạch Mỹ (Quảng Nam), dài 74 km; Quốc lộ 14D từ Giăng đến cửa khẩu Tà Óc (Quảng Nam), dài 75km (hợp nhất hai tuyến quốc lộ 14B và quốc lộ 14D thành một tuyến 14B.); - Quốc lộ 14E từ Hà Lam đến Khâm Đức nối đường ven biển (Quảng Nam), dài 76 km;
- Tuyến đường ven biển: Là tuyến giao thông đường bộ đang được thi công, được xây dựng trên cơ sở làm mới và nâng cấp mở rộng một số đoạn đường ven biển sẵn có (gồm cả quốc lộ, tỉnh lộ, đê biển...). Đường đạt tiêu chuẩn cấp III và IV đồng bằng. Đến năm 2020, tuyến ven biển cơ bản hoàn thành.

Đường sắt: Tuyến đường sắt Bắc – Nam chạy qua địa bàn tỉnh với chiều dài toàn tuyến qua các ga Nông Sơn, Trà Kiệu, Phú Cang, An Mỹ, Tam Kỳ, Diêm Phố, Núi Thành. Giao thông đường sắt là phương tiện vận chuyển quan trọng, một trong những điều kiện để liên kết vùng và liên kết quốc tế phát triển du lịch.

Đường hàng không: Sân bay Chu Lai là sân bay ở tỉnh Quảng Nam, nằm trong khu kinh tế mở Chu Lai. Được bắt đầu xây dựng năm 2004, sân bay Chu Lai có diện tích lớn nhất trong các sân bay Việt Nam với 3.000ha. Đường băng dài 3.050m. Sân bay này có công suất thiết

kế 4 triệu lượt khách và 5 triệu tấn 27han mỗi năm. Trong tương lai, sân bay Chu Lai sẽ được phát triển thành sân bay quốc tế phục vụ cho việc trung chuyển hành khách và 27han hóa trong khu vực. Ngoài ra, việc đưa sân bay Chu Lai vào hoạt động đã giúp cho du khách đến với hai di sản văn hóa thế giới Đô thị cổ Hội An và Khu di tích Mỹ Sơn dễ dàng hơn.

Tuy nhiên, thời gian qua, khách du lịch đến Quảng Nam chủ yếu qua sân bay quốc tế Đà Nẵng vì cơ sở hạ tầng sân bay và mạng lưới các chuyến bay dày đặc hơn, tiện lợi hơn cho khách du lịch và phù hợp hơn với hành trình tour của khách du lịch. Sân bay Chu Lai đến nay nhìn chung hạ tầng kỹ thuật hàng không còn lạc hậu và chưa thực sự đáp ứng được những nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội nói chung và du lịch nói riêng.

Đường thủy: Có hai loại hình giao thông thủy là giao thông đường sông và giao thông đường biển.

- **Giao thông đường sông:** Có 941km sông ngòi tự nhiên, đang quản lý và khai thác 307km sông (chiếm 32,62%), gồm 11 sông chính. Hệ thống sông hoạt động chính gồm 2 hệ thống: sông Thu Bồn và sông Trường Giang, hai hệ thống sông này đều đổ ra biển Đông theo 3 cửa sông: sông Hàn, Cửa Đại và Kỳ Hà. Toàn bộ đường sông đang khai thác vận tải thủy của tỉnh Quảng Nam dài 207km, gồm 11 tuyến: Sông Thu Bồn, sông Trường Giang, sông Vu Gia, sông Yên, sông Vĩnh Điện, sông Hội An, sông Cổ Cò, sông Duy Vinh, sông Bà Rén, sông Tam Kỳ và sông An Tân.
- **Giao thông đường biển:** Bờ biển của tỉnh dài 120km, có cảng Thuận An và vịnh Chân Mây với độ sâu 18 – 20m đủ điều kiện xây dựng cảng nước sâu với công suất lớn.

Tỉnh Thừa Thiên Huế

Đường bộ: Thừa Thiên Huế nằm trên trục giao thông quan trọng xuyên Bắc-Nam, trục hành lang Đông – Tây nối Thái Lan – Lào – Việt Nam theo đường 9. Thừa Thiên Huế ở vào vị trí trung độ của cả nước, nằm giữa thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh là hai trung tâm lớn của hai vùng kinh tế phát triển nhất nước ta. Thừa Thiên Huế cách Hà Nội 660km, cách thành phố Hồ Chí Minh 1.080km. Toàn tỉnh có hơn 2.500km đường bộ, Quốc lộ 1A chạy xuyên qua tỉnh từ Bắc xuống Nam cùng với các tuyến tỉnh lộ chạy song song và cắt ngang như tỉnh lộ 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8A, 8B, 10A, 10B, 10C, 11A, 11B, 15 và các tỉnh lộ khác. Hệ thống quốc lộ 1A qua Thừa Thiên Huế bước đầu đã đáp ứng nhu cầu vận chuyển khách du lịch. Các đoạn qua Phong Điền, Hương Trà, Huế, Hương Thủy, Phú Lộc, Lăng Cô... cũng đã được nâng cấp mở rộng lên thành 4 làn xe. Điều này tạo điều kiện tối đa cho khách có thể tiếp cận các khu du lịch sinh thái nằm trên địa phận của các Khu bảo tồn và khu vườn quốc gia.

Ngoài ra còn có tuyến quốc lộ 49 chạy ngang qua từ tây sang đông nối tiếp vùng núi với biển. Khu vực ven biển, đầm phá có quốc lộ 49B và một số tuyến ven biển khác. Khu vực gò đồi trung du và vùng núi rộng lớn phía tây thuộc các huyện A Lưới, Nam Đông có quốc lộ 14, tỉnh lộ 14B, 14C, quốc lộ 49 đi sang Lào.

Đường sắt: Tuyến đường sắt Bắc – Nam chạy qua địa bàn tỉnh với chiều dài toàn tuyến 101,2 km qua các ga Hương Thủy, Truồi, Cầu Hai, Thừa Lưu, Lăng Cô và Bắc Hải Vân.

Đường hàng không: Cảng hàng không quốc tế Phú Bài có vị trí, vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế, văn hóa xã hội, quốc phòng của tỉnh Thừa Thiên – Huế và khu vực Bắc miền Trung; là cầu nối giữa các miền trong nước và quốc tế với hoạt động chính của 3 hãng hàng không Việt Nam là Vietnamailines, Vietjet Air và Jetstar. Đây là cảng hàng không

dân dụng kết hợp với hoạt động bay dân sự với diện tích nhà ga hành khách là 6.539m² với năng lực thông qua 1,5 triệu lượt khách/năm.

Đường thủy: Bao gồm đường sông và đường biển.

- *Giao thông đường sông:* Tổng chiều dài 563km sông, đầm phá. Tổng chiều dài sông suối và sông đào đạt tới 1.055km, tổng diện tích lưu vực tới 4.195km². Mật độ sông suối dao động trong khoảng 0,3-1km/km², có nơi tới 1,5-2,5km/km². Bao gồm các sông chính sau: Sông Ô Lâu, hệ thống Sông Hương, sông Nong, sông Truồi, sông Cầu Hai, sông Bù Lu.
- *Giao thông đường biển:* Hình thành tuyến vận tải cao tốc trên biển theo quy hoạch của Bộ Giao thông vận tải. Tỉnh có cảng biển là cảng nước sâu Chân Mây và cảng Thuận An nhằm khai thác lợi thế trục giao thông Bắc – Nam và tuyến hành lang Đông – Tây, tạo động lực phát triển kinh tế những năm sau.

2.3.6. CƠ SỞ LƯU TRÚ

Tỉnh Quảng Nam

Năm 2016, Quảng Nam có 457 cơ sở lưu trú du lịch (CSLTDL) với 8.675 phòng, trong đó: 150 khách sạn với tổng số phòng là 7.025 phòng, 95 biệt thự du lịch với 782 phòng (riêng số khách sạn từ 3-5 sao là 37 cơ sở với 3.843 phòng chiếm 54,7%). Tốc độ tăng bình quân số khách sạn giai đoạn 2011-2016 đạt 43,49 %/năm và số phòng là 14,93%/năm. Công suất sử dụng phòng năm 2016 đạt 65%.²⁹

Theo báo cáo của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở VH-TTDL) Quảng Nam, tại các khu vực sinh thái trong toàn tỉnh hiện tại có 212 homestay với 868 phòng. Tuy nhiên, số lượng homestay tập trung chủ yếu ở những khu trung tâm như Hội An và khu vực các làng nghề xung quanh, những nơi du lịch đã phát triển.

Hiện nay, theo quy hoạch, phía tây Quảng Nam đang được đầu tư khai thác để trở thành một trong những điểm tham quan DLSTCĐ của tỉnh dựa vào nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú và đa dạng sinh học cao của các KBTTN Sông Thanh, Sao La Quảng Nam, Phú Ninh.... Việc khai thác và phát triển sản phẩm DLST có tiềm năng lớn để phát triển. Tuy nhiên, cho tới nay, dịch vụ lưu trú du lịch tại khu vực này chưa được quan tâm đầu tư đúng mức, chưa có tiêu chuẩn và chưa có những quy định cụ thể đối với dịch vụ này.

Tỉnh Thừa Thiên – Huế

Năm 2016, toàn thành phố Huế có 430 cơ sở lưu trú, với hơn 7.900 buồng phòng, hơn 13.400 giường; trong đó có 4 khách sạn 5 sao, với 643 phòng, 12 khách sạn 4 sao, với gần 1.500 phòng, 133 khách sạn từ 1-3 sao, còn lại là khách sạn đạt chuẩn. Ngoài ra, dịch vụ homestay cũng là một loại hình đang được nhiều thành phần quan tâm phát triển.³⁰

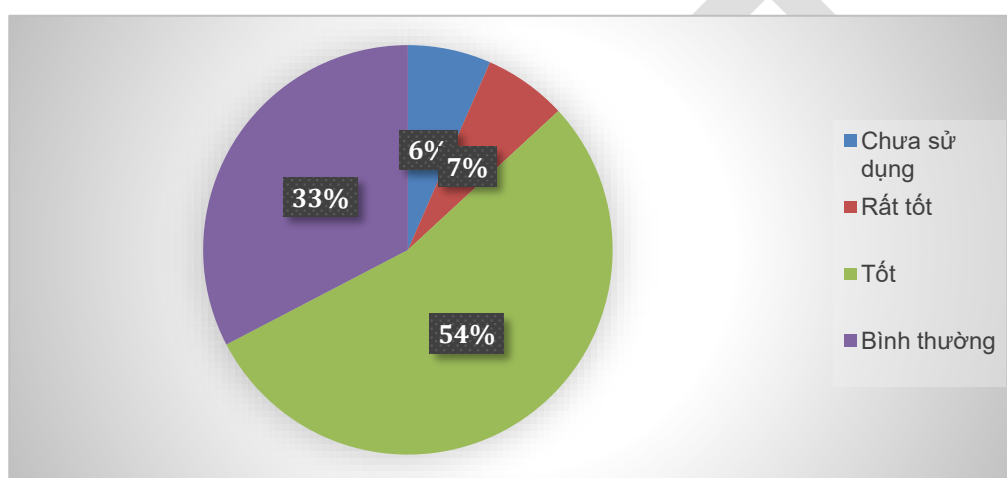
²⁹ Theo Báo cáo Tình hình phát triển du lịch Quảng Nam giai đoạn 2011 - 2016 và định hướng phát triển du lịch giai đoạn 2017-2025

³⁰ Theo Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Thừa Thiên – Huế giai đoạn 2013 -2020, tầm nhìn 2030, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thừa Thiên - Huế , https://sdl.thuathienhue.gov.vn/UploadFiles/TinTuc/2017/12/24/akitex_baocao_final.pdf, ngày truy cập 13/7/2018
USAID.GOV CHIẾN LƯỢC DU LỊCH SINH THÁI VÙNG NHIỆM VỤ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI VÙNG VÀ MÔ HÌNH THÍ ĐIỂM DU LỊCH SINH THÁI Ở TỈNH QUẢNG NAM VÀ THỪA THIÊN HUẾ 28

Theo Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Thừa Thiên Huế, loại hình CSLTDL homestay mới phát triển ở Thừa Thiên Huế trong những năm gần đây. Đây là loại hình CSLTDL có thuận lợi là vốn đầu tư ít, lại có khả năng tạo ra lợi ích cho cộng đồng dân cư và thích hợp với loại hình du lịch lễ hội như festival Huế. Loại hình này phù hợp với du lịch sinh thái có sự tham gia của cộng đồng. Hiện nay theo ước tính loại hình này mới chiếm tỷ lệ 1-2 % tổng số phòng và đang thu hút được cộng đồng dân cư tham gia. Theo dự báo, giai đoạn 2015-2025, tỷ lệ này vẫn giữ nguyên và giảm dần trong giai đoạn 2025-2030.

Theo khảo sát điều tra của NTV tại các khu vực trên, kết quả cho thấy: các loại hình cơ sở lưu trú được lựa chọn là nhà nghỉ, một số ít lựa chọn homestay do độ dài chuyến đi ngắn, vị trí các homestay ở xa và đặc biệt thiếu những cơ sở đủ chất lượng, được công nhận đạt chuẩn đảm bảo phục vụ khách. Bảng dưới đây cho thấy tỷ lệ CSLTDL đảm bảo chất lượng ở mức tốt và mức độ sẵn sàng tham gia vào lĩnh vực lưu trú du lịch trong khu vực là khá cao.

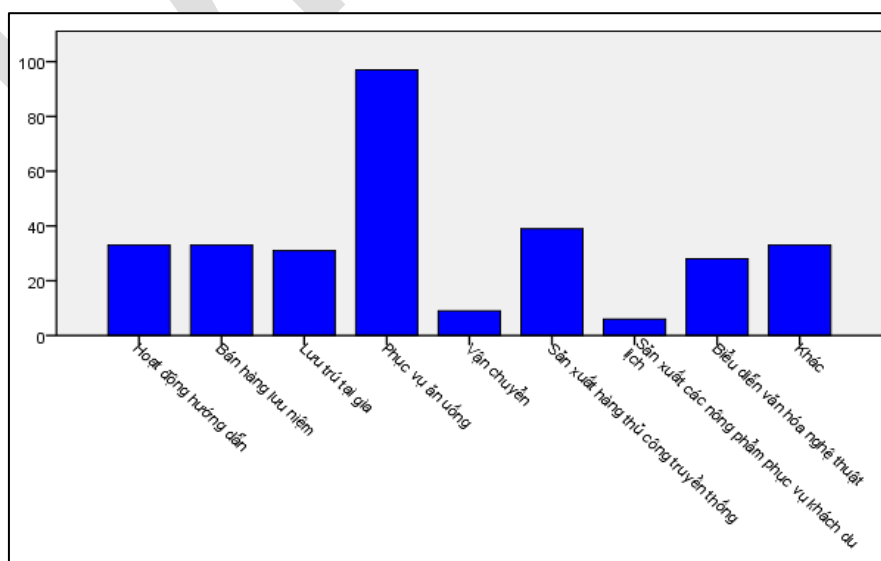
Hình 2: Cơ sở lưu trú đảm bảo chất lượng theo đánh giá của khách du lịch



Nguồn: Số liệu điều tra của tư vấn

Trên thực tế, khách du lịch có đánh giá tốt về CSLTDL, tuy nhiên, họ sử dụng nhiều loại hình lưu trú khác nhau, trong đó, chỉ có khoảng 10% sử dụng các dịch vụ lưu trú tại nhà dân (homestay). Theo khảo sát của NNC, chỉ có 15% người dân cho rằng họ đã có sản phẩm lưu trú này để cung cấp cho khách du lịch bên cạnh những sản phẩm khác.

Hình 3: Các hoạt động người dân có thể tham gia trong dự án phát triển DLSTCĐ



Nguồn: Số liệu điều tra của tư vấn

Tuy nhiên, một vấn đề rất đáng quan tâm đó là chỉ có 15% số người được hỏi sẵn 30han tham gia vào hoạt động lưu trú tại gia (theo điều tra của dự án). Điều đó cho thấy vẫn còn có những rào cản nhất định trong việc thu hút người dân tham gia vào lĩnh vực này. Cụ thể là: hạn chế trong khả năng giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ do phần lớn là người dân tộc, thiếu nghiệp vụ du lịch, chế biến món ăn và khác biệt về tri thức bản địa. Bên cạnh đó, hạn chế về vấn đề tài chính nên người dân gặp khó 30han trong đầu tư cơ sở vật chất ban đầu (33% mong muốn được hỗ trợ về tài chính; 24 % về tập huấn nghiệp vụ; 28% về trang thiết bị...).

2.3.7. DỊCH VỤ BỔ TRỢ

Ngoài những dịch vụ chính bao gồm ăn, nghỉ, tham quan, khám phá thiên nhiên và tìm hiểu về đa dạng sinh học trong khu vực dành cho khách du lịch, các dịch vụ bổ trợ tại các khu vực khảo sát, điều tra cho thấy một số đặc điểm như sau:

- Đảm bảo yếu tố đa dạng về sinh thái tự nhiên do gắn liền với các khu vực bảo tồn ĐDSH và VQG. Đảm bảo cho khách du lịch có được trải nghiệm tích cực;
- Gần như chưa có sự đầu tư, can thiệp quá lớn của con người đối với môi trường trong khu vực, duy trì yếu tố nguyên vẹn cảnh quan tự nhiên;
- Có sự kết hợp các yếu tố dân tộc học trong khu vực sinh sống của đồng bào các dân tộc thiểu số: Cờ Tu, Pa Kô, Vân Kiều, Tà Ôi, có thể khai thác để tạo ra lợi thế cạnh tranh cho sản phẩm. Tuy nhiên, việc lưu giữ bản sắc văn hóa dân tộc là vấn đề lớn trong quá trình phát triển;
- Nguồn nhân lực địa phương sẵn có, song chưa có đủ kiến thức, kỹ năng làm du lịch. Việc phát triển du lịch còn cầm chừng phụ thuộc vào các dự án đầu tư mà chưa xây dựng được năng lực thực sự của địa phương;
- Các sản phẩm, dịch vụ còn đơn giản, phần nhiều mang tính tự phát.

Tóm lại, các điểm du lịch sinh thái tuy có nhiều tiềm năng song việc khai thác vẫn trong tình trạng tự phát, chưa có được sự đầu tư bài bản và có những hình thức khai thác phù hợp.

2.3.8. NGUỒN NHÂN LỰC

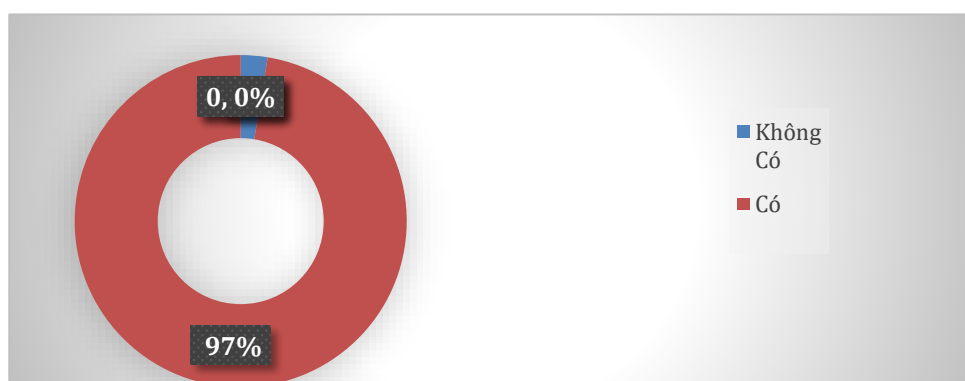
Tỉnh Thừa Thiên Huế: Toàn tỉnh hiện có 12.000 lao động trong ngành du lịch. Theo phân tích của Sở Du lịch Thừa thiên Huế nguồn nhân lực nhiều về số lượng nhưng chất lượng thấp, thiếu lao động lành nghề, nhất là các chuyên gia đầu ngành và năng lực cán bộ một số cấp, ngành, lĩnh vực còn yếu, nhất là cấp cơ sở; thiếu năng động, nhạy bén và sáng tạo trong tổ chức thực hiện, chưa đáp ứng yêu cầu hội nhập và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.³¹

Tỉnh Quảng Nam: Về cơ bản, toàn tỉnh hiện đang sử dụng khoảng 11.000 lao động, số lao động quốc tịch Việt Nam chiếm 98,91%, lao động quốc tịch nước ngoài chiếm 1,09%. Lao động được đào tạo chuyên ngành chiếm 60,7% trong tổng số lao động làm việc trong các doanh nghiệp du lịch. Lao động đã qua bồi dưỡng, tập huấn và tự đào tạo, chiếm khoảng 59,05%. Công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ quản lý các điểm du lịch có được

³¹ Theo Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Thừa Thiên – Huế giai đoạn 2013 -2020, tầm nhìn 2030, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thừa Thiên - Huế , https://sdl.thuathienhue.gov.vn/UploadFiles/TinTuc/2017/12/24/akitex_baocao_final.pdf, ngày truy cập 13/7/2018
USAID.GOV CHIẾN LƯỢC DU LỊCH SINH THÁI VÙNG NHIỆM VỤ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI VÙNG VÀ MÔ HÌNH THÍ ĐIỂM DU LỊCH SINH THÁI Ở TỈNH QUẢNG NAM VÀ THỪA THIÊN HUẾ 30

quan tâm thực hiện, nhưng nguồn lực đầu tư cho công tác đào tạo lao động du lịch còn khá khiêm tốn.³²

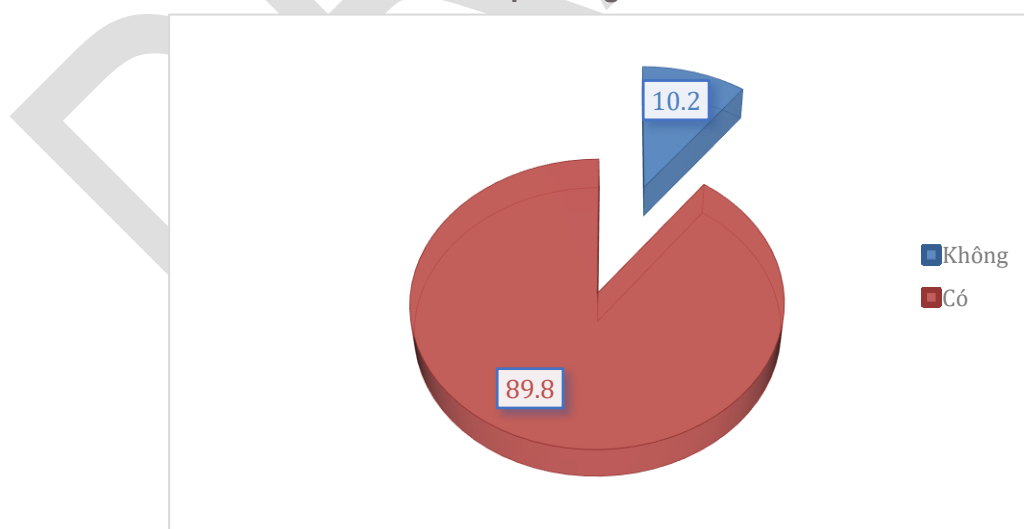
Hình 4: Mức độ sẵn sàng tham gia của cộng đồng địa phương



Nguồn: Số liệu điều tra của tư vấn

Đó là bức tranh chung về nhân lực trong ngành du lịch. Theo điều tra khảo sát tại các khu vực nghiên cứu cho thấy phần lớn nhân lực là người dân địa phương làm việc tại các khu vực phát triển DLST chiếm 90%. Trong đó, họ hoàn toàn sống phụ thuộc vào nghề nông hoặc khai thác sản vật trong rừng vì thế, họ gặp khó khăn không nhỏ trong việc tiếp cận với hoạt động du lịch trên phần lớn các lĩnh vực như: hiểu biết về ngành nghề, nghiệp vụ kỹ năng đón tiếp khách, các quy định về vệ sinh, an ninh, an toàn khi kinh doanh du lịch. Cụ thể, theo con số điều tra, khảo sát, tỷ lệ số người sẵn sàng tham gia chiếm 97,49% và sẵn sàng góp vốn để hoạt động du lịch chiếm 89,8%.

Hình 5: Mức độ sẵn sàng tham gia góp vốn cùng phát triển du lịch của cộng đồng địa phương

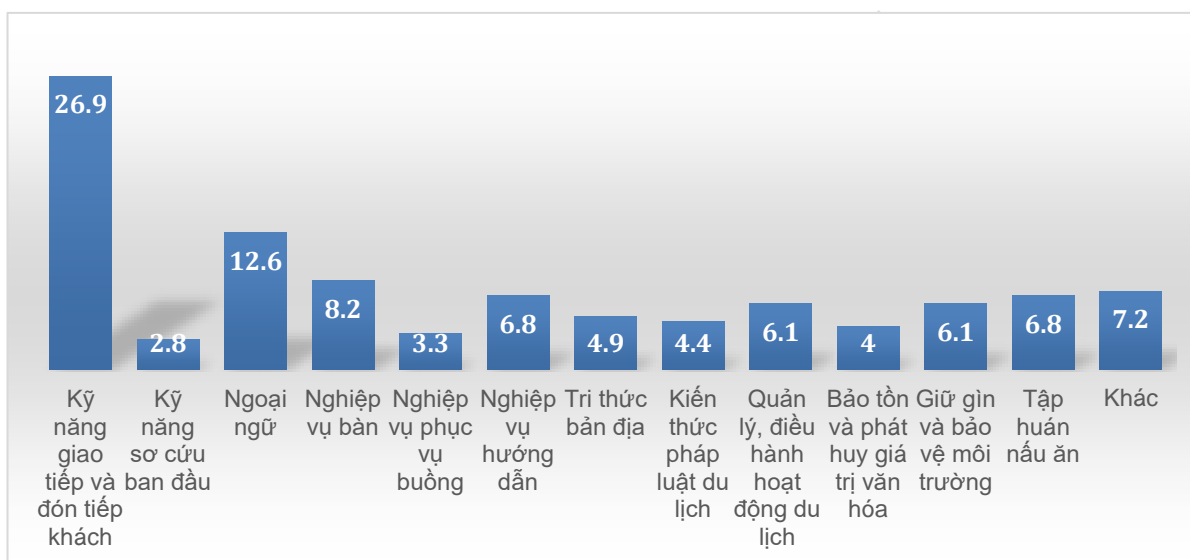


Nguồn: Số liệu điều tra của tư vấn

³² Theo Báo cáo Tình hình phát triển du lịch Quảng Nam giai đoạn 2011 - 2016 và định hướng phát triển du lịch giai đoạn 2017-2025

Trên thực tế, cộng đồng địa phương sẵn sàng tham gia và chia sẻ để cùng phát triển du lịch sinh thái trong khu vực. Tuy nhiên, hạn chế cơ bản xuất phát từ việc thu hút thị trường, xây dựng sản phẩm chưa thực sự được đầu tư một cách bài bản. Thiếu hiểu biết và kỹ năng là những yếu tố dễ thấy tại khu vực này. Theo khảo sát, những lĩnh vực cần được bồi dưỡng kiến thức ban đầu về giao tiếp và đón tiếp khách chiếm tỷ lệ 26,9%, tiếp đó là ngoại ngữ 21,6%... Đặc biệt những kiến thức, kỹ năng nhằm bảo tồn các giá trị tự nhiên và giá trị văn hóa bản địa cho người dân hoàn toàn chưa được phát huy. Cá biệt, cũng có yêu cầu được học tiếng Việt phổ thông.

Hình 6: Các kiến thức, kỹ năng cần được tập huấn, bồi dưỡng cho cộng đồng



Nguồn: Số liệu điều tra của tư vấn

Những lĩnh vực được người dân lựa chọn tham gia các hoạt động về DLST tại địa phương chủ yếu tập trung vào những hoạt động chính như lưu trú, ăn uống, bán hàng, hướng dẫn và sản xuất đồ thủ công truyền thống. Tuy nhiên, cũng có những nhu cầu hướng tới việc phát triển xanh như trồng rau sạch, chăn nuôi phục vụ khách, dọn dẹp rác thải, bảo vệ cảnh quan môi trường, dịch vụ bơi lội, câu cá, làm bảo vệ an ninh trật tự...

2.4. ĐÁNH GIÁ THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN PHÁT TRIỂN DLSTCD (PHÂN TÍCH SWOT)

Điểm mạnh	Điểm yếu
<ul style="list-style-type: none"> - Hai tỉnh QN và TTH có tài nguyên thiên nhiên và văn hóa đa dạng, phong phú, có ĐDSH cao của cả nước, nhất là các HST rừng núi thấp. - Một số khu vực đã được hưởng lợi từ các dự án về du lịch sinh thái trước, hoặc đã bước đầu phát triển du lịch sinh thái- thiên nhiên và người dân đã bắt đầu tư duy lấy du lịch thành sinh kế. - Nhiều cộng đồng dân tộc có tiềm năng về văn hóa, truyền thống hấp dẫn khách du lịch, có lòng hiếu khách và thân thiện. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa phát triển các hoạt động DLSTCD hoặc tổ chức du lịch sinh thái – thiên nhiên ở quy mô nhỏ lẻ, chưa có tổ chức quản lý du lịch bài bản. - Hệ thống cơ sở hạ tầng (điện, đường xá, nước, thông tin liên lạc...) và CSVCKT phục vụ du lịch hạn chế. - Hạn chế về nguồn nhân lực (thiếu về số lượng và chưa đảm bảo về chất lượng) Cán bộ các VQG và KBTTN thường là những kỹ sư lâm nghiệp, cử nhân sinh học và các ngành khoa học tự nhiên nên có thể là người diễn giải môi trường tốt, nhưng hầu như đội ngũ cán bộ này làm công tác hướng dẫn du lịch tại điểm hầu như chưa được trang bị thêm kiến thức hướng dẫn du lịch. - Hạn chế về công tác quản lý bảo tồn tài nguyên, đặc biệt ở các điểm vùng sâu, vùng xa.

- Các KBTTN và VQG sẽ là điểm đến hấp dẫn cho các công ty du lịch khai thác tour du lịch mạo hiểm và các sản phẩm du lịch mới.
- Phần lớn cộng đồng dân cư sống ở các khu vực có rừng trên địa bàn hai tỉnh TTH và QN là người dân tộc thiểu số, sống phụ thuộc vào rừng, thiếu nhận thức về BVMT và bảo tồn ĐDSH.
- Hiện tượng chặt phá rừng vẫn còn xảy ra, nhiều chỗ nghiêm trọng.
- Nhiều di sản văn hóa các dân tộc đang có dấu hiệu bị mai một, không được trao truyền cho các thế hệ tiếp nối.³³⁻³⁴
- Chưa có những sản phẩm, chương trình, dịch vụ du lịch thực sự hấp dẫn để đáp ứng nhu cầu của du khách.
- Chưa có sự phối kết hợp giữa doanh nghiệp, chính quyền và cộng đồng địa phương.
- Hoạt động quảng bá – xúc tiến điểm đến còn yếu.
- Một số khu vực gần biên giới nên việc tiếp cận và đón khách du lịch quốc tế gặp khó khăn do vấn đề an ninh quốc phòng.
- Ảnh hưởng của tính mùa vụ. Mùa mưa lũ gây nguy cơ không an toàn tại những khu vực sông, hồ, suối thác.

Cơ hội	Thách thức
<ul style="list-style-type: none"> - Tỉnh QN&TTH xác định du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương - Chính quyền và các cơ quan quản lý du lịch ủng hộ về chính sách phát triển DLSTCĐ, DLBV - Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030 đã lựa chọn DLST là một trong những sản phẩm du lịch chính để ưu tiên phát triển tại Việt Nam - Tạo ra việc làm và là động lực để bảo tồn và cung cấp nguồn thu nhập bổ sung cho cộng đồng địa phương. - Lượng khách du lịch quan tâm tới loại hình du lịch sinh thái, du lịch có trách nhiệm có xu hướng gia tăng - Các tổ chức trong nước và quốc tế, các tổ chức xã hội 	<ul style="list-style-type: none"> - Cạnh tranh thu hút khách DLST của các VQG, KBTTN quốc tế, khu vực. - Chưa có cơ chế rõ ràng trong phối hợp và quy định trách nhiệm của các bên liên quan bao gồm các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương, các cơ quan quản lý du lịch tại các KBTTN và VQG, tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp, cộng đồng địa phương và khách du lịch. - Chưa có những quy định rõ ràng, hướng dẫn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về nhượng quyền sử dụng và đầu tư, các quy định về việc sử dụng thu nhập từ hoạt động du lịch, đầu tư, cấp phép hoạt động của doanh nghiệp tại các KBTTN và VQG, hay vai trò đồng hành của hướng dẫn viên và nhân viên kiểm lâm; - Chưa có quy định áp dụng chung trên toàn quốc về việc sử dụng các khoản phí và lệ phí hiện hành đối với các sản phẩm và dịch vụ tại các KBTTN và VQG - Nguồn lực tài chính, kinh phí địa phương đầu tư cho DLSTCĐ hạn chế. - Sự xâm nhập và tiếp biến của văn hóa ngoại lai. - Lao động trẻ có xu hướng lựa chọn việc làm tại thành thị. - Chịu sự cạnh tranh của các điểm đến du lịch cộng đồng khác (Đà Nẵng, Hội An). - Hủy hoại môi trường tự nhiên tại các VQG, KBTTN.

³³ Xem thêm: <http://vienphuongdong-ordi.vn/pho-co-lang-ban-co-nguon-von-vo-han-cho-phat-trien-du-lich-sinh-thai-nhan-van/>

³⁴<http://tapchimoitruong.vn/pages/article.aspx?item=Khu-b%E1%BA%A3o-t%E1%BB%93n-Sao-La---Ti%E1%BB%81m-n%C4%83ng-v%E1%BB%81-du-l%E1%BB%8Bch-sinh-th%C3%A1i-40674>

nghề nghiệp, doanh nghiệp và các nhà đầu tư tiềm năng tới giá trị của các điểm du lịch mới nổi với những hoạt động gắn với môi trường

- Tác động của BĐKH, khai thác quá mức và xâm hại tài nguyên tự nhiên, phá hủy ĐDSH.
 - Liên kết các doanh nghiệp du lịch còn ở mức thấp.
 - Mối quan hệ đối tác công – tư, thu hút đầu tư còn chưa được quan tâm đáng kể.
-

DRAFT

3. KHUNG CHIẾN LƯỢC

3.1. TẦM NHÌN VÀ MỤC TIÊU

Tầm nhìn

“Xây dựng Quảng Nam và Thừa Thiên Huế trở thành vùng du lịch sinh thái cộng đồng điển hình, hấp dẫn và có sức cạnh tranh cao trên thị trường”

Mục tiêu chung

Hình thành mạng lưới khu, điểm du lịch sinh thái cộng đồng có khả năng cạnh tranh, đặc biệt là hình thành một số điểm du lịch sinh thái cộng đồng điển hình tại các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên ở khu vực Trung Trường Sơn thuộc địa bàn Quảng Nam và Thừa Thiên Huế với mục đích cải thiện sinh kế, tối ưu hóa lợi ích cho cộng đồng, nâng cao chất lượng trải nghiệm cho khách du lịch và vận động bảo tồn thông qua giáo dục và hiểu biết về môi trường tự nhiên và văn hóa.

Mục tiêu cụ thể

- Xây dựng mỗi tỉnh một điểm du lịch sinh thái cộng đồng mẫu, đảm bảo đầy đủ các tiêu chí, hiệu quả trong quá trình hoạt động;
- Sau 5 năm, chọn lựa và đề xuất mỗi tỉnh xây dựng thêm từ 3 – 5 điểm du lịch sinh thái cộng đồng để tạo thành mạng lưới điểm DLSTCĐ của khu vực;
- Sau 5 năm, lượng khách DLSTCĐ đạt tỷ lệ 10-20% trên tổng lượng khách du lịch đến 2 tỉnh Quảng Nam và Thừa Thiên Huế;
- Sau 5 năm, đảm bảo 30% cộng đồng ở các điểm DLSTCĐ tham gia trực tiếp vào các dịch vụ du lịch.

Giai đoạn thực hiện Chiến lược trong 5 năm: 2018 đến 2022, tầm nhìn 2027.

3.2. NGUYÊN TẮC, PHƯƠNG THỨC TIẾP CẬN

3.2.1. NGUYÊN TẮC PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI CỘNG ĐỒNG

Hoạt động DLSTCĐ vùng Quảng Nam và Thừa Thiên Huế phải đáp ứng các nguyên tắc:

1. Tác động tối thiểu lên tài nguyên tự nhiên;
2. Thu hút sự tham gia của các bên bao gồm cộng đồng, cá nhân, khách du lịch sinh thái, các nhà điều hành tour, các cơ quan chính quyền và các tổ chức phi chính phủ;
3. Tôn trọng truyền thống và bản sắc văn hóa địa phương;
4. Mang lại thu nhập bền vững và bình đẳng cho cộng đồng địa phương và các bên tham gia khác, kể cả các nhà điều hành tour tư nhân;
5. Mang lại nguồn tài chính phục vụ cho công tác bảo tồn và phát triển các điểm đến du lịch;
6. Giáo dục nâng cao nhận thức và hiểu biết, khả năng hưởng thụ của du khách và tăng cường sự tham gia của họ vào công tác bảo tồn;
7. Mang lại trải nghiệm thú vị cho du khách về thiên nhiên và văn hóa bản địa.

3.2.2. TIẾP CẬN THEO QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Phát triển du lịch sinh thái tại Quảng Nam và Thừa Thiên Huế phải mang lại lợi ích khả thi về kinh tế nhưng không phá hủy tài nguyên, môi trường, đặc biệt là môi trường tự nhiên và kết cấu xã hội, truyền thống văn hóa của cộng đồng địa phương.

- **Về phương diện kinh tế:** thu hút sự tham gia của cộng đồng địa phương vào hoạt động du lịch dựa trên tài nguyên tự nhiên ở các VQG hoặc KBTTN để mang lại thu nhập thích đáng cho người dân, qua đó hạn chế tối đa việc khai thác tự phát tài nguyên rừng cho mục đích mưu sinh. Cơ chế chia sẻ thu nhập từ hoạt động du lịch sinh thái cần rõ ràng để đảm bảo công bằng và trải rộng lợi ích cho cộng đồng. Mang lại thu nhập hiệu quả và trải rộng cho cộng đồng là mục tiêu cần hướng đến khi phát triển du lịch sinh thái tại Quảng Nam và Thừa Thiên Huế.
- **Về phương diện văn hóa, xã hội:** phát triển du lịch có trách nhiệm nhằm góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, lối sống, truyền thống của cộng đồng địa phương, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn Quảng Nam và Thừa Thiên Huế. Hướng dẫn khuyến khích khách du lịch tôn trọng bản sắc, lối sống và tính thống nhất của các nền văn hóa của cộng đồng địa phương khi tham quan du lịch tại địa phương.
- **Về phương diện môi trường:** thúc đẩy bảo vệ môi trường tích cực, ảnh hưởng tối thiểu, không làm suy giảm các nguồn tài nguyên tự nhiên, bảo vệ và mang lại lợi ích cho động vật hoang dã và môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học tại các VQG và KBTTN của hai tỉnh Quảng Nam và Thừa Thiên Huế.

3.2.3. TIẾP CẬN THEO HƯỚNG THÚC ĐẨY LIÊN KẾT, HÌNH THÀNH MẠNG LƯỚI DU LỊCH SINH THÁI VÙNG

Tiếp cận liên kết, mạng lưới nhằm tạo điều kiện hỗ trợ kỹ thuật và tài chính cho phát triển DLST bao gồm hai hướng tiếp cận sau:

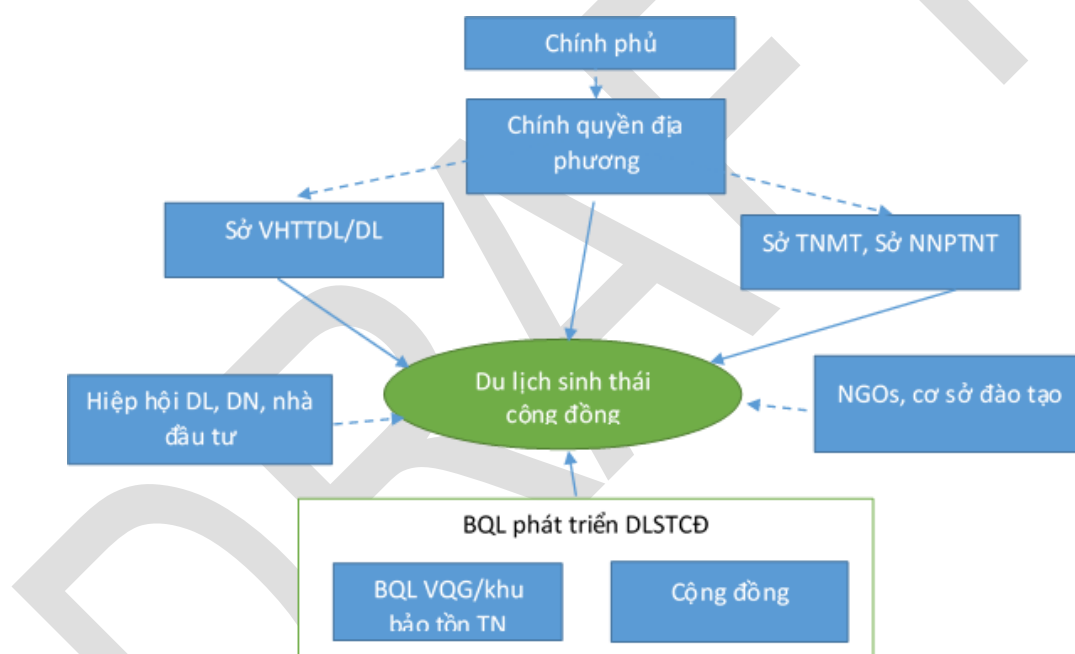
- Thứ nhất, liên kết giữa cơ quan quản lý du lịch hai địa phương để thúc đẩy phát triển du lịch sinh thái nói chung và tại các VQG, KBTTN thuộc khu vực Trung Trường Sơn nói riêng. Mục tiêu trước tiên nhằm liên kết các điểm thu hút du lịch và DLST chính yếu và các dịch vụ, sản phẩm DLST bổ sung ở địa phương. Mục tiêu tiếp theo nhằm huy động các bên liên quan sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên và phát triển mạng lưới DLST hoặc thực hiện các chương trình hợp tác. Bên cạnh đó, việc liên kết này không chỉ giúp chia sẻ các lợi ích kinh tế từ DLST và nâng cao điều kiện kinh tế-xã hội của cộng đồng mà còn nâng cao ý thức giữa các bên liên quan về bảo tồn môi trường tự nhiên và di sản văn hóa của điểm đến.
- Thứ hai, thiết lập mạng lưới thông tin giao tiếp nhằm tạo điều kiện cho việc chia sẻ ý tưởng và thông tin cũng như trao đổi kỹ thuật và thực hành tốt nhất trong phát triển các sản phẩm du lịch sinh thái của hai địa phương. Ưu tiên trước mắt hai địa phương cần làm là lập danh sách các địa chỉ email và địa chỉ bưu điện của các cá nhân và tổ chức tích cực tham gia hoặc quan tâm sâu sắc đến DLST. Tiếp đến là thực hiện xuất bản các bản tin thường kỳ với ý nghĩa là phương tiện chia sẻ dữ liệu và kinh nghiệm phát triển DLST và xây dựng một trang web chung về DLST vùng để tăng cường quá trình kết nối mạng. Xây dựng mạng lưới với vai trò như một cơ chế chia sẻ kinh nghiệm và nâng cao tính chuyên nghiệp trong hoạt động cung cấp dịch vụ DLST của hai địa phương và với các địa phương khác. Huy động sự tham gia của khu vực tư nhân và người dân địa phương sẽ là chìa khóa để mở rộng mạng lưới liên kết. Trong tương lai, mạng lưới này sẽ trở thành phương tiện hỗ trợ kỹ thuật cho các dự án ở địa phương.

3.3. MÔ HÌNH QUẢN LÝ, HỢP TÁC PHÁT TRIỂN CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

- Chính phủ ban hành các chính sách, quy định về phát triển du lịch sinh thái, ưu đãi đầu tư, tạo điều kiện cho các bên liên quan tham gia đầu tư phát triển du lịch sinh thái.

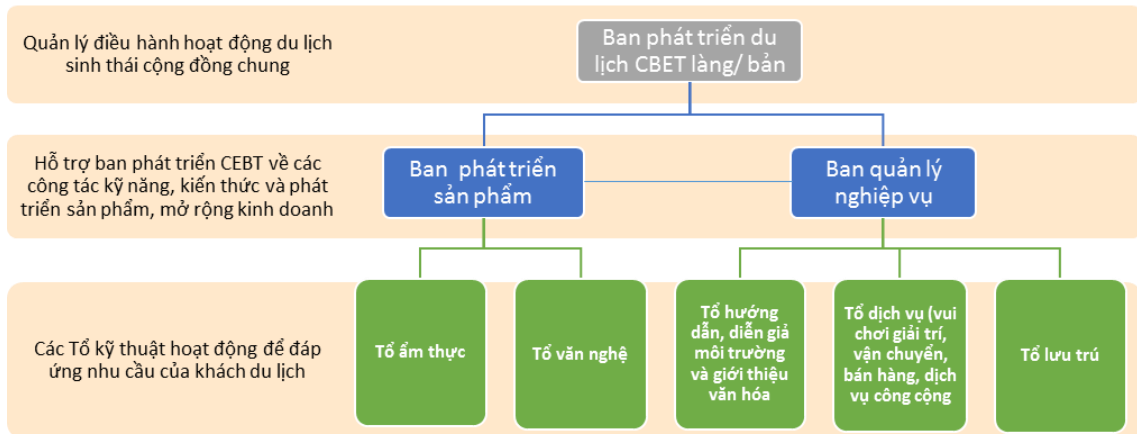
- Chính quyền địa phương thực hiện việc thúc đẩy phát triển du lịch sinh thái và xây dựng chính sách ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư để hỗ trợ cộng đồng phát triển du lịch sinh thái cụ thể trên địa bàn. Tạo thuận lợi về môi trường pháp lý và thể chế để phát triển du lịch sinh thái trong khu vực ổn định và bền vững.
- Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trực tiếp điều phối phát triển ngành. Liên kết, hợp tác và phối hợp với các Sở có liên quan tạo điều kiện thuận lợi, tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ thúc đẩy du lịch sinh thái trong khu vực
- Hiệp hội Du lịch, doanh nghiệp và các nhà đầu tư: phối hợp hợp tác xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật, hỗ trợ cộng đồng xây dựng chiến lược thị trường – sản phẩm; trực tiếp khai thác và đảm bảo yếu tố du lịch sinh thái phát triển đa dạng, bền vững trong khu vực.
- Các tổ chức phi chính phủ (NGOs) và các cơ sở đào tạo: Phối hợp hỗ trợ về kỹ thuật, chuyên gia, tài chính và các chương trình bồi dưỡng kiến thức nâng cao năng lực của cộng đồng, phổ biến các tiêu chuẩn ngành trong quá trình phát triển đảm bảo phù hợp với nhu cầu trong nước và quốc tế.

Hình 7: Mô hình quản lý, hợp tác phát triển DLSTCĐ của các bên liên quan



Ban quản lý phát triển du lịch sinh thái cộng đồng: trực tiếp điều hành, giám sát và thực hiện việc phát triển du lịch sinh thái cộng đồng trong khu vực. Đảm bảo cơ chế vận hành phù hợp, cơ chế chia sẻ lợi ích công bằng cho các bên liên quan và nội bộ cộng đồng.

Hình 8: Mô hình Ban quản lý phát triển DLSTCD



3.4. CÁC CHIẾN LƯỢC THÀNH PHẦN

Để triển khai thành công Chiến lược, cần xây dựng các chiến lược thành phần hoặc các chương trình phát triển đảm bảo thực hiện các mục tiêu, nguyên tắc chung của Chiến lược, làm cơ sở để hình thành các dự án ưu tiên và kế hoạch phát triển cụ thể.

4. NỘI DUNG CHIẾN LƯỢC VÀ GIẢI PHÁP

4.1. NỘI DUNG CHIẾN LƯỢC

Để thực hiện thành công Chiến lược DLSTCĐ vùng Quảng Nam và Thừa Thiên Huế, các chiến lược thành phần được xây dựng dưới dạng các chương trình với mục tiêu, nguyên tắc và hoạt động cụ thể. 8 chương trình được xác định là:

- Chương trình 1: Hoàn thiện thể chế chính sách
- Chương trình 2: Hỗ trợ bảo tồn tài nguyên và văn hóa phục vụ du lịch
- Chương trình 3: Phát triển nguồn nhân lực và phát triển cộng đồng
- Chương trình 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật
- Chương trình 5: Phát triển sản phẩm
- Chương trình 6: Liên kết và hợp tác
- Chương trình 7: Xúc tiến, quảng bá
- Chương trình 8: Thí điểm và nhân rộng mô hình DLSTCĐ

4.1.1. CHƯƠNG TRÌNH 1: HOÀN THIỆN THỂ CHẾ CHÍNH SÁCH

Mục tiêu: Thực hiện giải pháp về cơ chế, chính sách trong Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2013 – 2030 và Nghị quyết 08/NQ-TU ngày 27/12/2016 của tỉnh ủy Quảng Nam về phát triển du lịch Quảng Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2025.

Hoạt động:

- 1) Thiết lập tổ chức quản lý khai thác tài nguyên du lịch sinh thái (có thể gọi là Ban quản lý phát triển DLSTCĐ) theo mô hình hợp tác công tư để huy động vốn đầu tư quốc gia kêu gọi thêm vốn từ các doanh nghiệp tư nhân, từ các ngân hàng tư nhân huy động các công ty du lịch nhỏ và vừa để xây dựng sự tham dự rộng rãi của cộng đồng địa phương trong khai thác, bán sản phẩm du lịch sinh thái cộng đồng.
- 2) Có chính sách ưu đãi thuế đối với các hộ kinh doanh homestay, ưu đãi khuyến khích cho những dự án với dấu chân sinh thái giới hạn rõ rệt có chính sách lãi suất thấp nhằm khuyến khích sự phát triển của các điểm đến xanh.
- 3) Phối hợp tạo điều kiện thuận lợi trong việc xử lý các thủ tục xuất nhập cảnh và tiếp cận điểm đến đối với khách du lịch quốc tế đến tham quan, lưu trú tại các khu bảo tồn trên địa bàn, từ Lào sang hoặc từ các địa phương trong và ngoài tỉnh.
- 4) Hình thành quỹ phát triển du lịch sinh thái cộng đồng từ nguồn xã hội hóa, khuyến khích việc đóng góp từ thu nhập du lịch cho các hoạt động bảo tồn các giá trị văn hóa, phục hồi các giá trị về sinh thái, văn hóa và phát triển du lịch xanh.
- 5) Xây dựng tiêu chí lựa chọn doanh nghiệp kinh doanh DLSTCĐ tại các KBTTN và VQG theo hình thức công – tư kết hợp, đảm bảo quản lý hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn văn hóa và chia sẻ lợi ích tài chính cho các bên liên quan: nhà nước, người dân bản địa, khách du lịch, chủ tài nguyên rừng và các tổ chức, cá nhân kinh doanh nhà hàng, tham quan, hướng dẫn, vận chuyển.

4.1.2. CHƯƠNG TRÌNH 2: HỖ TRỢ BẢO TỒN TÀI NGUYÊN VÀ VĂN HÓA TRONG BỐI CẢNH BDKH PHỤC VỤ DU LỊCH

Mục tiêu: Bảo tồn và bảo vệ tài nguyên du lịch (tự nhiên và văn hóa); Kêu gọi các nguồn lực hỗ trợ và đóng góp cho công tác bảo tồn các giá trị đặc trưng trong khu vực

Nguyên tắc:

- Phục hồi, bảo vệ và phát huy các giá trị nguyên dạng của các tài nguyên văn hóa và tự nhiên trong khu vực
- Đảm bảo sự nhận thức và tham gia tích cực của các bên liên quan, đặc biệt là cộng đồng địa phương

Bảo tồn và bảo vệ tài nguyên du lịch (tự nhiên và văn hóa)

Hoạt động:

1) Giới thiệu, phổ biến về giá trị tự nhiên, văn hóa trong khu vực và các tác động tích cực, tiêu cực do con người tạo ra trong quá trình sinh sống và phát triển du lịch bằng nhiều hình thức và qua nhiều kênh thông tin (mạng xã hội, ấn phẩm quảng cáo, các trung tâm thông tin, nhà văn hóa, website...).

2) Kết hợp với các cơ quan quản lý và cơ sở đào tạo, nghiên cứu để giới thiệu các công trình nghiên cứu về lĩnh vực có liên quan trong khu vực và tham gia giảng dạy trong các chương trình đào tạo ngắn hạn cho các bên liên quan

3) Thúc đẩy các bên liên quan lồng ghép các nội dung có liên quan đến bảo tồn tài nguyên tự nhiên và văn hóa trong quá trình phát triển.

4) Khuyến khích cộng đồng giữ gìn và phát huy các giá trị lối sống và bản sắc văn hóa thông qua các hoạt động khác nhau như: có chính sách và biện pháp hỗ trợ các hộ gia đình sản xuất nghề truyền thống; Nâng cao nhận thức về bảo tồn và bảo vệ tài nguyên du lịch (tự nhiên và văn hóa)...

Kêu gọi các nguồn lực hỗ trợ và đóng góp cho công tác bảo tồn các giá trị đặc trưng trong khu vực

Hoạt động:

1) Tìm kiếm cơ hội hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước nhằm hỗ trợ công tác bảo tồn, khuyến khích sự đóng góp tích cực (vật chất và tinh thần) trong công tác trùng tu, tôn tạo, phục dựng, công nhận, bảo vệ các giá trị tự nhiên và văn hóa đặc trưng trong khu vực.

2) Xây dựng quỹ bảo tồn từ hoạt động du lịch và cơ chế, tiêu chuẩn trong hoạt động bảo tồn.

4.1.3. CHƯƠNG TRÌNH 3: PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC VÀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

Mục tiêu: Nâng cao nhận thức của cộng đồng về môi trường, đa dạng sinh học và phát triển du lịch của cộng đồng và các bên liên quan; Khuyến khích cộng đồng tham gia vào việc cung cấp dịch vụ du lịch bền vững; Khẳng định vai trò của cộng đồng trong phát triển DLSTCĐ

Nguyên tắc:

- Phát triển cân bằng, đồng đều cho các đối tượng có liên quan các yêu cầu về tiêu chuẩn ngành nghề trong phát triển du lịch sinh thái cộng đồng
- Đảm bảo việc nâng cao năng lực cộng đồng được thực hiện thường xuyên kết hợp với sự giám sát, đánh giá chéo của các bên liên quan
- Đảm bảo sự chia sẻ, học hỏi kinh nghiệm và áp dụng những kiến thức mới trong hoạt động du lịch sinh thái trong khu vực.

Nâng cao nhận thức của cộng đồng về môi trường, đa dạng sinh học và phát triển DLSTCĐ của cộng đồng và các bên liên quan, trên cơ sở đó, biết cách đánh giá, và tự nguyện tham gia các hoạt động tích cực vào công tác bảo tồn và bảo vệ môi trường tại các điểm đến trong khu vực của mình, đặc biệt là tại các KBTTN và VQG.

Hoạt động:

- 1) Xây dựng và phát hành ấn phẩm với nội dung đơn giản (minh họa bằng hình ảnh) được sử dụng phù hợp với cộng đồng được thể hiện ở những nơi dễ nhìn, dễ thấy, dễ đọc, dễ hình dung;
- 2) Phối hợp với các trường (trung cấp, cao đẳng, đại học) thường xuyên tổ chức các hoạt động đào tạo nâng cao nhận thức cho đồng bào, kỹ năng phục vụ khách du lịch;
- 3) Phối hợp với các chương trình, đề án lồng ghép nội dung du lịch trong các hoạt động;
- 4) Đào tạo các hạt nhân tích cực (đơn vị quản lý, cộng đồng) để lan tỏa nhận thức cho cộng đồng;
- 5) Phối hợp với các đơn vị của KBTTN, VQG tổ chức giao lưu, trao đổi kinh nghiệm và chia sẻ với cộng đồng;
- 6) Phối hợp với các doanh nghiệp du lịch tổ chức các hoạt động thiện nguyện dành cho khách du lịch tham gia vào việc giáo dục cộng đồng.

Khuyến khích cộng đồng tham gia vào việc cung cấp dịch vụ du lịch bền vững: Tăng cường nâng cao kiến thức, kỹ năng du lịch cho cộng đồng phù hợp với năng lực và đặc trưng của khu vực trong việc phát triển chuỗi dịch vụ tại điểm đến.

Hoạt động:

- 1) Chính quyền địa phương có chính sách khuyến khích cộng đồng phát triển doanh nghiệp do cộng đồng làm chủ (cơ sở lưu trú, ăn uống, vận chuyển, làm hàng thủ công mỹ nghệ...);
- 2) Thành lập các hội nghề nghiệp trong vùng để hỗ trợ phát triển;
- 3) Liên kết với doanh nghiệp du lịch để tạo nguồn khách;
- 4) Khuyến khích người dân tham gia các hoạt động hỗ trợ khách du lịch thông qua việc phân công công việc và cơ chế chia sẻ lợi nhuận trong cộng đồng.

Khẳng định vai trò của cộng đồng trong phát triển du lịch sinh thái cộng đồng thông qua việc khuyến khích cộng đồng tham gia vào công tác quản lý du lịch.

Hoạt động:

- 1) Từng bước trao quyền cho cộng đồng trong công tác tổ chức hoạt động du lịch có sự giám sát của doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước;
- 2) Tổ chức các chương trình bồi dưỡng kiến thức về quản lý, marketing, phát triển sản phẩm, quy hoạch du lịch và các kỹ năng mềm... để nâng cao năng lực cho nhà quản lý;
- 3) Tổ chức các hoạt động giao lưu, chia sẻ, học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước cho cán bộ quản lý trong các hội nghề nghiệp;
- 4) Kêu gọi hỗ trợ đầu tư trang thiết bị, hỗ trợ công việc quản lý DLSTCĐ.

4.1.4. CHƯƠNG TRÌNH 4: ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT KỸ THUẬT

Mục tiêu: Chính quyền địa phương các cấp, các Bộ, ngành liên quan và các tổ chức, doanh nghiệp và các nhà đầu tư tiềm năng phối hợp nghiên cứu và xác định các hạng mục ưu tiên xúc tiến đầu tư, nâng cấp, xây dựng kết cấu hạ tầng và CSVCKT để phát triển DLSTCĐ tại các KBTTN và VQG của Quảng Nam và Thừa Thiên Huế. Chú trọng tới các công trình đường giao thông, hạ tầng viễn thông, CNTT, quản lý chất thải và các nguồn năng lượng góp phần thực hiện các mục tiêu quản lý, bảo tồn ĐDSH, phát triển DLSTCĐ, phù hợp với quy hoạch và chiến lược và luật Bảo vệ môi trường, luật Du lịch và các văn bản pháp lý có liên quan.

Hoạt động:

- 1) Đầu tư, xây dựng, nâng cấp đường giao thông vào các KBTTN và VQG:
- Xác định các địa hình có thể gây nguy hiểm trong mùa bão lũ, các tuyến đường hẹp cần mở rộng nhằm nâng cao khả năng tiếp cận điểm đến du lịch.
 - Kêu gọi các doanh nghiệp, các cá nhân đầu tư tham gia phát triển DLSTCĐ để lựa chọn các tuyến đường có giá trị cảnh quan, đồng thời thống nhất phương án cân bằng giữa khai thác và bảo tồn giá trị ĐDSH.
 - Tham vấn, thảo luận với chính quyền địa phương các cấp, các Bộ, ngành liên quan và các tổ chức bảo vệ môi trường trong nước và quốc tế về nhu cầu và ưu tiên đầu tư, bảo tồn, và phát triển giá trị cảnh quan các địa điểm khai thác du lịch.
 - Quy hoạch và xây dựng các bãi đỗ xe, bổ sung các dịch vụ vận chuyển như cho thuê xe đạp, xe máy, hoặc xe điện ở một số tuyến điểm.
 - Thiết kế cải tạo một số đường liên thôn, liên bản.

2) Tăng cường CSVCKT cho các KBTTN và VQG:

- Xác định nhu cầu và chi phí về hạ tầng viễn thông, internet và các trang thiết bị CNTT tại các KBTTN và VQG.
- Xây dựng bảng phân tích chi phí và hiệu quả thu được (tập trung vào kết quả bảo vệ loài, quản lý bảo tồn ĐDSH và hiệu quả hoạt động DLSTCĐ).
- Kêu gọi các doanh nghiệp, các cá nhân đầu tư tham gia phát triển DLSTCĐ để lựa chọn các hạng mục CSVCKT cần ưu tiên đầu tư.
- Tham vấn, thảo luận với chính quyền địa phương các cấp, các Bộ, ngành liên quan và các tổ chức bảo vệ môi trường trong nước và quốc tế về nhu cầu và ưu tiên đầu tư, kế hoạch quản lý và kêu gọi hỗ trợ kinh phí.
- Xây dựng các loại hình CSLTDL phù hợp như nhà nghỉ, hỗ trợ cải tạo nhà dân có phòng cho khách du lịch thuê làm homestay.
- Xây dựng các trạm dừng chân, các nhà vệ sinh công cộng.
- Thiết kế nhà vệ sinh ở các hộ kinh doanh homestay.
- Xây dựng hệ thống các biển báo chỉ dẫn, hướng dẫn khách hoặc trạm thông tin đón tiếp khách.
- Hỗ trợ các trang thiết bị cần thiết như máy quay có ống kính tele có tiêu cự lớn...

3) Nâng cấp kết cấu hạ tầng về quản lý các nguồn năng lượng và chất thải:

- Xác định nhu cầu và chi phí về hạ tầng quan trọng về khả năng cung cấp điện, nước sạch, sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo được (gió, mặt trời,...) và quản lý chất thải tại các KBTTN và VQG mang lại lợi ích cho công tác bảo tồn tài nguyên.
- Xây dựng kế hoạch quản lý các nguồn năng lượng và chất thải: thời gian, nội dung công việc, ngân sách, hiệu quả, nguồn lực.
- Kêu gọi các doanh nghiệp, các cá nhân đầu tư tham gia phát triển DLSTCĐ để lựa chọn các hạng mục kết cấu hạ tầng về quản lý các nguồn năng lượng và chất thải cần ưu tiên đầu tư.
- Xây dựng hệ thống xử lý nước thải, chất thải sinh hoạt ở các nhà nghỉ và nhà hàng quanh khu vực lựa chọn điểm DLSTCĐ.
- Tham vấn, thảo luận với chính quyền địa phương các cấp, các Bộ, ngành liên quan và các tổ chức bảo vệ môi trường trong nước và quốc tế về nhu cầu và ưu tiên đầu tư, kế hoạch quản lý và kêu gọi hỗ trợ kinh phí.

4.1.5. CHƯƠNG TRÌNH 5: PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM

Chiến lược thành phần này đưa ra những nguyên tắc và hoạt động chính cần thực hiện để phát triển các sản phẩm du lịch sinh thái cộng đồng phù hợp với các điểm dự kiến phát triển

DLSTCĐ của 2 tỉnh Quảng Nam và Thừa Thiên Huế. Chiến lược cũng chỉ ra các sản phẩm DLSTCĐ có thể phát triển tại 2 địa bàn dựa vào thực trạng tiềm năng tài nguyên du lịch đã phân tích.

Mục tiêu: Phát triển hệ thống sản phẩm DLSTCĐ và các dịch vụ hỗ trợ khai thác được sức hấp dẫn, độc đáo của tài nguyên du lịch tự nhiên và văn hóa của điểm đến, đảm bảo các nguyên tắc phát triển của DLST, đồng thời đáp ứng được nhu cầu khách du lịch, có tính cạnh tranh cao trên thị trường du lịch.

Nguyên tắc phát triển sản phẩm DLSTCĐ: Là loại hình du lịch khá đặc thù, phát triển các sản phẩm du lịch sinh thái cộng đồng tại các VQG và KBTTN của vùng Thừa Thiên Huế - Quảng Nam cần đảm bảo theo những nguyên tắc sau:

- **Sản phẩm du lịch sinh thái phải đảm bảo chất lượng, tính nguyên bản và an toàn, an ninh:**
 - + Đảm bảo chú ý tới từng chi tiết trong chương trình du lịch để phù hợp với nhu cầu của du khách và tối đa hóa tiềm năng của tài nguyên; đảm bảo chất lượng của các hoạt động và sự thoải mái cho du khách;
 - + Đảm bảo khách du lịch được trải nghiệm sự nguyên bản của tài nguyên du lịch (tự nhiên, văn hóa), nhưng phải cân nhắc và tôn trọng, tránh làm ảnh hưởng tiêu cực tới cộng đồng địa phương và môi trường;
 - + Đảm bảo hoạt động du lịch sinh thái phải an toàn cho du khách và những người tham gia trong chương trình du lịch, đặc biệt trong các hoạt động mạo hiểm ở thiên nhiên.
 - + Ưu tiên cho việc diễn giải thông tin về tự nhiên và văn hóa của điểm du lịch sinh thái;
 - + Thông tin diễn giải về giá trị tự nhiên, đa dạng sinh học, văn hóa bản địa của sản phẩm du lịch sinh thái phải đảm bảo sự hấp dẫn, chính xác và mang tính giáo dục;
 - + Ưu tiên đào tạo, tập huấn để nâng cao chất lượng của hướng dẫn viên địa phương, những người hiểu rõ nhất về điểm đến.
- **Thiết kế và quản lý các cơ sở vật chất dịch vụ du lịch sinh thái bền vững:**
 - + Đảm bảo thiết kế các cơ sở vật chất dịch vụ như cơ sở lưu trú, ăn uống, vệ sinh, vui chơi giải trí... không làm thay đổi cảnh quan tự nhiên hay văn hóa bản địa; ưu tiên sử dụng các vật liệu địa phương, thân thiện môi trường;
 - + Tối đa hóa việc tận dụng các cơ sở vật chất sẵn có tại địa phương như nhà dân, trụ sở văn phòng đã xây dựng... để giảm thiểu việc xây dựng mới hay phá bỏ;
 - + Tối thiểu hóa việc tiêu thụ năng lượng và xả thải thông qua sử dụng các trang thiết bị thân thiện với môi trường và tiết kiệm năng lượng.
- **Tính chất sản phẩm du lịch sinh thái phải cân nhắc tính tổng thể của cả điểm đến:**
 - + Lựa chọn phát triển các sản phẩm, dịch vụ du lịch phải phù hợp với tổng thể của điểm đến không làm thay đổi tính chất của du lịch sinh thái;
 - + Lựa chọn sử dụng các phương tiện vận chuyển, trang thiết bị sử dụng trong chương trình du lịch sinh thái phù hợp với điểm đến.
- **Phát triển sản phẩm du lịch sinh thái kết hợp với các hoạt động du lịch bền vững:**
 - + Các hoạt động du lịch khác được phát triển thêm trong chương trình du lịch sinh thái phải đảm bảo tính bền vững với môi trường nhưng vẫn phù hợp với nhu cầu của khách du lịch về tính giải trí và tiện nghi, như hoạt động leo núi, chèo thuyền vượt thác, tắm suối khoáng nóng...
 - + Các hoạt động được khai thác bởi người dân địa phương với sự hướng dẫn và đảm bảo kỹ thuật an toàn bởi chuyên gia, công ty cung cấp.

Các sản phẩm DLSTCĐ có thể lựa chọn phát triển:

Từ đánh giá tài nguyên và nhu cầu thị trường, các sản phẩm du lịch sinh thái cộng đồng có thể khai thác tại các KBTTN/VQG và vùng đệm ở hai tỉnh Thừa Thiên Huế và Quảng Nam được xác định. Tùy vào tính chất từng điểm đến để lựa chọn xây dựng toàn bộ, hoặc kết hợp một số hoạt động sau:



Sản phẩm sinh thái

- Hành trình tham quan thiên nhiên, ngắm động vật hoang dã, tìm hiểu thực vật, đa dạng sinh học thông qua nghe diễn giải, thuyết trình của hướng dẫn bản địa, tham quan nhà trưng bày/bảo tàng/con đường diễn giải;
- Trải nghiệm trekking, đạp xe đường mòn trong rừng, leo núi, vượt thác, đu dây, cắm trại ngủ qua đêm trong rừng;



Sản phẩm văn hóa bản địa

- Thường thức biểu diễn văn nghệ truyền thống, nghe kể chuyện cổ của già làng;
- Tham gia các hoạt động có tính chất giáo dục, trải nghiệm cuộc sống cộng đồng: học nấu ăn, học dệt thổ cẩm, học trồng lúa, làm nông, hái rau quả;



Sản phẩm khác

- Giải trí thư giãn (mát xa, tắm suối khoáng nóng);
- Mua sắm sản vật, quà lưu niệm, thủ công mỹ nghệ của địa phương;
- Tham gia các hoạt động tình nguyện: dọn dẹp môi trường sinh thái, hỗ trợ chăm sóc động vật, dạy học trẻ em trong làng/bản.

Ngoài ra, các dịch vụ hỗ trợ cần có đảm bảo nhu cầu khách du lịch:

- Dịch vụ lưu trú: homestay, nhà nghỉ cho khách thuê, khách sạn boutique;
- Dịch vụ ăn uống: nhà hàng địa phương, nhà dân có nhận đặt món ăn cho khách, quán café, giải khát, quán bar nhỏ...
- Dịch vụ bán hàng lưu niệm, đặc sản: trung tâm bán hàng lưu niệm, đặc sản địa phương do cộng đồng quản lý;
- Dịch vụ vận chuyển;
- Dịch vụ vui chơi giải trí, thư giãn: mát xa, cơ sở tắm suối khoáng nóng...
- Dịch vụ công cộng: trông xe, nhà vệ sinh công cộng, y tế, viễn thông, tài chính...

Hoạt động:

1) Khảo sát tài nguyên, phân tích thị trường: đánh giá được những tài nguyên du lịch sinh thái của điểm đến để có thể khai thác phát triển thành sản phẩm DLST; phân tích nhu cầu thị trường đảm bảo sản phẩm được khách du lịch ưa thích. Nhóm khảo sát, đánh giá gồm chuyên gia DLST, doanh nghiệp dự kiến đầu tư khai thác tại điểm đến, cộng đồng địa phương, BQL VQG/KBTTN;

2) Xây dựng tuyến/chương trình DLST, lập kế hoạch phát triển: Xây dựng các chương trình DLST cụ thể phù hợp với điểm đến và nhu cầu khách du lịch; xây dựng tuyến kết nối với các điểm đến khác của Huế và Hội An; Lập kế hoạch phát triển gồm hoạt động cần thực hiện, thời gian, nguồn lực cần có (tài chính, nhân lực...);

3) Xây dựng hệ thống thông tin: cộng đồng địa phương, BQL VQG/KBTTN nhờ sự tư vấn của chuyên gia DLST xây dựng các nội dung diễn giải thông tin trong chương trình

DLSTCĐ cho từng hoạt động và từng đặc trưng của điểm đến (tài nguyên tự nhiên, văn hóa); xây dựng sơ đồ/bản đồ du lịch của điểm đến với hình ảnh minh họa;

4) Huy động nguồn lực: Tận dụng các nguồn lực từ Nhà nước tới doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ và người dân để đầu tư thông qua kêu gọi đầu tư, dự án thí điểm;

5) Xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật; Nâng cao nhận thức, đào tạo, tập huấn: Cung cấp các kỹ năng cần có cho phục vụ khách du lịch của cộng đồng địa phương và cán bộ quản lý địa phương, điểm đến; nâng cao nhận thức của cộng đồng và quản lý về DLST;

6) Đánh giá kết quả, kiểm tra, giám sát: Để đảm bảo các hoạt động được thực hiện theo đúng nguyên tắc đặt ra về DLST, nguyên tắc phát triển sản phẩm DLST; Khắc phục các vấn đề, cải tiến, phát triển sản phẩm mới: Rà soát các vấn đề để kịp thời điều chỉnh, cải tiến, đổi mới.

4.1.6. CHƯƠNG TRÌNH 6: LIÊN KẾT VÀ HỢP TÁC

Mục tiêu:

- Tạo ra sức mạnh bền vững, lâu dài đối với BQL phát triển DLSTCĐ đại diện cho cộng đồng, cho phép cộng đồng luôn có tác động đối với những người ra quyết định quan trọng về các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình thực hiện;
- Tạo ra mối liên kết chặt chẽ nhưng linh hoạt giữa chính quyền địa phương, quản lý nhà nước về du lịch, về bảo tồn với hoạt động khai thác phát triển DLSTCĐ tại các điểm đến;
- Tạo ra sự hợp tác phù hợp với cam kết lâu dài và bền vững của doanh nghiệp, các tổ chức phi Chính phủ trong kinh doanh hoạt động DLSTCĐ và bảo tồn tài nguyên tự nhiên, văn hóa.

Nguyên tắc liên kết, hợp tác:

- Đặt quyền lợi cộng đồng và công tác bảo tồn tài nguyên tự nhiên/văn hóa lên vị trí hàng đầu;
- Hợp tác, liên kết phải chặt chẽ thể hiện rõ vai trò, trách nhiệm của các bên tham gia, đồng thời phải linh hoạt để không có sự cứng nhắc, khó khăn khi triển khai hoạt động.

Hoạt động:

1) Xây dựng quy chế hoạt động của BQL phát triển DLSTCĐ; xây dựng cơ chế chia sẻ lợi nhuận; cơ chế kiểm tra giám sát;

2) Tổ chức cuộc họp thường niên giữa BQL phát triển DLSTCĐ với các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch để thống nhất về định hướng phát triển; họp thường kỳ (tháng/quý) giữa các thành viên BQL phát triển DLSTCĐ;

3) Tổ chức hội nghị xúc tiến đầu tư với doanh nghiệp, đoàn FAM; xúc tiến ký kết các cam kết ràng buộc về đưa khách, đầu tư, hợp tác, trao đổi chuyên gia với các cơ quan nghiên cứu, doanh nghiệp, tổ chức đào tạo liên quan tới DLSTCĐ;

4) Tổ chức hội thảo khoa học về công tác bảo tồn với các nhà khoa học, chuyên gia, tổ chức phi chính phủ quốc tế và trong nước.

4.1.7. CHƯƠNG TRÌNH 7: XÚC TIẾN, QUẢNG BÁ

Mục tiêu:

- Xây dựng thương hiệu du lịch sinh thái cộng đồng cho vùng trên bản đồ du lịch Việt Nam, đồng thời nâng cao nhận thức của khách du lịch và cộng đồng địa phương về DLSTCĐ;

- Quảng bá về du lịch sinh thái vùng tập trung cho các nhóm thị trường ngách, nhóm nhỏ, thể hiện hình ảnh của điểm đến không có những hoạt động du lịch đại chúng, giới hạn lượng khách;
- Sử dụng các phương tiện công nghệ và phương thức truyền thông trên Internet đảm bảo tiếp cận khách du lịch trực tiếp và có tính tương tác cao;
- Cung cấp thông tin chính xác, mang tính giáo dục và toàn diện để doanh nghiệp và khách du lịch tiềm năng nhận thức về quy tắc của DLSTCĐ, hạn chế những tác động tiêu cực từ du lịch;
- Khai thác hiệu quả kênh quảng bá thông qua chia sẻ trải nghiệm của du khách sau chuyến đi, từ đó quảng bá cho những người thân và bạn bè đến thăm và quay trở lại điểm đến. Như vậy, khách du lịch trở thành những đại sứ DLST thông qua duy trì mối liên hệ với cộng đồng.

Nguyên tắc xúc tiến quảng bá:

- Tích hợp sản phẩm với các phân khúc thị trường tiềm năng;
- Xác định kênh phân phối sản phẩm;
- Ứng dụng công nghệ thông tin để xúc tiến, quảng bá sản phẩm;
- Cộng đồng hoặc doanh nghiệp nên thiết lập một đại lý du lịch tại chỗ;
- Xây dựng thương hiệu xanh thông qua việc đề nghị các tổ chức uy tín cấp chứng chỉ xanh cho sản phẩm du lịch của cộng đồng.

Thị trường mục tiêu:

- Thị trường khách quốc tế:
 - + Đến từ Châu Âu (Đức, Pháp), Châu Á (Nhật Bản, Hàn Quốc), Châu Úc (Úc, New Zealand);
 - + Khách trong độ tuổi từ 25 đến 40, có sở thích khám phá thiên nhiên, văn hóa dân tộc thiểu số, nghiên cứu thiên nhiên, làm từ thiện; đi cùng nhóm bạn nhỏ 2-4 người, kết hợp đi du lịch dài ngày khám phá Việt Nam (xuyên Việt); đi du lịch vào thời gian tháng 12-1; tháng 7-8;
 - + Khách trong độ tuổi từ 41 đến 50, có sở thích nghỉ ngơi tại nơi có không khí trong lành, tham quan thiên nhiên, trải nghiệm văn hóa, nghiên cứu thiên nhiên, làm từ thiện; nghỉ cùng gia đình (2-4 người) trong dịp lễ, nghỉ hè.
- Thị trường khách nội địa:
 - + Nội vùng: đối tượng khách du lịch trong độ tuổi từ 21 đến 30, đi du lịch cặp đôi, hoặc nhóm nhỏ (4-6 người); sở thích khám phá thiên nhiên, nghỉ dưỡng núi; đi du lịch vào dịp nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ.
 - + Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh: đối tượng khách du lịch từ 25 đến 40, đi du lịch cặp đôi, nhóm nhỏ, gia đình; đi du lịch kết hợp nghỉ dưỡng tại Huế, Hội An, Đà Nẵng; sở thích nghỉ dưỡng núi, tham quan thiên nhiên đẹp, khí hậu trong lành, yên tĩnh; đi du lịch vào dịp nghỉ lễ, nghỉ hè.

Hoạt động:

- 1) Thực hiện nghiên cứu thị trường
 - Thường xuyên thực hiện nghiên cứu nhu cầu thị trường tiềm năng;
 - Thu thập phản hồi khách hàng về đánh giá sản phẩm/dịch vụ;
- 2) Xây dựng Thương hiệu điểm đến
 - Xây dựng thương hiệu và hình ảnh để tạo nhận thức cho khách du lịch về du lịch sinh thái cộng đồng ở TTH và QN với hình ảnh biểu tượng là con Sao La;

- Xây dựng thương hiệu cho từng điểm đến du lịch sinh thái cộng đồng (cụm làng/bản du lịch cộng đồng hoặc vườn quốc gia/khu bảo tồn).
- 3) Tổ chức chương trình FAM, Presstrip, hội thảo khoa học
 - Tổ chức đoàn FAM trip, Presstrip cho các doanh nghiệp và cơ quan báo chí để thu hút đầu tư, khai thác, quảng cáo;
 - Tổ chức hội thảo khoa học về bảo tồn giá trị tự nhiên và văn hóa của khu vực nhằm thu hút sự quan tâm của các tổ chức bảo tồn quốc tế/trong nước, đồng thời giới thiệu tiềm năng của điểm đến.
- 4) Xây dựng kế hoạch thông tin quảng bá
 - Xây dựng mô hình trung tâm thông tin du lịch.
 - Xây dựng hệ thống bảng chỉ dẫn, bảng thông tin, quy định tại các điểm tham quan.
 - Xây dựng website riêng cho điểm đến, trang mạng xã hội để tương tác với khách du lịch.
 - Xây dựng kế hoạch truyền thông qua các phương tiện báo chí, ấn phẩm thường kỳ, mạng xã hội, quảng bá liên kết với các doanh nghiệp và ứng dụng KHCN trong quảng bá.
 - Quản lý và kiểm soát thông tin: bao gồm việc cung cấp thông tin cho khách du lịch và ghi nhận thông tin phản hồi từ khách du lịch, thông tin cho cơ quan báo chí.

4.1.8. CHƯƠNG TRÌNH 8: THÍ ĐIỂM VÀ NHÂN RỘNG MÔ HÌNH DLSTCĐ

Mục tiêu:

- Xây dựng thí điểm mô hình DLSTCĐ tại hai tỉnh Quảng Nam và Thừa Thiên Huế;
- Đưa ra những định hướng và chỉ dẫn cụ thể cho việc xây dựng những mô hình DLSTCĐ tại 2 tỉnh và trên cả nước trong tương lai dựa trên những bài học kinh nghiệm thực tế rút ra từ việc xây dựng và triển khai thực hiện các mô hình thí điểm.

Để đạt được những mục tiêu nói trên, chiến lược này cần bám theo các nguyên tắc sau:

- Gắn kết chặt chẽ mục đích bảo tồn tài nguyên tự nhiên và đa dạng sinh học với tạo sinh kế cho cộng đồng địa phương;
- Gắn kết chặt chẽ mục đích tạo sinh kế cho cộng đồng địa phương với xây dựng sản phẩm du lịch;
- Gắn kết chặt chẽ việc xây dựng, thực hiện, quản lý và đảm bảo chất lượng sản phẩm du lịch với tính bền vững của mô hình DLSTCĐ;
- Quan tâm và tôn trọng các kết quả nghiên cứu về đặc điểm tự nhiên, văn hóa xã hội, dân tộc của từng địa phương tại các điểm mô hình;
- Lồng ghép và thể hiện được nhu cầu và xu hướng phát triển của thị trường du lịch trong việc xây dựng các mô hình DLSTCĐ;
- Gắn kết các doanh nghiệp du lịch có chuyên môn sâu, mức độ quan tâm và tính trách nhiệm cao tham gia từ đầu và trong suốt quá trình xây dựng, vận hành và quản lý mô hình DLSTCĐ;
- Các mô hình DLSTCĐ trong một vùng phải tạo sự đa dạng và phong phú về sản phẩm du lịch, tránh sự trùng lặp, sao chép nguyên bản, phải tạo sự liên kết và bổ sung cho nhau theo tuyến du lịch, không cạnh tranh lẫn nhau trên cơ sở thể hiện rõ nét bản sắc và nét đặc trưng riêng của mỗi mô hình;
- Tất cả các bài học kinh nghiệm từ thực tế xây dựng, vận hành và quản lý các mô hình DLSTCĐ đều phải được nghiên cứu và phân tích kỹ. Một mô hình, dù thành công hay thất bại, cũng đều cung cấp những bài học thực tế quý báu.

Hoạt động:

- 1) Điều tra và phỏng vấn các doanh nghiệp lữ hành ở Hà Nội, Tp.Hồ Chí Minh, Huế, Đà Nẵng và Hội An, chuyên sâu về du lịch sinh thái cộng đồng, quan tâm đến việc mở và bán tour đến khu vực Trung Trường Sơn;
- 2) Khảo sát, đánh giá tài nguyên du lịch và khả năng phát triển du lịch sinh thái cộng đồng của một số điểm trong khu vực thuộc phạm vi dự án và được các doanh nghiệp lữ hành quan tâm và đề cập đến;
- 3) Xây dựng bộ tiêu chí lựa chọn để đánh giá tổng thể các điểm du lịch đã khảo sát trên cơ sở đó đề xuất lựa chọn ít nhất một điểm du lịch tại mỗi địa phương để xây dựng mô hình thí điểm DLSTCĐ; Đề xuất mô hình khung;
- 4) Tổ chức kết nối và họp về thỏa thuận hợp tác giữa các doanh nghiệp lữ hành và cộng đồng địa phương với sự tham gia, chứng kiến và hỗ trợ của chính quyền địa phương;
- 5) Triển khai đầu tư xây dựng, vận hành và quản lý mô hình DLSTCĐ với sự tham gia trực tiếp của ít nhất 01 doanh nghiệp lữ hành; Đầu tư phát triển sản phẩm du lịch của mô hình DLSTCĐ tại điểm du lịch đã được lựa chọn; Xây dựng và áp dụng bộ tiêu chuẩn sản phẩm, dịch vụ của mô hình DLSTCĐ; Xây dựng và triển khai kế hoạch marketing với các hoạt động thực tế và phù hợp; Xây dựng và áp dụng bộ tiêu chí giám sát và đánh giá mô hình DLSTCĐ;
- 6) Tổng kết, đánh giá về các mô hình thí điểm đã triển khai để rút ra các bài học kinh nghiệm và đề xuất những điều chỉnh cần thiết;
- 7) Xây dựng kế hoạch nhân rộng các mô hình DLSTCĐ theo Chiến lược phát triển du lịch sinh thái.

4.2. LỰA CHỌN CÁC ĐIỂM DU LỊCH SINH THÁI CỘNG ĐỒNG TIỀM NĂNG

Căn cứ trên các tiêu chí và đánh giá sau khảo sát thực địa của NNC, Chiến lược này đề xuất các điểm du lịch sinh thái cộng đồng tiềm năng để phát triển và tuyến du lịch sinh thái cộng đồng. (Xem thêm tại Bản đồ 1 và 2)

Tỉnh Thừa Thiên Huế:

Khu bảo tồn thiên nhiên Sao La Thừa Thiên – Huế:

- 1) Thôn Ak1 (xã A Roàng, huyện A Lưới): nằm trên Đường Hồ Chí Minh, cách trung tâm A Lưới 32 km về phía nam. Đây là nơi sinh sống của dân tộc Tà Ôi. Gần khu vực thôn có suối nước nóng có thể khai thác cho du lịch.
- 2) Thôn Pa Hy (xã Hồng Hạ, huyện A Lưới): nằm trên quốc lộ 49, cách trung tâm A Lưới 25 km về phía đông. Thôn nằm trong khu giao thoa của vùng đệm 2 khu bảo tồn Sao La và Phong Điền (Thừa Thiên-Huế). Khu vực này có nhiều điểm tham quan có thể khai thác cho du lịch sinh thái như suối, hồ thủy điện.
- 3) Thôn A Nô (hay còn gọi là thôn Việt Tiến), xã Hồng Kim, huyện A Lưới: nằm trên Đường Hồ Chí Minh, cách trung tâm A Lưới 4 km về phía bắc, có 23 hộ đồng bào dân tộc Tà Ôi. Thôn hiện nay được chỉnh trang khá đẹp, có 3 hộ dân được huyện hỗ trợ đã bắt đầu triển khai hoạt động kinh doanh homestay. Theo hướng dẫn của huyện, hầu hết các gia đình ở đây đều làm hàng rào bằng tre nửa bao quanh vườn nhà, tạo ấn tượng và cảnh quan đẹp cho làng. Ngoài đặc trưng về văn hóa trong khu vực, có thể khai thác các điểm tham quan quanh thác A Noh, tắm suối, khám phá rừng nguyên sinh, tiếp cận đường mòn Hồ Chí Minh và nhiều điểm di tích lịch sử nổi tiếng ở khu vực A Lưới. Hiện nay, khu vực gần thác A Nô, bà con trong Thôn đã đóng góp xây dựng 6 nhà chòi để khách ngồi nghỉ ngơi thư giãn và thưởng thức ẩm thực địa phương sau khi tắm suối.

Khu bảo tồn thiên nhiên Bắc Hải Vân:

4) Thôn Suối Mơ (xã Lăng Cô, huyện Phú Lộc). Khu vực này có thể khai thác những đặc trưng về tự nhiên của khu bảo tồn với đa dạng sinh học kết hợp với nét riêng biệt của cộng đồng địa phương.

Vườn quốc gia Bạch Mã:

5) Thôn Dối (huyện Nam Đông): Từ thị trấn Khe Tre, ngược lên hướng Bắc khoảng 100 mét, về phía trung tâm xã Thượng Lộ. Đây là nơi sinh sống của đồng bào Cơ Tu. Gần khu vực thôn có thác Kazan, có nhiều cảnh quan có thể khai thác cho du lịch

6) Hồ Truồi (xã Lộc Hòa, huyện Phú Lộc): Đây là khu vực thu hút sự quan tâm của rất nhiều nhà đầu tư với cảnh quan tự nhiên đẹp với suối, thác, rừng, núi, gần như còn nguyên sơ. Việc khai thác cho hoạt động du lịch còn ở mức hạn chế

Tỉnh Quảng Nam

Khu bảo tồn thiên nhiên Phú Ninh:

1) Thôn Đồng Cổ, xã Tam Mỹ Tây, huyện Núi Thành. Với đặc trưng khu vùng đệm Khu bảo tồn Phú Ninh, nằm trên quốc lộ 1, gần khu công nghiệp Chu Lai đảm bảo việc tiếp cận dễ dàng với nhiều cảnh quan đẹp, đặc biệt có đàn Voọc chân xám mới phát hiện.

Khu bảo tồn thiên nhiên Sông Thanh:

2) Thôn Za Ra (xã Ta Bình, huyện Nam Giang). Khu vực này có thể khai thác các cảnh quan tự nhiên như thác Grăng, cầu Thác Nước... kết hợp với nét văn hóa dân tộc ít người trong khu vực.

Khu bảo tồn loài và sinh cảnh voi:

3) Thôn Xuân Hòa 1 (xã Phước Ninh, huyện Nông Sơn). Đây là khu vực mới được thành lập nằm trong dự án Trường sơn xanh.

Khu bảo tồn thiên nhiên Sao La - Quảng Nam:

4) Thôn Bôhông 1 (xã Sông Kôn, huyện Đông Giang) nằm trong vùng đệm Vườn quốc gia Bạch Mã, là nơi sinh sống của đồng bào dân tộc Cơ Tu. Đây là khu vực có cảnh quan thiên nhiên đẹp, phong phú, đặc biệt có suối nước nóng ở thôn Bôhông 2.

5) Thôn Đrhoong (xã Tà Lu, huyện Đông Giang) nằm trong vùng đệm Vườn quốc gia Bạch Mã, là nơi sinh sống của đồng bào dân tộc Cơ Tu.

6) Thôn Tà Làng (xã Bha Lêê, huyện Tây Giang): từ trung tâm TP.Đà Nẵng mất hơn một giờ đồng hồ để lên tới thôn Tà Làng, Giàn Bí (xã Hòa Bắc, huyện Hòa Vang, Đà Nẵng). Là nơi sinh sống của đồng bào Cơ Tu. Thôn Tà Làng nằm ngay vùng đệm của KBTTN Sao La – Quảng Nam, cách đường Hồ Chí Minh khoảng 500m. Làng có suối và thác khá đẹp, cách không xa, có một số di tích lịch sử cách mạng. Làng được thiết kế đẹp, ở giữa làng có nhà Gươl sinh hoạt cộng đồng chung, có sân tập thể thao. Làng có 88 hộ, 340 nhân khẩu. Các hộ gia đình chủ yếu ở xung quanh nhà Gươl. Đồng bào Cơ Tu ở đây vẫn mặn mà trang phục truyền thống. Trong làng có một số hộ dệt thổ cẩm, có nghề mộc. Người dân chủ yếu làm nương rẫy, chăn nuôi, tuy nhiên do nương rẫy ít, đất đai không tốt nên cuộc sống của người dân còn gặp nhiều khó khăn, cả làng có nhiều hộ nghèo.

7) Thôn A Rốt (xã A Nông, huyện Tây Giang). Địa đạo A Sò ở thôn A Rốt, nằm cách thôn Tà Làng 12km, từ Đường HCM lên 6km. Địa đạo nằm trên địa phận xã A Nông. Từ điểm dừng ô tô đi bộ khoảng 1 km đường rừng xuống thung lũng, có khoảng 150-200 hầm với 7 căn phòng dưới đất.

4.3. GIẢI PHÁP

- Thiết lập tổ chức quản lý khai thác tài nguyên du lịch sinh thái theo mô hình hợp tác công tư để huy động vốn đầu tư quốc gia kêu gọi thêm vốn từ các doanh nghiệp tư nhân, từ các ngân hàng tư nhân huy động các công ty du lịch nhỏ và vừa để xây dựng sự tham dự rộng rãi của cộng đồng địa phương trong khai thác, bán sản phẩm du lịch sinh thái cộng đồng;
 - Hình thành quỹ phát triển du lịch sinh thái cộng đồng từ nguồn xã hội hóa, khuyến khích việc đóng góp từ thu nhập du lịch cho các hoạt động bảo tồn các giá trị văn hóa, phục hồi các giá trị về sinh thái, văn hóa và phát triển du lịch xanh;
 - Nâng cao nhận thức của cộng đồng và các bên liên quan về môi trường, ĐDSH và phát triển DLSTCĐ; Khuyến khích cộng đồng tham gia vào việc cung cấp dịch vụ DLBV; Khẳng định vai trò của cộng đồng trong phát triển du lịch;
 - Về đầu tư cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật: Đầu tư, xây dựng, nâng cấp đường giao thông vào các KBTTN và VQG; Tăng cường CSVCKT cho các KBTTN và VQG; Nâng cấp kết cấu hạ tầng về quản lý các nguồn năng lượng và chất thải;
 - Về phát triển sản phẩm: Sản phẩm sinh thái thiên nhiên và nhân văn địa phương và các sản phẩm bổ trợ khác. Khảo sát tài nguyên, phân tích thị trường; Xây dựng tuyến/chương trình DLST, lập kế hoạch phát triển; Xây dựng hệ thống thông tin; Huy động nguồn lực; Xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật; Đánh giá kết quả, kiểm tra, giám sát;
 - Về liên kết và hợp tác: Liên kết giữa BQL KBTTN, VQG với các bên liên quan tới phát triển DLSTCĐ, các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch để thống nhất về định hướng phát triển, xúc tiến đầu tư; Hợp tác với các cơ quan nghiên cứu, doanh nghiệp, tổ chức đào tạo liên quan tới DLSTCĐ;
 - Về xúc tiến, quảng bá: Thực hiện nghiên cứu thị trường; Xây dựng Thương hiệu điểm đến; Tổ chức chương trình FAM, Presstrip, hội thảo khoa học; Xây dựng kế hoạch thông tin quảng bá;
 - Về thí điểm và nhân rộng mô hình DLSTCĐ: Trên cơ sở điều tra và phỏng vấn một số doanh nghiệp lữ hành và khảo sát, đánh giá tài nguyên du lịch và khả năng phát triển du lịch sinh thái cộng đồng của một số điểm trong khu vực, xây dựng bộ tiêu chí lựa chọn để đánh giá tổng thể các điểm du lịch đã khảo sát và xây dựng mô hình khung; Tổ chức kết nối và hợp về thỏa thuận hợp tác giữa các doanh nghiệp lữ hành và cộng đồng địa phương với sự tham gia, chứng kiến và hỗ trợ của chính quyền địa phương; Triển khai đầu tư xây dựng, vận hành và quản lý mô hình DLSTCĐ với sự tham gia trực tiếp của ít nhất 01 doanh nghiệp lữ hành; Xây dựng kế hoạch nhân rộng các mô hình DLSTCĐ theo Chiến lược phát triển DLSTCĐ.

4.4. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

4.4.1. PHÂN KỲ THỰC HIỆN

- **Ngắn hạn - Giai đoạn 2018 – 2019:** hoàn thiện thể chế, hình thành sản phẩm DLSTCĐ, hỗ trợ cộng đồng các kỹ năng cơ bản, marketing, xúc tiến quảng bá, đầu tư cơ sở hạ tầng cơ bản, triển khai 2 điểm DLSTCĐ mẫu.
- **Trung hạn - Giai đoạn 2018 – 2020:** hoàn thiện đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển các dịch vụ bổ sung, phát triển các sản phẩm DLSTCĐ bên cạnh các sản phẩm cốt lõi, hình thành Quỹ phát triển DLSTCĐ.
- **Dài hạn - Giai đoạn 2018-2022:** bảo tồn tài nguyên, xúc tiến quảng bá, phát triển nguồn nhân lực.

4.4.2. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Chính phủ và chính quyền địa phương:

- Phát triển du lịch sinh thái là một trong những định hướng chiến lược phát triển du lịch Việt Nam. Luật Du lịch (2017), Điều 5. Chính sách phát triển du lịch đã xác định du lịch sinh thái là một trong những loại hình du lịch được Nhà nước ưu tiên kinh phí đầu tư phát triển. Do đó, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cần phối hợp với các Bộ ngành liên quan như Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tham mưu cho Chính phủ ban hành các chính sách, quy định về phát triển du lịch sinh thái, đặc biệt là chính sách ưu đãi đầu tư phát triển du lịch sinh thái, tạo điều kiện cho cộng đồng và doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển du lịch sinh thái;

- Chính quyền địa phương hai tỉnh Thừa Thiên Huế và Quảng Nam cần cam kết thúc đẩy phát triển du lịch sinh thái và có chính sách ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư để hỗ trợ cộng đồng phát triển du lịch sinh thái, đồng thời giải quyết và khai thác mối quan hệ làm việc hiệu quả giữa những cơ quan quản lý tài nguyên và những nhà quản lý và kinh doanh du lịch. Tạo dựng mối quan hệ phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý tài nguyên tại các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên và các nhà quản lý và kinh doanh du lịch là cơ sở rất quan trọng để phát triển và thực hiện Chiến lược phát triển du lịch sinh thái vùng. Do đó, hai tỉnh Thừa Thiên Huế và Quảng Nam cần thiết hình thành **cơ chế điều phối phát triển du lịch sinh thái vùng** để giải quyết các mối quan hệ và tăng cường phối hợp giữa cơ quan quản lý tài nguyên với cơ quan quản lý và kinh doanh du lịch để thúc đẩy phát triển du lịch sinh thái vùng;

- Khi nhận được sự ủng hộ rộng rãi cho phát triển du lịch sinh thái, cần có sự bảo trợ mạnh mẽ và hỗ trợ điều phối chung của cơ quan quản lý tài nguyên và cơ quan quản lý du lịch địa phương để thúc đẩy phát triển và quảng bá du lịch sinh thái. Sở Du lịch/ Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ở hai tỉnh Quảng Nam và Thừa Thiên Huế có vai trò quan trọng trong việc vận động phát triển du lịch sinh thái tại các điểm du lịch sinh thái chính.;

- Ngoài ra, các Sở nêu trên nên chủ trì một chương trình hỗ trợ kỹ thuật cho các điểm du lịch sinh thái chính thông qua cơ chế điều phối phát triển du lịch sinh thái do 01 Lãnh đạo Sở quản lý Du lịch chủ trì. Chương trình này sẽ được tài trợ thông qua phân bổ ngân sách hiện tại từ các Sở nêu trên, với bổ sung từ các cơ quan tài trợ. Đại diện Sở quản lý du lịch tập trung quảng bá trong nước và quốc tế, lập kế hoạch và phát triển sản phẩm, đào tạo và nâng cao nhận thức về du lịch sinh thái. Đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn sẽ tập trung vào quản lý tài nguyên, các chương trình sinh kế, mở rộng dịch vụ, đào tạo, giám sát và quản lý các tác động đối với tài nguyên và môi trường, đa dạng sinh học.

Cơ quan điều phối phát triển du lịch sinh thái:

Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: đóng vai trò là cơ quan điều phối chính về phát triển du lịch sinh thái vùng. Trách nhiệm chính của Cơ quan điều phối phát triển du lịch sinh thái là phối hợp với các cơ quan liên quan giám sát thực hiện Chiến lược phát triển du lịch sinh thái vùng và có các nhiệm vụ sau:

- Xây dựng kế hoạch hành động cho phát triển du lịch sinh thái tại các điểm du lịch sinh thái chính để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;
- Vận động và thúc đẩy các điểm du lịch sinh thái chính phối hợp với các cơ quan/tổ chức/tổ chức có liên quan;
- Cung cấp tư vấn và hỗ trợ phát triển các điểm du lịch sinh thái chính;

- Hình thành mạng lưới với các cơ quan quản lý du lịch các địa phương khác trong khu vực như Đà Nẵng, Quảng Trị, Quảng Bình, Quảng Ngãi,... trong phát triển sản phẩm chung và tiếp thị thông qua mạng lưới trang web quan trọng;
- Các dự án du lịch sinh thái nhỏ được phê duyệt;
- Đề xuất các quy định, chương trình nghị sự và đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc hỗ trợ phát triển du lịch sinh thái;
- Vận động hành lang cho việc ban hành các chính sách, quy định khuyến khích phát triển du lịch sinh thái ở cấp địa phương;
- Khuyến khích thành lập Quỹ du lịch sinh thái vùng;
- Tham gia mạng lưới du lịch sinh thái của Việt Nam (nếu có).

Nhóm công tác du lịch sinh thái:

- Nhóm công tác kỹ thuật cần được thành lập để hỗ trợ Cơ quan điều phối thực hiện Chiến lược phát triển du lịch sinh thái vùng, cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho các dự án khác nhau trong sự phối hợp với một nhóm chuyên gia cần thiết;
- Nhóm công tác kỹ thuật du lịch sinh thái có thể được thành lập ở cả cấp huyện để hỗ trợ chính quyền địa phương thực hiện nhiệm vụ của mình trong việc giám sát triển khai thực hiện Chiến lược;
- Nhóm công tác kỹ thuật sẽ là một cơ chế hỗ trợ kỹ thuật và hành chính cho Cơ quan Điều phối;
- Thành viên nhóm công tác kỹ thuật ở cấp tỉnh làm việc theo chế độ kiêm nhiệm là chuyên viên đại diện của các Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Kiểm lâm, một số chuyên gia (mời hoặc tình nguyện), đại diện Tổ chức phi chính phủ quan tâm tới phát triển du lịch sinh thái (tình nguyện);
- Thành viên nhóm công tác kỹ thuật cấp huyện gồm đại diện Phòng Văn hóa Thông tin, Phòng Nông nghiệp, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Vườn quốc gia/Khu bảo tồn, một số chuyên gia (tình nguyện).

Ban quản lý phát triển du lịch sinh thái cộng đồng:

- Đối với các dự án du lịch sinh thái do các doanh nghiệp đầu tư, việc thành lập Ban quản lý hoạt động du lịch sinh thái do doanh nghiệp tự thành lập. Đối với những nơi phát triển du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng cần thành lập Ban quản lý du lịch sinh thái cộng đồng;
- Đội ngũ Ban quản lý được lựa chọn chủ yếu từ cộng đồng và một số đại diện từ bên ngoài như đại diện của doanh nghiệp du lịch và tổ chức phi chính phủ. Đội ngũ quản lý này phải có kỹ năng quản lý, đặc biệt là có khả năng quy tụ và làm việc theo nhóm, chuyên nghiệp, đáng tin cậy, công bằng và minh bạch. Đội ngũ quản lý ngay sau khi được lựa chọn cần phân định rõ vai trò và trách nhiệm của từng thành viên, đồng thời thiết lập cơ chế trao đổi thông tin cởi mở giữa Ban quản lý và cộng đồng.

4.4.3 HUY ĐỘNG TÀI CHÍNH

Để thực thi hiệu quả Chiến lược phát triển du lịch sinh thái cộng đồng vùng Quảng Nam và Thừa Thiên Huế, cần có nguồn kinh phí hỗ trợ nhất định từ ngân sách nhà nước kể cả ở cấp trung ương và địa phương. Ngoài nguồn kinh phí hỗ trợ đặc biệt từ ngân sách trung ương và địa phương để phát triển du lịch sinh thái, cần huy động tối đa các nguồn tài trợ sẵn có bằng cách tập trung và điều phối những nỗ lực của các cơ quan/ tổ chức có thể hỗ trợ phát triển du lịch sinh thái. Ngoài ra, Cơ quan điều phối phát triển du lịch sinh thái vùng cần nghiên cứu

hình thành cơ chế thực hiện dự án hiệu quả để thu hút tài trợ từ các tổ chức quốc tế quan tâm đến bảo tồn và du lịch sinh thái.

Quỹ phát triển du lịch sinh thái cộng đồng

Mục đích của việc thiết lập Quỹ phát triển du lịch sinh thái cộng đồng nhằm đảm bảo tính bền vững về mặt kinh tế của hoạt động du lịch, đảm bảo khả năng tự chủ về tài chính cho các hoạt động du lịch, đồng thời phân phối hợp lý nguồn thu cho các bên liên quan. Mục tiêu của *Quỹ phát triển du lịch sinh thái*:

- i. Hỗ trợ, cải tạo kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật tại điểm du lịch sinh thái cộng đồng;
- ii. Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng, nâng cao nhận thức cho cộng đồng địa phương;
- iii. Hoàn thiện hệ thống sản phẩm du lịch sinh thái cộng đồng;
- iv. Xúc tiến, quảng bá sản phẩm;
- v. Hỗ trợ công tác bảo tồn.

Nguồn tài chính của Quỹ:

Quỹ được hình thành dựa trên các nguồn thu từ:

- Trực tiếp từ hoạt động kinh doanh du lịch (bán vé, dịch vụ, biểu diễn nghệ thuật): chiếm 40% tổng số Quỹ;
- Nguồn tài trợ (Dự án của Chính phủ, NGOs, tổ chức/cá nhân...): 30%;
- Đóng góp của các đối tác (doanh nghiệp lữ hành, lưu trú, dịch vụ khác...): 30%.

Cơ chế quản lý Quỹ:

Đây là quỹ xã hội, nên việc điều hành và quản lý Quỹ sẽ do 3 thành phần: chính quyền địa phương, đại diện cộng đồng và đại diện doanh nghiệp. Điều hành Quỹ sẽ có trách nhiệm tạo cơ chế chia sẻ lợi ích dựa trên các quy định của pháp luật hoặc quy chế thỏa thuận giữa các bên liên quan trong việc khai thác giá trị tài nguyên của bản địa để phát triển du lịch sinh thái cộng đồng, đầu tư cơ sở hạ tầng và thúc đẩy bảo vệ các giá trị của khu bảo tồn. Các quy định, thỏa thuận giữa các bên phải rõ ràng trong việc nêu vai trò và trách nhiệm của cơ quan nhà nước, cơ quan quản lý khu bảo tồn, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư và các bên liên quan khác để đạt được mục tiêu bảo tồn và giảm thiểu tác động tiêu cực đối với khu bảo tồn do hoạt động du lịch gây ra.

Nguyên tắc của việc chia sẻ lợi ích phụ thuộc vào nhiều yếu tố như độ hấp dẫn của du lịch, loại hình du lịch tại khu bảo tồn, mức độ tham gia của cộng đồng địa phương, thu nhập từ hoạt động du lịch được chuyển tới khối tư nhân hay cộng đồng. Dự án du lịch sinh thái cộng đồng đơn giản là tạo ra cơ hội việc làm nhưng đôi khi được xem là không tạo ra quyền lực. Liên kết giữa nhóm cộng đồng dân cư và khối doanh nghiệp tư nhân đang ngày càng trở nên phổ biến để tạo ra nguồn thu cho cộng đồng và doanh nghiệp liên doanh. Tuy vậy, cộng đồng dân cư cần được hỗ trợ để tổ chức kinh doanh, hỗ trợ về mặt pháp lý để họ hiểu được nghĩa vụ cũng như trách nhiệm trong cơ chế liên doanh.

4.4.4 GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

Cơ quan điều phối phát triển du lịch sinh thái vùng sẽ sử dụng các chỉ số sử dụng để đánh giá, giám sát tính khả thi của chiến lược du lịch sinh thái cộng đồng vùng.

- Lập kế hoạch Giám sát-Đánh giá dựa trên Khung logic của Chiến lược (Phụ lục 6)
- Lập Khung hoạt động Giám sát-Đánh giá

- Lựa chọn phương pháp thu thập và xử lý số liệu
- Xây dựng công cụ thu thập và xử lý số liệu
- Đào tạo sử dụng công cụ (nếu cần)
- Thu thập, lưu giữ số liệu trong cơ sở dữ liệu
- Báo cáo định kỳ theo quy định của pháp luật

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Du lịch chịu trách nhiệm chính trong việc đánh giá hiệu suất sử dụng nguồn lực cho Chiến lược, tiến độ thực hiện các chương trình phát triển, tính phù hợp, hiệu quả và tính bền vững của Chiến lược.

Sở TN-MMT và Sở NN-PTNT chịu trách nhiệm hỗ trợ kỹ thuật trong việc đánh giá tác động của DLST đối với bảo vệ môi trường, tài nguyên rừng, đa dạng sinh học

Sở LĐ-TB-XH chịu trách nhiệm hỗ trợ kỹ thuật trong việc đánh giá tác động của DLSTCD đối với lao động việc làm, thu nhập của hộ gia đình, đời sống văn hóa xã hội, v.v... đặc biệt là của các cộng đồng dân cư trong và xung quanh các khu bảo tồn, vườn quốc gia.

Khi có yêu cầu, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Du lịch có thể phối hợp với các cơ quan đơn vị khác để thực hiện công tác giám sát, đánh giá có hiệu quả.

5. DỰ ÁN ƯU TIÊN

TT	Dự án	Thời gian			Đơn vị thực hiện		Nguồn lực
		Ngắn hạn	Trung hạn	Dài hạn	Chủ trì	Hỗ trợ	
1	Xây dựng mô hình quản lý phát triển du lịch sinh thái cộng đồng	X			UBND tỉnh chỉ đạo, Sở VH TTDL/DL và các Sở/ngành liên quan	BQL các VQG/khu bảo tồn thiên nhiên	Ngân sách địa phương
2	Hội thảo khoa học Giới thiệu, phổ biến về giá trị tự nhiên, văn hóa trong khu vực và các tác động tích cực, tiêu cực do con người tạo ra trong quá trình sinh sống và phát triển du lịch	X			Sở VH TTDL/DL	BQL các VQG/khu bảo tồn thiên nhiên, phối hợp các NGOs	Ngân sách địa phương Vận động tài trợ
4	Bảo tồn đa dạng sinh học và phục hồi các tài nguyên đã và đang biến mất để phát triển DLSTCĐ			X	BQL các VQG/khu bảo tồn thiên nhiên	Sở VH TTDL/DL, cộng đồng, phối hợp các NGOs	Ngân sách Nhà nước Vận động tài trợ Quỹ bảo tồn từ hoạt động du lịch
5	Tổ chức khóa đào tạo nâng cao nhận thức cho cộng đồng, kỹ năng phục vụ khách du lịch	X			Chính quyền địa phương	BQL phát triển DLSTCĐ, cộng đồng địa phương, phối hợp với các cơ sở đào tạo.	Ngân sách địa phương Vận động tài trợ
6	Đầu tư, xây dựng, nâng cấp đường giao thông vào các KBTTN và VQG		X		BQL các KBTTN và VQG	các Bộ, ngành liên quan, các tổ chức, doanh nghiệp và các nhà đầu tư tiềm năng	Ngân sách TW, Ngân sách địa phương, Vận động tài trợ
7	Tăng cường CSVCKT cho các KBTTN và VQG			X	BQL các KBTTN và VQG	các Bộ, ngành liên quan, các tổ chức, doanh nghiệp và các nhà đầu tư tiềm năng	Ngân sách TW, Ngân sách địa phương, Vận động tài trợ
8	Nâng cấp kết cấu hạ tầng về quản lý các nguồn năng lượng và chất thải			X	BQL các KBTTN và VQG	các Bộ, ngành liên quan, các tổ chức, doanh nghiệp và các nhà đầu tư tiềm năng	Ngân sách địa phương Vận động tài trợ
9	Khảo sát tài nguyên, phân tích thị trường, Xây dựng tuyến/chương trình DLST, lập kế hoạch phát triển	X			Sở VH TTDL/DL	BQL VQG/khu bảo tồn thiên nhiên, cộng đồng địa phương, chính quyền địa phương, phối hợp 1 số doanh nghiệp/hiệp	Ngân sách địa phương

TT	Dự án	Thời gian			Đơn vị thực hiện		Nguồn lực
		Ngắn hạn	Trung hạn	Dài hạn	Chủ trì	Hỗ trợ	
						hội du lịch, chuyên gia DLST	
10	Hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch tại các làng/thôn DLSTCĐ (homestay, trung tâm diễn giải thông tin, điểm bán hàng lưu niệm, đặc sản...)		X				Ngân sách địa phương Vận động tài trợ Quỹ phát triển DLSTCĐ
11	Tổ chức hội nghị xúc tiến đầu tư với doanh nghiệp, đoàn FAM trip, Presstrip	X			Sở VH TTDL/DL		Ngân sách địa phương Quỹ phát triển DLSTCĐ
12	Xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu, website, các trang mạng xã hội, hệ thống tờ rơi, tập gấp	X			BQL phát triển DLSTCĐ	Sở VH TTDL/DL, cộng đồng địa phương, chính quyền địa phương, BQL VQG/khu bảo tồn, phối hợp với một số chuyên gia Marketing.	Ngân sách địa phương Vận động tài trợ Quỹ phát triển DLSTCĐ
13	Xây dựng hệ thống bảng chỉ dẫn, bảng thông tin, quy định tại các điểm tham quan	X			BQL phát triển DLSTCĐ	Sở VH TTDL/DL, cộng đồng địa phương, chính quyền địa phương, BQL VQG/khu bảo tồn, phối hợp với một số chuyên gia Marketing.	Ngân sách địa phương Quỹ phát triển DLSTCĐ
14	Xây dựng thí điểm 2 mô hình DLSTCĐ tại hai tỉnh Thừa Thiên Huế và Quảng Nam	X			Sở VH TTDL/DL	Cộng đồng địa phương, chính quyền địa phương, BQL VQG/khu bảo tồn, NGOs	Vận động tài trợ

6. ĐÁNH GIÁ RỦI RO VÀ TÍNH BỀN VỮNG CỦA CHIẾN LƯỢC

6.1. GIẢ ĐỊNH RỦI RO

- Việc thực hiện Chiến lược phát triển DLSTCĐ không trở thành ưu tiên hàng đầu, song song với các kế hoạch hành động thực hiện BVMT, bảo tồn ĐDSH không được coi trọng đúng mức;
- Cơ quan quản lý nhà nước về du lịch và chính quyền địa phương không sẵn sàng thực hiện Chiến lược, không phối hợp với các bên liên quan, hoặc không quyết tâm cao;
- Nguy cơ có sự chông chéo trong đầu tư, hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực BVMT, bảo tồn ĐDSH, hỗ trợ sinh kế thông qua DLSTCĐ;
- Các tổ chức xã hội nghề nghiệp không quan tâm nhiều đến DLSTCĐ và kế hoạch phát triển DLSTCĐ;
- Yếu kém trong thực thi các quy định pháp luật về BVMT, bảo tồn ĐDSH;
- Năng lực thực hiện Chiến lược phát triển DLSTCĐ của các bên liên quan không đáp ứng được yêu cầu, thiếu sự chia sẻ, trao đổi thông tin và truyền thông, thiếu sự phối hợp cần thiết;
- Số lượng du khách gia tăng tạo ra sức ép về môi trường và biến đổi văn hóa;
- Mùa mưa lũ, hoặc giông sét nhiều vào buổi chiều trong rừng có thể gây nguy hiểm cho khách du lịch khi hoạt động ngoài trời;
- Khi cộng đồng dân cư đã có nhiều nguồn sinh kế khác ổn định hơn không còn quan tâm nhiều đến du lịch.

6.2. ĐẢM BẢO TÍNH BỀN VỮNG

- Tránh xung đột lợi ích giữa cộng đồng dân cư sinh sống trong khu vực phát triển DLSTCĐ, cơ quan quản lý KBTTN, VQG, doanh nghiệp và các bên liên quan khác bằng cơ chế chia sẻ lợi ích minh bạch và giám sát hiệu quả.
- Huy động và khuyến khích sự tham gia chặt chẽ của cộng đồng và khối tư nhân, đặc biệt, kết hợp việc thực hiện Chiến lược với hoạt động của doanh nghiệp.
- Duy trì mối liên hệ chặt chẽ giữa các bên liên quan trong thực hiện Chiến lược.
- Phát huy tối đa tiềm năng của mối quan hệ đối tác công – tư trong việc xây dựng Quỹ phát triển DLSTCĐ địa phương.
- Huy động vốn đầu tư bổ sung cho dự án: Huy động nguồn lực đầu tư từ khối tư nhân; sử dụng đất để tạo nguồn vốn; Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và liên doanh với các đối tác nước ngoài; Vay nguồn viện trợ ODA của các nhà tài trợ tiềm năng như Tổ chức Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA), Liên minh châu Âu (EU), Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), các tổ chức quốc tế như UNDP, GEF, USAID...
- Phổ biến các mô hình phát triển DLSTCĐ có hiệu quả ở cấp cộng đồng, nhân rộng điển hình áp dụng cho các khu vực và điểm đến khác và tích hợp vào Chiến lược phát triển du lịch cấp vùng và cấp tỉnh.
- UBND xã/huyện tham gia dự án phát triển DLSTCĐ áp dụng các mô hình thành công vào xây dựng Chiến lược, kế hoạch phát triển KT-XH và du lịch trong các năm tiếp theo.
- Xây dựng tài liệu hướng dẫn cho các địa phương thực hiện Chiến lược.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: THÔNG TIN CHUNG VỀ CÁC KBTTN VÀ VQG TẠI HAI TỈNH QUẢNG NAM VÀ THỪA THIÊN HUẾ

Tên	Diễn giải	Phân hạng IUCN	Tình trạng rừng	Diện tích (ha)
Tỉnh Thừa Thiên Huế				
Bắc Hải Vân	Khu Văn hóa lịch sử (đề xuất)		Rừng Phòng hộ	14,248
Bạch Mã (Bao gồm phần mở rộng)	Vườn quốc gia	II	Rừng đặc dụng	37,487
Phong Điền	Khu bảo tồn thiên nhiên	IV	Rừng đặc dụng	41,508
Sao La	Khu bảo tồn thiên nhiên		Rừng đặc dụng	15,519
Tam Giang – Cầu Hai	Khu bảo tồn đất ngập nước (đề xuất)		-	24,876
Tỉnh Quảng Nam				
Cù Lao Chàm, Hội An	Khu đa dạng sinh học trên đất liền		-	37,146
Khu Bảo tồn Loài và Sinh cảnh Voi *	Khu bảo tồn thiên nhiên		Rừng đặc dụng	19,000 **
Ngọc Linh	Khu bảo tồn thiên nhiên		Rừng đặc dụng	18,430
Núi Thanh	Khu lịch sử và văn hóa ***	V		101
Phú Ninh	Khu bảo tồn thiên nhiên (đề xuất)		Protection forest	23,000
Sao La	Khu bảo tồn thiên nhiên		Rừng đặc dụng	15,401****
Sông Thanh	Khu bảo tồn thiên nhiên		Rừng đặc dụng	75,274

Ghi chú: Thông tin của WDPA cho tới tháng 12/2017.

* Thông tin của BQL Khu Bảo tồn Loài và Sinh cảnh Voi, 2017.

** Số liệu làm tròn lên từ diện tích thực.

*** Theo Cơ sở dữ liệu Thế giới về các khu Bảo tồn với ý nghĩa như là điểm Văn hóa lịch sử, năm 2014. Theo BQL RPH tỉnh Quảng Nam, tên diễn giải mới chỉ đề xuất, chưa chính thức.

**** Thông tin của Dự thảo Kế hoạch quản lý KBTTN Sao La Quảng Nam, do dự án CarBi hỗ trợ.

PHỤ LỤC 2: TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÒNG VẤN SÂU DNLH TẠI QN, TTH

Phần I: Nội dung phỏng vấn

1. Ông/bà và doanh nghiệp của mình đã tham gia vào phát triển DLST, DLCĐ ở địa phương chưa? Tham gia như thế nào?

- Tất cả các doanh nghiệp LH được phỏng vấn đều đã tham gia phát triển DLST và DLCĐ ở địa phương, chủ yếu theo phương thức hợp tác gửi khách đến.

- Phần lớn doanh nghiệp được phỏng vấn đã tham gia đầu tư phát triển sản phẩm DLST, DLCĐ. Tuy nhiên, ở tỉnh Quảng Nam chủ yếu vẫn tập trung ở khu vực Hội An và Cù Lao Chàm, ở TT-Huế chủ yếu tập trung ở khu vực Phá Tam Giang và Huế.

2. Doanh nghiệp có những thuận lợi và khó khăn gì khi đầu tư vào phát triển DLST, DLCĐ tại địa phương?

- Thuận lợi: không nhiều, chỉ là tài nguyên ở 1 số điểm khá hấp dẫn.

- Hạn chế: khá nhiều. Có thể kể đến: các điểm DL nằm phân tán, cự ly khá xa, hạ tầng giao thông chưa thực sự thuận lợi (dù đã được cải thiện khá nhiều trong 3-5 năm gần đây), chính quyền địa phương chưa quan tâm, chưa có chính sách khuyến khích và hỗ trợ, cộng đồng địa phương nhận thức thấp, tài chính hạn hẹp,...

3. Theo ông/bà thì thị trường du khách chính của địa phương là gì? Nội địa, quốc tế?

- Thị trường khách của DLST, DLCĐ tại khu vực chủ yếu là khách Tây Âu (Pháp, Đức,..), Mỹ, Úc đi lẻ hoặc theo nhóm nhỏ.

- Khách nội địa Việt Nam không đông và chủ yếu đi 1 số điểm DLST ở phía đông, vùng ven biển.

4. Ông bà có ủng hộ việc xây dựng mô hình phát triển DLST, DLCĐ ở địa phương không? Ủng hộ như thế nào?

Ủng hộ với các hình thức và cấp độ như sau:

- Tham gia tư vấn, góp ý kiến với dự án

- Tham gia khảo sát, đánh giá và chọn điểm

- Hỗ trợ xây dựng mô hình

- Tham gia điều hành mô hình

- Có thể tham gia đầu tư 1 phần sản phẩm trong mô hình nếu phù hợp với định hướng kinh doanh của DN

5. Theo ông/bà thì nên xây dựng mô hình DLST, DLCĐ ở địa điểm nào tại địa phương?

- Tại Quảng Nam: các ý kiến không tập trung và rõ lắm

- Tại TT-Huế: khu vực A Lưới và bám theo trục đường HCM

6. Theo ông/bà thì có mâu thuẫn gì giữa phát triển DLST, DLCĐ và bảo vệ môi trường và bảo tồn các giá trị văn hóa bản địa?

- Không có mâu thuẫn gì.

- Việc phát triển DLST, DLCĐ đúng hướng và bền vững giúp bảo vệ môi trường và bảo tồn văn hóa

7. Nguyên vọng và mong muốn của ông/bà với các bên liên quan nếu có mô hình phát triển DLST, DLCĐ?

- Được tham gia từ đầu vào quá trình tham vấn lấy ý kiến, chọn địa điểm và xây dựng mô hình.
- Chính quyền địa phương phải tham gia và cần có chính sách hỗ trợ mô hình

Phần II: Danh sách những người đã trả lời phỏng vấn

1. Mr Võ Văn Vân – Chủ tịch HHDL Quảng Nam
2. Mr Lê Hoàng Hà – Công ty E-Tour Hội An
3. Mrs Nguyễn Thị Hương Em – Công ty Hội An Xanh
4. Mr Dương Văn Hiếu – Công ty DLDV Hoa Hồng
5. Mr Đinh Mạnh Thắng – Chủ tịch HHDL Huế
6. Mrs Dương Thị Công Lý – Công ty Du lịch Việt Nam, CN Huế
7. Mr Nguyễn Xuân Kỳ - Công ty Vidotour, CN Huế

PHỤ LỤC 3: NỘI DUNG TRẢ LỜI CÂU HỎI PHÒNG VẤN VỀ DLST

1. Tiềm năng phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng của Quảng Nam:

Quảng Nam có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng khá đa dạng và phong phú. Một số tài nguyên du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng nổi trội của Quảng Nam có thể liệt kê như sau:

Khu vực tài nguyên du lịch sinh thái gắn với biển, sông:

Các bãi tắm biển: Với lợi thế 125km bờ biển, Quảng Nam có nhiều bãi biển đẹp có thể phục vụ nhu cầu tắm biển, nghỉ dưỡng, tham gia các hoạt động vui chơi, thể thao biển của người dân và du khách, gồm: Hà My, An Bàng, Cửa Đại, Duy Hải, Bình Minh, Tĩnh Thủy, Hạ Thanh, Biển Rạng.

Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm, thành phố Hội An: Khu DTSQTG Cù Lao Chàm là nơi lưu giữ nhiều dấu tích cư trú của cư dân qua các thời kỳ với nhiều di chỉ khảo cổ học, nhiều công trình kiến trúc văn hóa tín ngưỡng, nếp sống văn hóa truyền thống của người ngư dân vùng biển đảo cùng một vùng sinh thái biển đảo với hệ động thực vật phong phú, đa dạng; được UNESCO công nhận là khu DTSQTG vào ngày 26/5/2009.

Làng gốm Thanh Hà, phường Thanh Hà, thành phố Hội An: Làng gốm Thanh Hà là nơi lưu giữ không gian làng nghề truyền thống, được bảo tồn khá nguyên trạng về cảnh quan văn hóa với cây đa, bến nước, sân đình, các di tích tôn giáo - tín ngưỡng và những đôi tay tài hoa, khéo léo, điều luyện của cư dân làng gốm tạo ra các sản phẩm có giá trị cao, mang tính đặc trưng của làng nghề.

Làng mộc Kim Bồng, xã Cẩm Kim, thành phố Hội An: Làng mộc Kim Bồng nằm trên vùng đất Cẩm Kim ngày nay, được xây dựng từ những năm cuối thế kỷ 15, là nơi lưu giữ và phát triển nghề mộc nổi tiếng của Hội An. Đa số các kiến trúc nhà bằng gỗ ở Hội An ngày nay đều do bàn tay tài hoa của các nghệ nhân Kim Bồng làm nên. Đến nay, nhiều sản phẩm điêu khắc gỗ của làng Kim Bồng đã được xuất khẩu ra nước ngoài.

Làng rau Trà Quế, xã Cẩm Hà, thành phố Hội An: Rau Trà Quế nổi tiếng từ rất lâu với nhiều sản phẩm rau được trồng trên đất đai màu mỡ, bón bằng loại rong lấy từ sông nên có hương vị đặc trưng riêng. Đến với Làng rau Trà Quế, du khách sẽ được trải nghiệm làm người nông dân trồng rau và thưởng thức các món ẩm thực của Hội An.

Làng An Mỹ, phường Cẩm Châu, thành phố Hội An: An Mỹ là ngôi làng được hình thành khá sớm của vùng đất Hội An. Đến nay, làng vẫn giữ nguyên vẹn những nét đặc trưng của làng quê Việt Nam. Về với An Mỹ du khách sẽ được trải nghiệm và cảm nhận những thú vị về cuộc sống của người nông dân làm nông nghiệp vào thế kỷ trước còn được gìn giữ.

Rừng dừa Bảy Mẫu Cẩm Thanh, xã Cẩm Thanh, thành phố Hội An: Rừng dừa Bảy Mẫu thuộc vùng sinh thái ngập mặn nằm gần cửa sông Thu Bồn với diện tích khoảng 58ha rừng dừa nước. Nơi đây từng là căn cứ địa cách mạng trong kháng chiến và là một trong những phần lõi của Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm. Người dân nơi đây sống chủ yếu bằng các nghề truyền thống như: đánh bắt hải sản, dệt chiếu, chằm lá dừa nước, phục vụ khách tham quan du lịch.

Làng Triêm Tây, xã Điện Phương, thị xã Điện Bàn: Làng Triêm Tây nằm ở ngã ba sông Thu Bồn đổ về Hội An và Duy Xuyên, nơi đây vẫn còn giữ nguyên nét hoang sơ của vùng quê nông thôn xứ Quảng. Những con đường xanh, uốn mình theo xóm làng rợp bóng cây. Những rặng chèo tàu được cất tía đẹp, gọn gàng chạy dọc hai bên đường. Người dân Triêm Tây thân thiện, gần gũi, chất phác với các nghề truyền thống: dệt chiếu, tráng bánh ướn, làm bánh đập, Mì Quảng...

Làng nghệ thuật cộng đồng Tam Thanh, xã Tam Thanh, thành phố Tam Kỳ: Làng nghệ thuật cộng đồng Tam Thanh là một làng chài có cảnh quan đẹp với một bên là biển Tam Thanh, một bên là sông Trường Giang. Đặc biệt, nơi đây còn có làng Bích Hoạ với hơn 100 bức

USAID.GOV CHIẾN LƯỢC DU LỊCH SINH THÁI VÙNG NHIỆM VỤ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI VÙNG VÀ MÔ HÌNH THÍ ĐIỂM DU LỊCH SINH THÁI Ở TỈNH QUẢNG NAM VÀ THỪA THIÊN HUẾ

tranh tái hiện cuộc sống đời thường của người dân làng chài và con đường thuyền thúng với chiều dài 3.7 km chạy dọc theo 03 thôn của xã Tam Thanh. Con đường thuyền thúng là bộ tranh thuyền thúng độc đáo đầu tiên và dài nhất Việt Nam với sự tham gia của cộng đồng. Các bộ sưu tập tranh vẽ, trang trí trên thúng tròn, thúng méo, ghe, lu, lưới thể hiện những chủ đề về cuộc sống, con người, văn hoá làng chài Tam Thanh.

Đảo Tam Hải, xã Tam Hải, huyện Núi Thành: Xã đảo Tam Hải cách biệt với đất liền, một mặt giáp biển và ba mặt giáp sông nên người dân sinh sống chủ yếu dựa vào biển. Thắng cảnh Bàn Than nằm phía Nam của xã là một tổng thể đá dài khoảng 2km, cao 40 mét, sắc đen như than nằm chênh vênh trên mặt biển, bao quanh mũi An Hòa. Đến Tam Hải, du khách sẽ được ngắm nhìn những bãi cát trắng trải dài dưới những vườn dừa xanh mát và có cơ hội thưởng thức đặc sản biển tươi ngon của những ngư dân vừa mang từ biển về.

*** Khu vực đồng bằng:**

Làng Mỹ Sơn, xã Duy Phú, huyện Duy Xuyên: Làng Mỹ Sơn là một làng quê, sơn thủy hữu tình. Đến đây, du khách sẽ được tham quan tìm hiểu đình Mỹ Sơn, miếu Bà, chùa An Hòa, đạp xe quanh Di tích Mỹ Sơn, chèo thuyền quanh hồ Thạch Bàn, thưởng thức những món ẩm thực độc đáo của người dân bản địa: chuối vườn Mỹ Sơn, Mì Quảng, mít trộn, gà ta...

Làng rau Hưng Mỹ, xã Bình Triều, huyện Thăng Bình: Làng rau sạch Hưng Mỹ có 294 hộ sản xuất rau với tổng diện tích 65 ha, bao bọc làng rau là một vùng cát trắng và được thiên nhiên ưu đãi với những mạch nước ngầm chảy quanh năm nên màu xanh của rau hiện hữu suốt 4 mùa. Làng rau Hưng Mỹ đã được UBND tỉnh Quảng Nam công nhận làng nghề truyền thống.

Hồ Phú Ninh, huyện Phú Ninh: Hồ Phú Ninh là công trình thủy lợi có quy mô lớn nhất của tỉnh Quảng Nam, có sức chứa gần nửa tỷ m³ nước. Diện tích mặt hồ rộng 3.433 ha với 30 đảo và bán đảo nhỏ xinh đẹp. Hệ động thực vật phong phú, đa dạng. Đặc biệt, hồ có nguồn nước khoáng có tác dụng chữa bệnh. Hồ Phú Ninh đã được xếp hạng là danh thắng cấp quốc gia.

*** Khu vực miền núi:**

Làng cổ Lộc Yên, xã Tiên Cảnh, huyện Tiên Phước: Làng cổ Lộc Yên vẫn còn hơn 10 ngôi nhà cổ từ 100 - 150 năm tuổi. Những ngôi nhà cổ mang đậm lối kiến trúc nhà Quảng Nam xưa. Nhà làm bằng gỗ mít, hai gian, ba chái, mái ngói âm dương. Phía sau nhà tựa lưng vào núi vững chãi. Phía trước nhà nhìn ra ngõ đá sâu dẫn lối xuống vũng ruộng xanh ngút. Lộc Yên mang đặc trưng của không gian sinh thái làng trung du Xứ Quảng.

Làng Xê Đăng, xã Trà Linh, huyện Nam Trà My: Là nơi sinh sống của người đồng bào dân tộc Xê Đăng dưới chân núi Trà Linh, khí hậu nơi đây quanh năm mát mẻ, với những ngôi nhà truyền thống và những ché rượu cần. Con người Xê Đăng chất phát, thật thà và mến khách.

Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh và Trại dược liệu sâm K5 (sâm Ngọc Linh), xã Trà Linh, huyện Nam Trà My: Sâm Ngọc Linh là loại dược liệu cực kỳ quý hiếm, được xếp đầu bảng trong Sách đỏ thực vật Việt Nam (1994). Hơn mười năm nay, Trại dược liệu sâm K5 đã bảo tồn được nguồn gen và phát triển sâm Ngọc Linh thành cây trồng kinh tế. Từ năm 2008, sản phẩm sâm Ngọc Linh đã bán ra thị trường. "Vương quốc" của cây sâm Ngọc Linh là những vùng rừng nguyên sinh chung quanh dãy Ngọc Linh có độ cao từ 1.500m trở lên. Nơi đây thích hợp với loại hình du lịch sinh thái, tìm hiểu, nghiên cứu.

Làng Đại Bình, xã Quế Trung, huyện Nông Sơn: Làng quê nằm ven sông Thu Bồn, có phong cách đặc trưng của làng quê Việt Nam, đặc biệt là phong cảnh nhà vườn với nhiều loại hoa quả đặc trưng của vùng đất Nam Bộ, đang được đầu tư xây dựng thành làng văn hóa điển hình.

Khu bảo tồn thiên nhiên Sông Thanh, thuộc huyện Nam Giang và Phước Sơn: Với diện tích gồm 93.249 ha vùng lõi và 108.398 ha vùng đệm, khu bảo tồn thiên nhiên sông Thanh có

tổng số 831 loài thực vật bậc cao, đã được ghi nhận qua các đợt khảo sát vào năm 1997 và 1999 WWF – Đông Dương và Viện Điều tra quy hoạch rừng Việt Nam thực hiện.

Làng Za Ra, xã Tà Bhing, huyện Nam Giang: Là làng nghề truyền thống với sản phẩm được làm từ thổ cẩm của đồng bào dân tộc Cơ Tu như: Quần, áo, khố, túi xách, ví, trang sức... Du khách được trực tiếp xem biểu diễn kỹ năng dệt thổ cẩm. Ngoài ra còn được thưởng thức các món ẩm thực đặc sản địa phương, xem biểu diễn cồng chiêng, múa tâng tung za zá...

Làng Bờ Hông, xã Sông Kôn, huyện Đông Giang: Thôn văn hóa Bờ Hông được khai trương làm điểm khai thác du lịch từ năm 2008. Đây là thôn văn hóa còn giữ được nhiều nét văn hóa đặc sắc của người Cơ Tu trên vùng núi Đông Giang với những điệu nói lý, hát lý, múa tâng tung za zá và nghề đan lát mây tre truyền thống...Thôn Bờ Hông còn có khe suối nước nóng, thích hợp cho việc kết hợp du lịch nghỉ dưỡng của du khách.

Làng Đờ Rông, xã Tà Lu, huyện Đông Giang: Làng có nhà Gươl, kiến trúc đặc trưng văn hóa Cơ Tu, là nơi bảo tồn nghề thủ công dệt thổ cẩm truyền thống ở địa phương, khí hậu quanh năm mát mẻ, khung cảnh làng quê tươi đẹp...

Rừng cây Di sản Pơ Mu, xã Axan, huyện Tây Giang: Quần thể cây Pơ Mu có độ tuổi khoảng 300 đến trên 1.000 tuổi, thuộc khu vực núi Zi'liêng, độ cao trên 1.500 mét so với mực nước biển, trải dài trên diện tích 250 ha. Cây Pơ Mu lớn nhất ở đây có đường kính gần 3 mét, cao 22 mét. Năm 2016, có 725 cây Pơ Mu nguyên sinh tại đỉnh núi Zi'liêng được Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường VN công nhận là Rừng cây Di sản VN.

Ngoài những tài nguyên đã nêu trên, các tài nguyên du lịch có thể khai thác loại hình du lịch sinh thái tại Quảng Nam còn có nhiều thắng cảnh là thác, suối, lòng hồ thủy điện...phân bố tại nhiều địa phương trên toàn tỉnh.

2. Mức độ quan tâm và ưu tiên của ngành đối với việc phát triển DLST, DLCĐ tại Quảng Nam:

Phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng là một trong những định hướng xây dựng sản phẩm của Quảng Nam, phù hợp với lợi thế về tài nguyên du lịch của tỉnh. Điều này được nêu cụ thể tại Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 27/12/2016 của Tỉnh ủy Quảng Nam về phát triển du lịch Quảng Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2025, Quyết định số 1117/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 của UBND tỉnh Quảng Nam ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 06/10/2017 của Chính phủ và Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 27/12/2016 của Tỉnh ủy Quảng Nam về phát triển du lịch Quảng Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2025. Thêm vào đó, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch đang tham mưu Đề án ban hành Chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng tỉnh Quảng Nam đến năm 2025, dự kiến Đề án được ban hành cuối năm 2018.

3. Các dự án phát triển DLST, DLCĐ ở các Khu bảo tồn của Quảng Nam:

Đến nay, Quảng Nam có 01 dự án phát triển du lịch cộng đồng tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Sông Thanh do FIDR tài trợ. Địa điểm hỗ trợ là xã Tà Bhing, huyện Nam Giang. Dưới sự hỗ trợ của dự án, điểm du lịch cộng đồng dựa vào Cốt Nam Giang đã hình thành với các dịch vụ: Ẩm thực, biểu diễn cồng chiêng, múa tâng tung za zá, trình diễn nghề dệt thổ cẩm, bán hàng lưu niệm và các đặc sản địa phương... Thị trường khách chủ yếu là khách quốc tế. Tổng lượt khách đến điểm năm 2017 đạt 1655 lượt, trong đó, khách quốc tế: 195 lượt và khách nội địa: 1460 lượt, doanh thu từ hoạt động du lịch năm 2017 đạt 580.5 triệu đồng

4. Những kinh nghiệm, bài học thành công và chưa thành công trong phát triển DLST, DLCĐ tại địa phương:

Để phát triển DLST, DLCĐ thành công, trong quá trình xây dựng các sản phẩm du lịch cần thực hiện các nội dung sau:

- Phải xây dựng kế hoạch phát triển sản phẩm du lịch tại điểm, trong đó xác định thị trường khách mục tiêu và khả năng đảm bảo tính ổn định của nguồn khách đến điểm du

USAID.GOV CHIẾN LƯỢC DU LỊCH SINH THÁI VÙNG NHIỆM VỤ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI VÙNG VÀ MÔ HÌNH THÍ ĐIỂM DU LỊCH SINH THÁI Ở TỈNH QUẢNG NAM VÀ THỪA THIÊN HUẾ

lịch trong tương lai, phát huy vai trò của doanh nghiệp du lịch trong việc tổ chức các tour đến điểm du lịch.

- Hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng về du lịch, du lịch cộng đồng cần được triển khai sớm, nhằm giúp cộng đồng hiểu được họ chính là chủ vừa quản lý, vừa cung cấp sản phẩm, dịch vụ du lịch.

- Đảm bảo chia sẻ lợi ích công bằng giữa các thành viên tham gia hoạt động du lịch trong cộng đồng, giữa những người có tham gia hoạt động du lịch và những người không tham gia.

- Thực hiện tốt các giải pháp bảo vệ môi trường và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên văn hoá.

5. Sự kết hợp giữa các ngành hữu quan (du lịch, tài nguyên môi trường, nông lâm...):

Trong thời gian qua, tỉnh Quảng Nam xác định du lịch là ngành kinh tế tổng hợp, cần có sự vào cuộc của tất cả các ngành liên quan. Trọng tâm là công tác thu hút đầu tư và cải cách hành chính để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp du lịch triển khai các thủ tục đầu tư dự án. Công tác phát triển các làng nghề, làng nghề truyền thống gắn với du lịch được quan tâm triển khai thực hiện, công tác bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường trong phát triển du lịch được quán triệt triển khai thực hiện trên toàn tỉnh. Tuy nhiên sự phối hợp giữa các cơ quan, ban, ngành, địa phương trong công tác quản lý và khai thác tài nguyên du lịch trong thời gian qua còn thiếu đồng bộ và hiệu quả.

Thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 27/12/2016 của Tỉnh ủy Quảng Nam về phát triển du lịch Quảng Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2025, Quyết định số 1117/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 của UBND tỉnh Quảng Nam ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 06/10/2017 của Chính phủ và Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 27/12/2016 của Tỉnh ủy Quảng Nam về phát triển du lịch Quảng Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2025; trong thời gian đến, các Sở, ngành, địa phương và cơ quan liên quan trên toàn tỉnh sẽ tăng cường phối hợp đồng bộ trong thực hiện các nhiệm vụ để triển khai đạt mục tiêu chương trình hành động, thúc đẩy phát triển du lịch Quảng Nam thành ngành kinh tế mũi nhọn.

PHỤ LỤC 4: TỔNG HỢP THÔNG TIN CÁC SẢN PHẨM DU LỊCH CỘNG ĐỒNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

TT	Sản phẩm	Thực trạng	Khó khăn	Đề xuất
1	Du lịch cộng đồng Mỹ Sơn, xã Duy Phú, huyện Duy Xuyên	<ul style="list-style-type: none"> - 40 hộ dân tham gia hoạt động du lịch cộng đồng, hình thành 8 tổ dịch vụ: homestay, nấu ăn, cho thuê xe đạp, du thuyền trên hồ Thạch Bàn, Hướng dẫn viên địa phương, trải nghiệm làm nông, massage, bán hàng lưu niệm. - Cộng đồng được tập huấn các kiến thức: nâng cao nhận thức du lịch cộng đồng, tiếng anh, nấu ăn, massage, thuyết minh, kinh doanh, homestay... - Được hỗ trợ 05 hộ, mỗi hộ 60 triệu để đầu tư mở rộng nhà ở thành 1 phòng homestay phục vụ khách. - Giá: Homestay: 100.000đ-150.000đ - Kết quả hoạt động du lịch còn thấp: <p>Khai trương ngày 14/3/2011. Kết quả năm 2013: phục vụ 92 khách lưu trú, trên 3000 suất ăn, Dịch vụ cho thuê xe đạp, chèo thuyền, hướng dẫn và massage chỉ mới phục vụ khách dự án, khách khảo sát.</p> <p>Quý I năm 2014: Phục vụ 15 suất ăn, 10 khách thuê xe đạp và du thuyền, 2 tour sử dụng hướng dẫn viên, 2 khách leo núi</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa xây dựng được sản phẩm du lịch mang tính đặc trưng, độc đáo - Số lượng khách ít nên các hộ dân không dám mạnh dạn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất ban đầu cho các nhóm dịch vụ vì sợ không thu được vốn và nhiều hộ có điều kiện kinh tế còn khó khăn. - Chưa có địa điểm trưng bày sản phẩm của từng nhóm dịch vụ (hiện tại sử dụng nhà tổ đoàn kết, nhưng mở cửa không thường xuyên, không có người quản lý...) 	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ bằng hiệu lớn để quảng cáo hình ảnh của HTX - Hỗ trợ kinh phí làm trụ điện bằng bê tông thay trụ bằng tre tạm bợ - Hỗ trợ kinh phí hoặc hỗ trợ nguồn vốn vay lãi với lãi suất thấp - Đề nghị Liên minh HTX Quảng Nam lồng ghép vào các chương trình hỗ trợ kinh phí kích cầu cho HTX để đầu tư cho các nhóm dịch vụ (mua sắm xe đạp vì hiện tại đang dùng xe đạp của người dân, chất lượng chưa đảm bảo...) - Kết nối khách du lịch tham quan Mỹ Sơn đến tham quan Làng du lịch Mỹ Sơn và sử dụng các dịch vụ tại Làng
2	Làng du lịch sinh thái nông thôn Nhà Vườn Triêm Tây, Điện Bàn	<ul style="list-style-type: none"> - Khai trương ngày 25/06/2013, kết quả năm 2013: <p>Khách lưu trú: 100 Khách</p> <ul style="list-style-type: none"> + Khách quốc tế: 20 khách + Khách nội địa: 80 khách (Chủ yếu khách Đà Nẵng vào cuối tuần) 	<ul style="list-style-type: none"> - Thị trường khách thực tế không phù hợp thị trường mục tiêu. - Nguồn điện yếu. - Chưa nhận được phản hồi nghiêm túc của Làng Triêm Tây về 	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ nâng cấp hạ tầng tại làng Triêm Tây. - Hỗ trợ các thủ tục cần thiết để dự án chính thức đi vào hoạt động. - Hỗ trợ tổ chức lớp học nâng cao nguồn lao động địa phương (ILO)

		<p>Khách tham quan: 600 lượt khách</p> <ul style="list-style-type: none"> + Khách nội địa: 100 khách + Khách nội địa: 500 khách 	<p>kết hợp sử dụng nguồn lao động địa phương.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ thủ tục kết nối thực hiện bến đón khách tại khu vực từ bến cá Thanh Hà trở về hướng phố cổ Hội An khoảng 500m.
3	<p>Du lịch sinh thái cộng đồng Cẩm Thanh, Hội An</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ du lịch cộng đồng có 30 hộ tham gia với các nhóm dịch vụ chèo thúng chai, nấu ăn và thuyết minh. - Chương trình WAP tập huấn cộng đồng các kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Lễ tân (4 người) + Mở và ghi chép sổ kế toán (4 người) + Nấu ăn (4 người) + Thuyết minh viên địa phương (3 người) - Dự án MFF hỗ trợ 240 triệu đồng để sắm thuyền thúng, hiện nay có 16-18 thuyền thúng chai phục vụ du lịch và được WAP trang bị 20 áo phao. Trung tâm hỗ trợ đô thị hỗ trợ biển chỉ hướng, biển quảng bá tour thuyền thúng... <ul style="list-style-type: none"> - WAP hỗ trợ in tập gấp quảng bá du lịch. - Tour tham quan: <ul style="list-style-type: none"> + Tour nửa ngày: Chèo thúng chai cho khách xem sinh hoạt thường ngày dân chài, xem rừng dừa nước, câu cua, học bơi thúng chai, đến trưa về nhà dân ăn cơm + Tour 1 giờ: Dạy khách bơi thúng chai <ul style="list-style-type: none"> - Giá: tour nửa ngày: 25\$/khách/đoàn 10 khách trở lên, đoàn ít khách hơn thì 35\$-40\$; tour 1 giờ: 100.000đ/khách/giờ 	<ul style="list-style-type: none"> - Năng lực thể chế của cộng đồng yếu, hoạt động Ban điều hành chưa thực sự hiệu quả trong việc điều phối các nhóm cộng đồng và làm việc với các bên liên quan để phát triển du lịch. - Kỹ năng cung cấp dịch vụ của cộng đồng chưa hoàn thiện, chất lượng chưa cao: thiếu đội ngũ hướng dẫn viên có thể sử dụng tiếng Anh, thiếu kiến thức vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn giao thông đường thủy, các sản phẩm nhằm kéo dài thời gian lưu trú của khách và việc sử dụng dịch vụ địa phương chưa phát huy... <ul style="list-style-type: none"> - Tình trạng thiếu chủ động do chờ đợi quy hoạch phát triển du lịch của tp Hội An. - Nguồn thu từ du lịch cho cộng đồng chưa đáng kể, tập trung ở một số ít cá nhân, chưa có cơ chế chia sẻ lợi ích chung với cộng đồng. - Một số cá nhân trong cộng đồng tự ý đón khách, bán phá giá. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ban điều hành DLCĐ Cẩm Thanh cần làm việc với các bên liên quan nhằm đảm bảo kế hoạch phát triển du lịch cộng đồng Cẩm Thanh được xem xét, cập nhật và lồng ghép trong quy hoạch phát triển du lịch Cẩm Thanh. - Tăng cường năng lực điều hành và quản lý của ban điều hành: xem xét lại cơ cấu tổ chức của ban điều hành, phân định rõ vai trò, nhiệm vụ của mỗi thành viên và cơ chế vận hành, thống nhất tổ chức hoạt động và những quy định nội bộ về điều tiết giá cả, khách, chất lượng dịch vụ..., tăng cường và ưu tiên truyền thông về vai trò trách nhiệm của các bên cộng đồng, thành phần tư nhân, chính quyền, du khách...trong hoạt động du lịch. - Hoàn thiện kỹ năng thuyết minh viên bằng tiếng Việt, cung cấp dịch vụ ẩm thực đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn giao thông thủy, sơ cấp cứu, xử lý rủi ro. - Nâng cao kỹ năng tiếng anh cho thành viên cộng đồng tham gia hoạt động du lịch

		<ul style="list-style-type: none"> - Có sự thỏa thuận nội bộ trong cộng đồng về mức giá nhưng không có cơ chế điều tiết, phân chia khách. - Thị trường khách: + Đối tượng khách chính là khách quốc tế, khách nội địa chủ yếu đến từ thành phố Hồ Chí Minh. + Khách đến chủ yếu bằng thuyền, xe đạp, xích lô. + Nguồn khách: khách lẻ, khách của một số công ty lữ hành, khách từ các booking. + Các công ty lữ hành: Công ty du lịch Sông Hội, Tân Khang, EcoTour, Khoa Trần, Hội An Travel. <p>Website: http://rungduabaymau.com</p> <p>Doanh thu 2013: 90.000.000đ</p> <p>Thu nhập cộng đồng 30.000.000đ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các công ty DL kết nối với điểm du lịch cộng đồng chủ yếu thông qua thỏa thuận riêng lẻ với các cá nhân cung cấp dịch vụ, chưa theo quy trình hệ thống điều tiết cụ thể - Hoạt động du lịch chưa phát huy được sự đóng góp của các công ty cho bảo vệ môi trường, cho tài chính, đào tạo cộng đồng 	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ đào tạo và phục hồi đội hát Bã Trạo (văn hóa phi vật thể đã có truyền thống lâu đời) và sân khấu phục vụ văn hóa văn nghệ 7 x 9 mét để kéo dài thời gian lưu trú của khách. - Hỗ trợ xây nhà vệ sinh công cộng và cầu tre qua sông Đò đến điểm du lịch trồng rau sạch hữu cơ. Chiều dài cầu: 50 mét
4	Du lịch dựa vào cộng đồng Cộtu, Nam Giang	<ul style="list-style-type: none"> - 20 nhóm sáng kiến được thành lập từ chính sáng kiến của cộng đồng về việc họ muốn giới thiệu gì cho du khách như nhóm nấu ăn, nhóm múa, nhóm dệt, nhóm thuyết minh, nhóm đan lát... - Ban Quản lý, ban Thực hiện được thành lập tổ chức hợp định kỳ và triển khai công tác giá sát - Thành lập Điều hành Tour vận hành, tổ chức các tour du lịch. - Ban hành qui định Du lịch dịch vụ cộng đồng Cộtu, lắp đặt các biển quy định du lịch. - Tập huấn các kỹ năng: Tiếng Anh cho ĐHT và TM viên, học tập kinh nghiệm tại Hội An cho cộng đồng và ĐHT, cung cấp tài liệu, cẩm nang ...cho các nhóm và ĐHT. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tour tham quan từ Đà Nẵng – Nam Giang và Hội An – Nam Giang có quỹ thời gian ko hợp lý: thời gian trải nghiệm thấp hơn thời gian di chuyển. - Một số công ty du lịch liên hệ trực tiếp với một số cá nhân trong cộng đồng thương lượng giá thấp, thời gian thấp không tuân thủ quy định. - Du lịch dựa vào cộng đồng Cộtu tại Xã Tabhing - huyện Nam Giang mới hình thành nên lượng khách đến còn thấp. - Kiến trúc cảnh quan các thôn mà khách tham quan không phản ánh 	<ul style="list-style-type: none"> - Mở rộng không gian du lịch và kéo dài thời gian lưu trú và trải nghiệm của khách, như tham quan thác Grăng và 1,3km đường Hồ Chí Minh huyện Nam Giang, kết nối tour với ĐờRông và ngủ đêm tại Bờ Hồng huyện Đông Giang (Công ty Du lịch Mạo Hiểm). - Đẩy mạnh công tác quảng bá, xúc tiến du lịch. - Cần đẩy mạnh liên kết hợp tác với các doanh nghiệp lữ hành để thu hút khách ngày càng nhiều hơn. Hiện này, mới kết nối liên kết mở rộng với Công ty Apex (Nhật Bản), Exotissimo để khai thác khách Nhật Bản. Cần quan tâm

		<ul style="list-style-type: none"> - Cải thiện tiện nghi du lịch: xây dựng được 03 nhà vệ sinh, lắp đặt 08 biển quảng cáo tại thị trấn Thạnh Mỹ, xã Tabhing... - Thành lập các nhóm cộng tác tổ chức các chiến dịch vệ sinh, giám sát... - Kết quả: Từ tháng 5/2012 cho đến tháng 2/2014 đã đón được: 27 đoàn với 381 khách Tổng doanh thu: 233.183.000 đồng Thu nhập của cộng đồng: 135.371.000 đồng 	<p>đúng văn hoá Cờ Tu như mái nhà tôn, tường nhà xây (tại điểm Trải nghiệm đời sống Cơ Tu - Thôn Bà Ròng)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết minh viên còn yếu, chưa có người nói tiếng Anh tốt với khách du lịch. - Khách du lịch thường thiếu thông tin điểm du lịch - Vấn đề vệ sinh môi trường tại các điểm du lịch chưa tốt. 	<p>khai thác thị trường khách Pháp (thích trải nghiệm và tìm hiểu văn hóa Cơ Tu) từ các đơn vị lữ hành như Vidotour, Sài Gòn Tourism...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quan tâm hỗ trợ cải tạo các nhà truyền thống của người Cờ Tu. - Đề nghị quan tâm công tác đào tạo nói tiếng Anh và đội ngũ thuyết minh viên tại điểm. - Xây dựng tập thông tin giới thiệu điểm du lịch dựa vào cộng đồng Cơ Tu tại Xã Tabhing - huyện Nam Giang. - Cần quan tâm công tác vệ sinh môi trường, cải tạo cảnh quan tại các điểm du lịch.
5	Khu du lịch Thôn Đhrông, huyện Đông Giang	<ul style="list-style-type: none"> - Chính thức khai trương vào ngày 23/6/2013. - Đã thành lập BQL du lịch cộng đồng Đhrông với 6 Tổ dịch vụ và Tổ hợp tác dệt thổ cẩm Đhrông với 18 thành viên. - ILO và UBND huyện hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà sản xuất và trưng bày dệt thổ cẩm Đhrông. - UBND huyện Đông Giang đầu tư trên 65 triệu đồng xây dựng cổng chào làng nghề dệt thổ cẩm truyền thống tại làng Đhrông - Hiện tại BQL Du lịch cộng đồng đã ký kết hợp tác với Cty TNHH Lê Nguyễn để đưa khách đến. - Các dịch vụ đã đưa vào phục vụ khách tại làng Bơ Hồng: dịch vụ lưu trú tại 02 homestay; các hoạt động trekking, biểu diễn nhạc cụ cổ truyền, múa cồng chiêng, ẩm thực, dệt thổ cẩm, đan lát... 	<ul style="list-style-type: none"> - Du khách chưa biết nhiều đến các hoạt động du lịch cộng đồng - Chưa có nhà vệ sinh công cộng phục vụ du lịch - Dịch vụ lưu trú còn hạn chế do mới chỉ có 2 nhà dân có dịch vụ homestay 	<ul style="list-style-type: none"> - Kêu gọi các nguồn tài trợ khác nhau, nguồn ngân sách tỉnh, địa phương để hoàn chỉnh các sản phẩm du lịch tại làng: - Xây dựng nhà vệ sinh công cộng phục vụ du lịch - Đầu tư thêm 4- 5 homestay phục vụ lưu trú - Nâng cấp nhà nấu ăn cho du khách đảm bảo vệ sinh - Tăng cường công tác quảng bá, xúc tiến du lịch

		<ul style="list-style-type: none"> - Dệt thổ cẩm tại làng Đhrông đã có nhiều đơn đặt hàng và đã có thu nhập trên 100 triệu từ bán hàng thổ cẩm. - Doanh thu quý I/2014: 16.200.000đ 		
6	Khu du lịch Thôn Bơ Hông, huyện Đông Giang	<ul style="list-style-type: none"> - Khai trương ngày 23/6/2013 - Đã thành lập THT Du lịch cộng đồng Bơ Hông gồm 26 thành viên, có 6 nhóm dịch vụ: <ul style="list-style-type: none"> + Nhóm Homestays: 2 + Nhóm ẩm thực: 8 + Nhóm HDV: 3 + Nhóm múa cồng chiêng: 5 + Nhóm chơi nhạc truyền thống và hát dân ca: 7 + Nhóm đan lát: 6 - Công ty TNHH Du lịch Mạo Hiểm Việt Nam đầu tư trên 2 tỷ VNĐ để đầu tư nâng cấp, sửa chữa nâng cấp các moong, nhà vệ sinh, hệ thống nước tự chảy, chỉnh trang khu vực sân bãi công cộng phục vụ lưu trú và vui chơi của khách. <ul style="list-style-type: none"> - UBND huyện đã đầu tư nâng cấp mặt cầu treo đảm bảo an toàn cho du khách và người dân lưu thông trên cầu tại làng Bơ Hông. UBND xã Sông Kôn hỗ trợ kinh phí lát ván các bậc tam cấp lên Gươl làng Bơ Hông. - Các dịch vụ đã đưa vào phục vụ khách tại làng Bơ Hông: dịch vụ lưu trú tại 05 nhà Moong, 01 nhà Gươl, 02 homestay; các hoạt động trekking, trượt phao, biểu diễn nhạc cụ cổ truyền, múa cồng chiêng, ẩm thực, đan lát... - Doanh thu năm 2013:108.450.000đ 	<ul style="list-style-type: none"> - Khách đến làng rất nhiều nhưng không có người trực tiếp đón tiếp và giới thiệu các dịch vụ <ul style="list-style-type: none"> - Đối với đoàn khách từ 10 người trở lên không có chỗ lưu trú vì làng chỉ có 2 nhà homestay còn du khách không đủ điều kiện lưu trú tại Bungalow. - Một số hộ dân khác có nhu cầu làm homestay nhưng không đủ kinh phí xây dựng nhà vệ sinh đạt chuẩn. - Nhà vệ sinh công cộng xuống cấp làm cho du khách không hài lòng khi đến làng. - Du khách cảm thấy không an toàn khi đậu xe ngoài đường quốc lộ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giải pháp, đề xuất:Kêu gọi các nguồn tài trợ khác nhau, nguồn ngân sách tỉnh, địa phương để hoàn chỉnh các sản phẩm du lịch tại làng: <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng bãi đậu xe phía trước tạo sự tin tưởng cho du khách khi đến tham quan cũng như lưu trú tại làng. - Xây dựng phòng bán vé trước cổng ra vào cổng làng vừa tạo thêm thu nhập cho làng kèm theo đó người bán vé có nhiệm vụ vừa bán vé vừa trực cổng ra vào vừa giới thiệu các dịch vụ của làng, nhắc nhở các loại xe máy khi vào làng phải dắt bộ hoặc gửi ngoài bãi đậu xe có người trông coi. - Hỗ trợ xây dựng nhà vệ sinh cho các hộ dân có nhu cầu làm dịch vụ lưu trú homestay - Nâng cấp nhà vệ sinh công cộng của làng. - Nâng cấp nhà nấu ăn phục vụ du khách, đảm bảo vệ sinh - Xây dựng pano quảng bá ngay dưới đoạn phía Đà Nẵng rẽ lên Đông Giang và 1 pano lớn trước cổng làng tạo sự thu hút cho du khách.

7	Làng du lịch sinh thái cộng đồng Trà Nhiêu, huyện Duy Xuyên	<ul style="list-style-type: none"> - Ban Quản lý du lịch cộng đồng đã được thành lập được theo Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 29/3/2013 của UBND xã Duy Vinh gồm 4 thành viên. - Ban hành Quy chế hoạt động của làng du lịch cộng đồng Trà Nhiêu - Cộng đồng đã có cam kết bảo vệ môi trường, cảnh quan, bảo đảm an ninh trật tự trong khu vực. - Tổ hợp tác dịch vụ du lịch cộng đồng Trà Nhiêu gồm 07 nhóm dịch vụ: sản xuất kinh doanh chiếu cói (12), dịch vụ ẩm thực (10), chăm lá dứa (03), trải nghiệm sông nước (07), trải nghiệm làm nông (3), homestay (04), hướng dẫn du lịch (02) - Về thủ công mỹ nghệ từ cói, hiện nay có trên 15 hộ tham gia sản xuất sản phẩm, trong đó có 6 hộ sản xuất chính các mặt hàng thủ công mỹ nghệ từ cói. Qua 2 đợt tập huấn, các hộ dân đã học được 35 mẫu sản phẩm: 7 mũ, 12 giỏ, 6 hộp đựng vật dụng, 3 dép, 3 mẫu nệm ngồi, 4 mẫu trang trí khác. Các sản phẩm được bán tại các cửa hàng lưu niệm, các chợ tại Hội An và trên địa bàn huyện, các công ty du lịch đưa khách đến cũng đã đặt hàng với số lượng lớn. Hiện tại, Ban Quản lý và người dân địa phương đang tăng cường tiếp thị hàng hóa tại các khách sạn và liên kết cung cấp hàng tại Khu Di sản văn hóa thế giới Mỹ Sơn và khu vực Trà Kiệu. - Tour du lịch 01 ngày và 01 đêm với các sản phẩm: Một ngày làm nông dân Trà Nhiêu, một ngày ở làng nghề tại Trà Nhiêu với các nghề truyền thống: làm chiếu, đánh bắt hải sản trên sông, chăm lá dứa, nấu rượu gạo, làm bánh tráng.... 	<ul style="list-style-type: none"> - Vai trò của cộng đồng trong điều phối và quản lý hoạt động du lịch chưa được phát huy tính hiệu quả kém - Chưa hiểu sâu về vai trò của cộng đồng trong du lịch cộng đồng - Vai trò và nhiệm vụ của ban điều hành và các thành viên chưa rõ ràng - Ban điều hành làm việc không lương - tính bền vững thấp - Chưa có kế hoạch hàng năm/chiến lược dài hạn - Chưa có hệ thống giám sát và đánh giá - Chưa chủ động trong công tác quảng bá, xúc tiến, tìm đầu ra cho sản phẩm lưu niệm - Quy chế điều hành và quản lý hoạt động du lịch cộng đồng tại làng du lịch sinh thái cộng đồng Trà Nhiêu chưa phát huy hiệu quả. - Kỹ năng của cộng đồng còn hạn chế dẫn đến chất lượng của các dịch vụ du lịch chưa cao - Chưa có/ người trong cộng đồng có kỹ năng hướng dẫn viên tốt - Thiếu phương tiện an toàn cho hoạt động du lịch bằng thuyền - Kỹ năng tiếng Anh còn hạn chế 	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường năng lực điều hành và quản lý du lịch của Ban điều hành du lịch cộng đồng, hoàn thiện quy chế và đưa vào sử dụng để tăng cường tính pháp lý, đảm bảo hiệu quả các hoạt động tại địa phương. - Tăng cường công tác quảng bá, tuyên truyền bằng nhiều hình thức: hỗ trợ in 500 tờ rơi, tập gấp quảng bá làng du lịch, 02 pa nô sơ đồ làng du lịch đặt tại trung tâm và đầu làng du lịch, 02 pa nô quảng bá, hướng dẫn khách về làng du lịch đặt tại bến đò Cẩm Kim-Hội An và đầu xã (Đường ĐT 610 Nam Phước – Bàn Thạch) - Hỗ trợ nguồn vốn vay ưu đãi để các hộ sản xuất thủ công mỹ nghệ có điều kiện mua nguyên liệu, sản xuất và bán hàng ký gửi. - Tìm đầu ra cho sản phẩm - Đề xuất thu phí bảo tồn và phát triển môi trường sinh thái cộng đồng bằng hình thức bán vé hoặc các doanh nghiệp lữ hành đóng phí dựa vào số lượng khách đưa đến. - Quy hoạch hạ tầng cần khơi nôi tuyến đường từ bến đò qua các thôn Trà Nam, Hà Thuận đến Trà Đông, mở rộng diện tích đất dứa nước, ổn định diện tích trồng cói, ưu tiên giữ kiểu
---	---	---	--	---

	<ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ ăn uống: có 04 địa điểm cung cấp dịch vụ ăn uống có sức chứa từ 20-50 khách. - Nhiều công ty lữ hành đã đưa khách đến tham quan như: Hội An Travel, Sông Thu, Mạo Hiểm, Mạo hiểm Việt, Sông Hội, Hội An Xanh.. - Một số công ty muốn đầu tư các dịch vụ du lịch tại địa phương: Lê Nguyễn, Hoa Hồng - Nguồn khách chủ yếu là từ các doanh nghiệp Hội An và khách đi lẻ - Thị trường khách: khách nước ngoài - Trung bình mỗi năm, làng du lịch đã đón trên 700 lượt khách đến tham quan. - Thu nhập bình quân của người dân tăng lên 10.500.000/năm so với 7.500.000/năm trước khi có dự án. - Ngoài ra, người dân cũng được hưởng lợi từ việc đầu tư cơ sở hạ tầng từ UBND huyện. Tính đến nay, huyện Duy Xuyên đã đầu tư trên 10 tỷ đồng xây dựng cơ sở hạ tầng cho địa phương. Nhà đón tiếp đã được xây dựng để sử dụng đón tiếp khách du lịch. - Trên cơ sở định giá, nhóm áp dụng giá thương lượng với các công ty du lịch: <ul style="list-style-type: none"> * Dịch vụ ẩm thực: 70.000 đồng – 90.000 đồng/ xuất * Dịch vụ trải nghiệm sông nước và làm nông, chăm lá dứa: 50.000đ/ khách * Sản xuất kinh doanh chiếu cói: 90.000 đồng - 150.000 đồng/cặp chiếu * Dịch vụ Homestay: 01 khách/01 đêm/01 phòng: 100.000 đồng; 02 khách/01 đêm/01 phòng: 150.000 đồng. * Hướng dẫn du lịch: 100.000 đồng/lượt (01 giờ). 	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa tiến hành ghi chép thu thập số liệu về du khách và thu nhập. - Có ít thợ thủ công nghề cói có đủ tay nghề để sản xuất hàng thủ công phục vụ du lịch. - Hoạt động du lịch chưa mang lại lợi ích kinh tế ổn định cho những người tham gia và cộng đồng - Các sản phẩm du lịch chưa được hoàn thiện, chưa khai thác hết nguồn cung ứng dịch vụ ở địa phương dẫn đến nguồn thu từ du lịch còn hạn chế ở một số ít hộ/cá nhân, hoặc hoạt động tự phát. 	<p>dáng nhà làng quê, khuyến khích trồng cây xanh, hàng rào sinh thái.</p>
--	--	---	--

8	Làng cổ Lộc Yên, huyện Tiên Phước	<ul style="list-style-type: none"> - Có điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch: + Lưu giữ gần như nguyên vẹn nhiều ngôi nhà cổ có tuổi đời trên dưới 200 năm. + Cảnh quan nhà vườn xanh, sạch đẹp, có đặc sản địa phương như trái loong boong, mít, gà Tiên Phước..., lưu giữ nhiều bài vè, hát hò khoan đối đáp, hát bội, nghề thủ công đan lát có thể khôi phục để phục vụ du lịch. + Người dân địa phương thân thiện, mến khách, cán bộ địa phương tâm huyết với phát triển du lịch. + Có thể kết nối tham quan làng với các điểm lân cận: Lò Thung, hang dơi, nhà lưu niệm cụ Huỳnh Thúc Kháng - Chưa được quy hoạch, đầu tư phát triển du lịch 	<ul style="list-style-type: none"> - Làng cổ Lộc Yên cách xa các Trung tâm du lịch của tỉnh như Hội An và Mỹ Sơn - Thông tin về làng cổ chưa được biết đến rộng rãi - Nhiều ngôi nhà cổ do thời gian đã xuống cấp nghiêm trọng 	<ul style="list-style-type: none"> - Có sự quan tâm của cơ quan quản lý nhà nước về du lịch trong việc quy hoạch phát triển du lịch tại làng cổ Lộc Yên, đưa làng cổ Lộc Yên vào trong các hoạt động quảng bá điểm đến, thu hút đầu tư phát triển... - Có sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế như ILO hoặc FIDR... để phát triển du lịch công đồng, sinh thái, trong đó người dân được hưởng lợi từ hoạt động du lịch. - Hỗ trợ việc trùng tu, bảo tồn nhà cổ.
---	-----------------------------------	--	---	---

DRAFT

PHỤ LỤC 5: BẢNG CHẤM ĐIỂM LỰA CHỌN ĐIỂM DU LỊCH SINH THÁI CỘNG ĐỒNG

Địa điểm:

Thời gian đánh giá:

Chuyên gia đánh giá:

Hạng mục	Tiêu chí lựa chọn	Điểm số	Nhận xét của chuyên gia
Giá trị tài nguyên tự nhiên (20)			
	Thuộc KBTTN và VQG có đa dạng sinh học	5	
	Tài nguyên tự nhiên đặc trưng	5	
	Phong cảnh tự nhiên (đồi núi, sông, suối)	5	
	Nhu cầu bảo tồn tự nhiên trong khu vực	5	
Giá trị tài nguyên văn hóa (10)			
	Mức độ hấp dẫn văn hóa các dân tộc đặc trưng trong khu vực (Phong tục, tập quán, trang phục, tín ngưỡng, lễ hội, phong cảnh làng bản, cánh đồng, sinh hoạt làng xã...)	5	
	Mức độ bảo tồn văn hóa	5	
Cơ sở hạ tầng phát triển du lịch sinh thái và các hoạt động du lịch (20)			
	Khả năng tiếp cận (tuyến tham quan)	5	
	Trang thiết bị phục vụ du lịch (công cộng) và Hệ thống cung cấp nước sạch	5	
	Cơ sở dịch vụ du lịch (lưu trú, ăn uống, vui chơi giải trí...)	5	
	Hệ thống xử lý rác thải và nước thải	5	
Khả năng phát triển sản phẩm du lịch (15)			
	Có thể tổ chức nhiều hoạt động gắn với tự nhiên và hoạt động giáo dục về môi trường và đa dạng sinh học	5	
	Có thể kết nối với nhiều điểm du lịch khác trong vùng và khu vực xung quanh; Khả năng khắc phục, giảm nhẹ tính mùa vụ	5	
	Khả năng nuôi trồng và khai thác sản phẩm địa phương để xây dựng và phát triển sản phẩm du lịch.	5	
Sự tham gia của cộng đồng địa phương (20)			
	Cộng đồng sẽ tham gia tích cực vào dự án	5	
	Cộng đồng có thể tham gia vào việc quản lý và phát triển dự án	5	
	Mức độ tham gia của doanh nghiệp dịch vụ và du lịch địa phương	5	
	Mức độ tham gia của của các tổ chức xã hội, cơ quan quản lý địa phương...	5	
Ảnh hưởng của dự án (15)			
	Sự công nhận của du lịch trong và ngoài nước. Khả năng xây dựng thương hiệu du lịch sinh thái	5	
	Kết quả tích cực của dự án đóng góp vào kinh tế-xã hội của địa phương	5	
	Khả năng kết nối và mở rộng mạng lưới du lịch sinh thái cộng đồng trong và ngoài khu vực với các dự án khác	5	
Tổng điểm		100	

Đánh giá khác:.....

.....

.....

.....

Kết quả lựa chọn: Chọn Không chọn

DRAFT

PHỤ LỤC 6: CHỈ TIÊU VÀ KẾ HOẠCH GIÁM SÁT – ĐÁNH GIÁ

Các chỉ số sử dụng để đánh giá, giám sát

Tiêu chí (giá trị)	Chỉ số	Giá trị	
Chỉ số 1 (10)	Chỉ số 1	5	
	Chỉ số 2		
	Chỉ số n		
Tinh bền vững (20)	Kinh tế	5	
	Xã hội (văn hóa)	4	
	Môi trường	6	
	Nhân rộng (thời gian, không gian)	5	
Cộng			

Cơ quan điều phối phát triển du lịch sinh thái xây dựng kế hoạch đánh giá, giám sát chiến lược, các mô hình du lịch sinh thái cộng đồng dựa trên những tiêu chí sau:

Tác động của du lịch lên cộng đồng	Tỷ lệ phần trăm người dân địa phương tin rằng du lịch làm tăng: <ul style="list-style-type: none"> - Sự tự hào của họ về cộng đồng - Cảm giác được sở hữu - Lòng tự trọng - Sự liên kết trong cộng đồng - Mức độ tự tin - Kỹ năng giao tiếp - Mối quan hệ với xã hội bên ngoài cộng đồng - Kiến thức chung - Các kỹ năng chuyên môn.
	Tỷ lệ phần trăm người dân địa phương tin rằng du lịch đã có tác động tích cực trong việc thay đổi cuộc sống của họ.
Sự tham gia của cộng đồng bản địa vào du lịch	Tỷ lệ phần trăm số lượng hàng hóa và dịch vụ được người dân bản địa cung cấp, phục vụ du lịch
	Số lượng việc làm và mức thu nhập cho người dân bản địa do du lịch mang lại.
Chất lượng sản phẩm, dịch vụ	Tỷ lệ phần trăm khách du lịch hài lòng với sự trải nghiệm về môi trường tự nhiên và môi trường văn hóa tại cộng đồng.
Mức độ nhận được nguồn lợi từ quỹ phát triển du lịch sinh thái cộng đồng và lợi ích từ phát triển	Quyết định phát triển du lịch sinh thái cộng đồng dành cho cộng đồng sử dụng vì các mục tiêu: <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu chung của cộng đồng - Làm bằng chỉ dẫn, bảng dẫn đường

USAID.GOV CHIẾN LƯỢC DU LỊCH SINH THÁI VÙNG NHIỆM VỤ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI VÙNG VÀ MÔ HÌNH THÍ ĐIỂM DU LỊCH SINH THÁI Ở TỈNH QUẢNG NAM VÀ THỪA THIÊN HUẾ

du lịch một cách công bằng của cộng đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Quảng bá, xúc tiến - Xây dựng cơ sở hạ tầng.
	Số lượng và loại hình chương trình phát triển dành cho cộng đồng địa phương (giáo dục, đào tạo, y tế, quản lý tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn...).
Phát triển cá nhân và nghề nghiệp	Tỷ lệ phần trăm người dân bản địa hạnh phúc với nghề nghiệp của họ trong du lịch.
	Tần suất các chương trình đào tạo và mức độ tham gia của người dân.
Điều hành và hỗ trợ các doanh nghiệp kinh doanh du lịch sinh thái hoạt động dựa trên cộng đồng	Số lượng người dân sử dụng nguồn lực từ các chương trình hỗ trợ dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ.
	Số lượng người dân tham gia vào các doanh nghiệp kinh doanh du lịch như kinh doanh lưu trú, ăn uống, hướng dẫn, vận tải, điều hành tour...
Hệ thống quản lý môi trường và các khởi sự bảo vệ môi trường	Đào tạo người dân hướng tới các vấn đề về môi trường
	Tỷ lệ người dân ứng dụng các công nghệ thân thiện với môi trường trong: <ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị hoặc kỹ nghệ tiết kiệm nước - Năng lượng - Tái sinh: kính, giấy và nhựa - Mua sắm xanh.

Kế hoạch đánh giá, giám sát

1. Xây dựng các mục tiêu đánh giá, giám sát
<ul style="list-style-type: none"> - Xác định các mục tiêu cụ thể có thể đạt được thông qua chương trình giám sát và mục tiêu cụ thể trong kế hoạch phát triển du lịch - Danh mục các mục tiêu được sử dụng để đánh giá, giám sát như sau: <ul style="list-style-type: none"> • Số lượng người dân bản địa được tham gia trong việc ra quyết định liên quan đến mục tiêu giám sát. • Phát triển chương trình giám sát dựa vào cộng đồng bao gồm các yếu tố văn hóa – xã hội, kinh tế, hệ sinh thái và yếu tố vật lý của cộng đồng. • Phát triển chương trình giám sát mà người dân bản địa có thể thực hiện được. • Giám sát các tác động của du lịch vào môi trường dựa trên một số biến được chọn trước một cách thường kỳ.
2. Xác định ranh giới của khu vực cần được giám sát
<ul style="list-style-type: none"> - Sau khi xác định chương trình giám sát, giới hạn của khu vực giám sát phải được thiết lập. - Giới hạn này bao gồm ranh giới vật lý của cộng đồng, hệ sinh thái, tính đa dạng sinh học hoặc khu vực đặc biệt có chứa hệ sinh thái, giới hạn địa giới hành chính của cộng đồng và các yếu tố khác quyết định những ranh giới này.
3. Xác định các thuộc tính đặc trưng của cộng đồng
<ul style="list-style-type: none"> - Sau khi các ranh giới được xác lập, các bước tiếp theo là xác định các thuộc tính hoặc tài sản thuộc cộng đồng cần phải bảo tồn hoặc bảo vệ. - Danh mục các thuộc tính này có thể dài do cộng đồng đề xuất rất nhiều hạng mục phải bảo tồn và bảo vệ ở khía cạnh môi trường và văn hóa. - Cần thiết phải xác định các đặc trưng của cộng đồng mà khách du lịch muốn xem để bảo tồn hoặc bảo vệ. - Danh mục này có thể bao gồm các lễ hội đặc biệt, hành lễ tôn giáo hoặc nét văn hóa đặc trưng của bản địa có giá trị với du khách và cộng đồng.
4. Xác định các tác động tiềm năng
<ul style="list-style-type: none"> - Nhìn chung, sự tác động của du lịch được chia thành 03 loại: văn hóa – xã hội, kinh tế và hệ sinh thái hoặc tác động về mặt vật lý.

<ul style="list-style-type: none"> - Mỗi cộng đồng cần quyết định áp dụng yếu tố tác động nào được xem là có tiềm năng tác động. - Các tác động tích cực của du lịch sinh thái như sau: <ul style="list-style-type: none"> • Bảo tồn các khu vực tự nhiên quan trọng • Bảo tồn và bảo vệ các khu vực có giá trị lịch sử • Cải thiện chất lượng môi trường • Cải thiện cơ sở hạ tầng • Bảo tồn di sản văn hóa • Nâng cao cơ hội việc làm • Tăng thu nhập cho cá nhân và gia đình • Cải thiện chất lượng sống của cộng đồng. - Bên cạnh đó, du lịch sinh thái cũng có một số tác động tiêu cực. Chương trình hành động cũng cần liệt kê những yếu tố này để kiểm soát, đánh giá.
<p>5. Ưu tiên lựa chọn các tác động</p> <p>Các tiêu chí có thể được sử dụng để quyết định tác động nào của du lịch phải giám sát đầu tiên.</p>
<p>6. Xác định các chỉ số tiềm năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bước tiếp theo là xác định chỉ số nào là tốt nhất để quản trị các yếu tố tác động - Chỉ số lựa chọn phải hiệu quả, tin cậy và hữu ích đối với người ra quyết định.
<p>7. Thu thập số liệu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sau khi đã xác định được các chỉ số để đánh giá tác động, bước tiếp theo là xác định phương pháp thu thập số liệu - Tìm kiếm số liệu có sẵn - Truy vấn chuyên gia cách thức giám sát các chỉ số - Việc thu thập số liệu phụ thuộc vào chỉ số, mùa vụ, thời gian trong năm.
<p>8. Đánh giá số liệu giám sát</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá số liệu có thể giúp ra kết quả về việc mục tiêu và mục đích phát triển du lịch sinh thái của cộng đồng có đạt được hay không. Việc đánh giá cũng có thể tìm ra tác động của hoạt động du lịch lên nguồn lực của điểm đến. - Đánh giá cần phải thực hiện trong bối cảnh kinh tế, xã hội, môi trường tự nhiên, môi trường chính trị của cộng đồng.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Viện Quản lý và Phát triển Châu Á (AMDI), *Báo cáo điều tra xã hội học khu vực dự án.*

https://sdl.thuathienhue.gov.vn/UploadFiles/TinTuc/2017/12/24/akitex_bao_cao_final.pdf, *Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Thừa Thiên – Huế giai đoạn 2013 -2020, tầm nhìn 2030*, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thừa Thiên - Huế.

Viện Quản lý và Phát triển Châu Á (AMDI) (Tháng 7/2018), *Báo cáo điều tra khảo sát của AMDI.*

Tài liệu dự án Chương trình phát triển năng lực du lịch có trách nhiệm với môi trường và xã hội, *Tiêu chí về sản phẩm du lịch có trách nhiệm.*

<http://www.quangnam.gov.vn>

<http://www.thuathienhue.gov.vn>

<http://tourconduongdisan.com/vn/Tin-tuc/Tin-du-lich-Hue/Ha-tang-Dong-luc-len-do-thi-loai-I-cua-Thua-Thien-Hue-.htm>

<http://www.itdr.org.vn/vi/thong-tin-tu-lieu/de-an-du-an/cac-du-an-phat-trien-du-lich/449-dieu-chinh-quy-hoach-tong-the-phat-trien-du-lich-tinh-quang-nam-den-nam-2010-va-dinh-huong-den-nam-2020.html>

<http://dulich.quangnam.gov.vn/ban-do-du-lich/>

https://sdl.thuathienhue.gov.vn/UploadFiles/TinTuc/2017/12/24/akitex_baocao_final.pdf, *Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Thừa Thiên – Huế giai đoạn 2013 -2020, tầm nhìn 2030*, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thừa Thiên - Huế

Baker, S., Kousis, M., Richardson, D. & Young, S. (eds). (1997). *The Politics of Sustainable Development: Theory, Policy and Practice within the European Union*, London: Routledge.

Doyle, T. & McEachern, D. (1998). *Environment and Politics*, London: Routledge.

Fundesos. (n.d). *Handbook of Ecotourism in protected areas of Vietnam*. FUNDESOS.

Mowforth, M. & Munt, I. (1998). *Tourism and Sustainability: new tourism in the Third World*, London: Routledge.

Pepper, D. (1993). *Eco-socialism: from deep ecology to social justice*, London: Routledge.

Reid, D. (1995). *Sustainable Development: An Introductory Guide*, London: Earthscan.